

**CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20260709-01 /CV-TAMRON

Xã Sóc Sơn, ngày 09 tháng 07 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty
TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam), chủ cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”, không thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có phát sinh nước thải tuy nhiên nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nội Bài sẽ được đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn xả thải theo quy định và không có phát sinh khí thải).

Với mong muốn thực hiện nghiêm túc pháp luật tại Việt Nam về bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) xin đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”.

- Địa chỉ trụ sở chính và thực hiện nhà máy: Lô 69b và 70A KCN Nội Bài, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105885582, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 4/5/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/09/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án số: 5414662135 do Ban quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 3, chứng nhận hiệu đính lần thứ 1 ngày 16/12/2025.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Luo Qiang Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 0243 7621759 Fax: 0243 7621758.

Chúng tôi gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo đăng ký bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách



nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Cơ sở rất mong được Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Qiang



**CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20260709-02/CV-TAMRON

Xã Sóc Sơn, ngày 9 tháng 7 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty
TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam), chủ cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”, không thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có phát sinh nước thải tuy nhiên nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nội Bài sẽ được đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn xả thải theo quy định và không có phát sinh khí thải).

- Địa chỉ trụ sở chính và thực hiện nhà máy: Lô 69b và 70A KCN Nội Bài, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105885582, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 4/5/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/09/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án số: 5414662135 do Ban quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 3, chứng nhận hiệu đính lần thứ 1 ngày 16/12/2025.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Luo Qiang Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 0243 7621759

Fax: 0243 7621758.

Với mong muốn thực hiện nghiêm túc pháp luật tại Việt Nam về bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) xin đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)” với các nội dung sau:

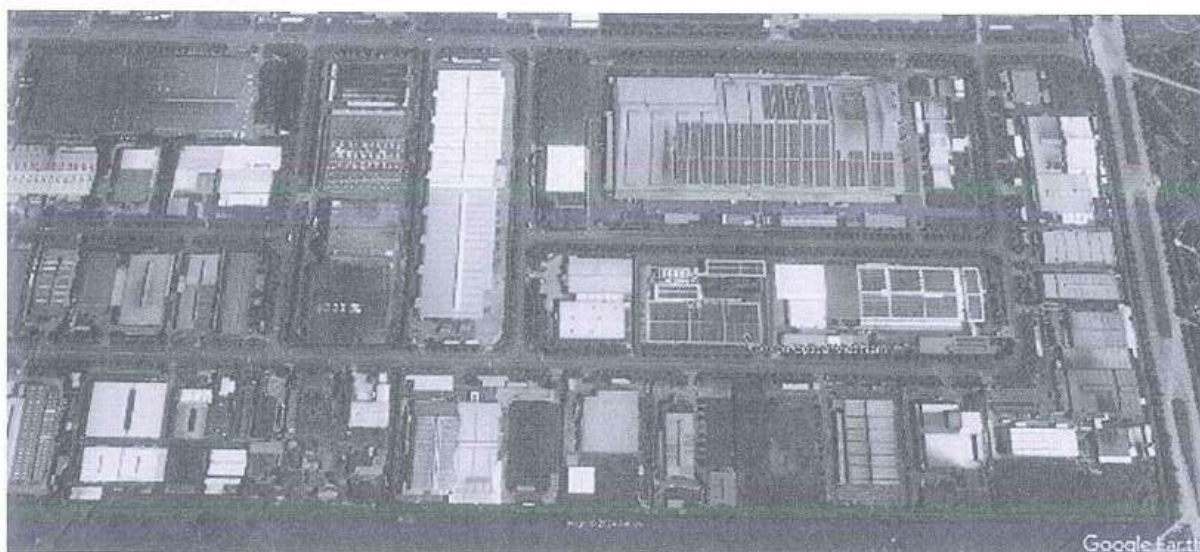
1. Thông tin chung về cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”.

1.2. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

1.3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô 69b và 70A KCN Nội Bài, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vị trí của cơ sở trong KCN Nội Bài như sau:



Hình 1: Vị trí của nhà máy trong KCN Nội Bài

Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục công trình của Nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây (bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng Nhà máy được đính kèm tại Phụ lục):

Bảng 1: Quy mô các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
I.1	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng 2 tầng	m²	7.413,9	
-	Tầng 1	m ²	7.413,9	
+	Khu vực bảo vệ	m ²	81	
+	Kho	m ²	936	
+	Phòng kiểm tra chất lượng	m ²	155	
+	Đóng gói	m ²	240	
+	Thầu kính	m ²	3137	
+	Văn phòng	m ²	175	
+	Căngteen	m ²	709	
+	Phòng điện	m ²	471	
+	Tiện ích khác	m ²	1.509,9	
-	Tầng 2		7.209	
+	Thầu kính	m ²	1.569	
+	Lắp ráp	m ²	3.364	
+	Kiểm tra chất lượng	m ²	168	
+	Phòng điện	m ²	579	
+	Văn phòng	m ²	403	

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
+	Tiện ích khác	m ²	1.126	
-	Tầng 3	m ²	700	
+	Lắp ráp	m ²	700	
I.2	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà bảo vệ	m ²	81	
2	Nhà để xe	m ²	1.134	
3	Sân, đường giao thông nội bộ	m ²	2.377	
I.3	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Cây xanh	m ²	2.475,1	
2	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Hệ thống	01	-
3	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Hệ thống	02	-
4	Hệ thống bể tự hoại xử lý sơ bộ NTSH	Bể	02	125 m ³
5	Bể tách mỡ khu vực nhà ăn	Bể	1	18,62 m ³
6	Khu lưu giữ CTCNTT	m ²	15	
7	Khu lưu giữ CTNH	m ²	25	
8	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 300 m ³ /ngày	m ²	81	Chưa xây dựng
9	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 184 m ³ /ngày	m ²	200	
	Tổng		13.400	

Nhận xét: Các hạng mục công trình đã được xây dựng tại cơ sở đều tuân thủ thiết kế và quy mô xây dựng theo các quyết định chấp thuận thiết kế và kỹ thuật công trình của cơ sở.

Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép môi trường có liên quan đến cơ sở:

- Giấy phép xây dựng số 245/GPXD-BQL-QHXD ngày 12/09/2011 của Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

- Văn bản số 4046/STNMT-CCBVMТ ngày 21/05/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ hoạt động của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 571/QĐ-STNMT ngày 27/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đối với Cơ sở Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

- Đơn vị tiếp nhận ĐKMT của cơ sở: Căn cứ vào Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và Văn bản số 2076/CNCCN-XDMT ngày 29/6/2026 của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp về việc thống nhất thực hiện một số quy định pháp luật về Bảo vệ môi trường tại các Khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội thì đơn vị tiếp nhận ĐKMT của cơ sở là Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

1.4. Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 1.463.050.000.000 VNĐ (Một nghìn bốn trăm sáu mươi ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (theo quy mô, mức độ quan trọng), Nhà máy thuộc nhóm A (căn cứ Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV.

1.5. Quy mô công suất:

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế tại nhà máy và các đơn hàng dự kiến trong những năm tiếp theo, Cơ sở đề xuất công suất tại nhà máy như sau:

Bảng 2: Công suất sản xuất tại Nhà máy

STT	Sản phẩm		Công suất (sản phẩm/năm)	
	ĐTM (tương đương GCNĐT thay đổi lần 2)	ĐKMT (tương đương GCNĐT thay đổi lần 3– hiệu đính lần thứ 1)	ĐTM (tương đương GCNĐT thay đổi lần 2)	ĐKMT (GCNĐT thay đổi lần 3 – hiệu đính lần thứ 1) (*)
1	Ống kính máy ảnh	Các loại thấu kính, các thiết bị và các sản phẩm dùng thấu kính (thấu kính thay thế được, ống kính máy ảnh, ống kính máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video kỹ thuật số)	1.800.000	1.000.000
	Ống kính máy ảnh kỹ thuật số và ống kính máy quay video kỹ thuật số		300.000	
2	-	Ống kính tivi mạch kín - CCTV, ống kính cho máy điện thoại di động, ống kính dùng cho ô tô	-	5.000.000
3	Linh kiện quang học	Các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như khuôn kim loại hoặc các linh kiện cơ khí khác bao gồm linh kiện và dụng cụ sửa chữa	100.000	10.000.000
	Tổng		2.200.000	16.000.000

Ghi chú: Cơ sở nâng công suất dựa trên các điều kiện như sau:

- Công nghệ sản xuất các sản phẩm thấu kính, ống kính và các sản phẩm quang học khác về cơ bản là tương tự nhau, sử dụng chung hệ thống thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện hữu đang hoạt động tại cơ sở.

- Nhà máy thực hiện tối ưu hóa quy trình sản xuất, cắt giảm một số công đoạn gia công cơ khí chi tiết tốn nhiều thời gian và lao động. Trong giai đoạn mới, công đoạn gia công linh kiện kim loại được chuyển sang Cơ sở 2 tại KCN Thăng Long 3, tỉnh Phú Thọ. Tại nhà máy hiện hữu, hoạt động sản xuất chủ yếu bao gồm sản xuất linh kiện thấu kính, kiểm tra chất lượng và lắp ráp các linh kiện để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

- Lắp đặt bổ sung các dây chuyền sản xuất thấu kính và dây chuyền lắp ráp tự động, tăng mức độ tự động hóa trong nhiều công đoạn sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng công suất thiết kế của nhà máy.

1.6. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

❖ Quy trình sản xuất, gia công, lắp ráp các linh kiện, sản phẩm, thiết bị quang học như các loại thấu kính, thiết bị dùng thấu kính, ống kính CCTV, ống kính dùng cho ô tô, điện thoại, các linh kiện sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học và dụng cụ sửa chữa



Hình 2: Quy trình sản xuất sản phẩm tại cơ sở

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Hoạt động sản xuất tại cơ sở bao gồm sản xuất một số linh kiện thấu kính nội bộ và lắp ráp các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như thấu kính, ống kính CCTV, ống kính dùng cho ô tô, điện thoại, các linh kiện cơ khí chính xác và dụng cụ sửa chữa, các bước sản xuất sản phẩm như sau:

Bước 1: Nhập linh kiện và linh kiện sản xuất nội bộ:

Nguyên liệu, linh kiện đầu vào bao gồm các linh kiện, bán thành phẩm được nhập từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước và các linh kiện thấu kính được sản xuất nội bộ tại nhà máy. Các linh kiện sau khi tiếp nhận được lưu giữ tại khu vực kho nguyên liệu, linh kiện.

Bước 2: Kiểm tra linh kiện:

Toàn bộ linh kiện nhập từ bên ngoài và linh kiện thấu kính sản xuất nội bộ đều được kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Công ty trước khi đưa vào sản xuất. Các linh kiện không đạt yêu cầu (NG) được phân loại riêng. Đối với linh kiện mua ngoài không đạt yêu cầu sẽ được trả lại nhà cung cấp; đối với linh kiện sản xuất nội bộ không đạt yêu cầu sẽ được xử lý theo quy định quản lý chất lượng của Công ty.

Bước 3: Dây chuyền lắp ráp:

Các linh kiện đạt yêu cầu được đưa vào dây chuyền lắp ráp tự động hoặc bán tự động. Tại đây, linh kiện thấu kính sản xuất nội bộ được kết hợp với các linh kiện mua ngoài để lắp ráp thành các sản phẩm hoàn chỉnh. Quá trình lắp ráp được thực hiện theo các thông số kỹ thuật đã được cài đặt cho từng loại sản phẩm và có công nhân giám sát trong suốt quá trình sản xuất.

Bước 4: Kiểm tra chất lượng sản phẩm (QC):

Sau khi hoàn thành công đoạn lắp ráp, sản phẩm được bộ phận kiểm soát chất lượng (QC) kiểm tra theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định. Các sản phẩm không đạt yêu cầu được chuyển trở lại dây chuyền lắp ráp để sửa chữa, điều chỉnh và kiểm tra lại cho đến khi đạt yêu cầu chất lượng.

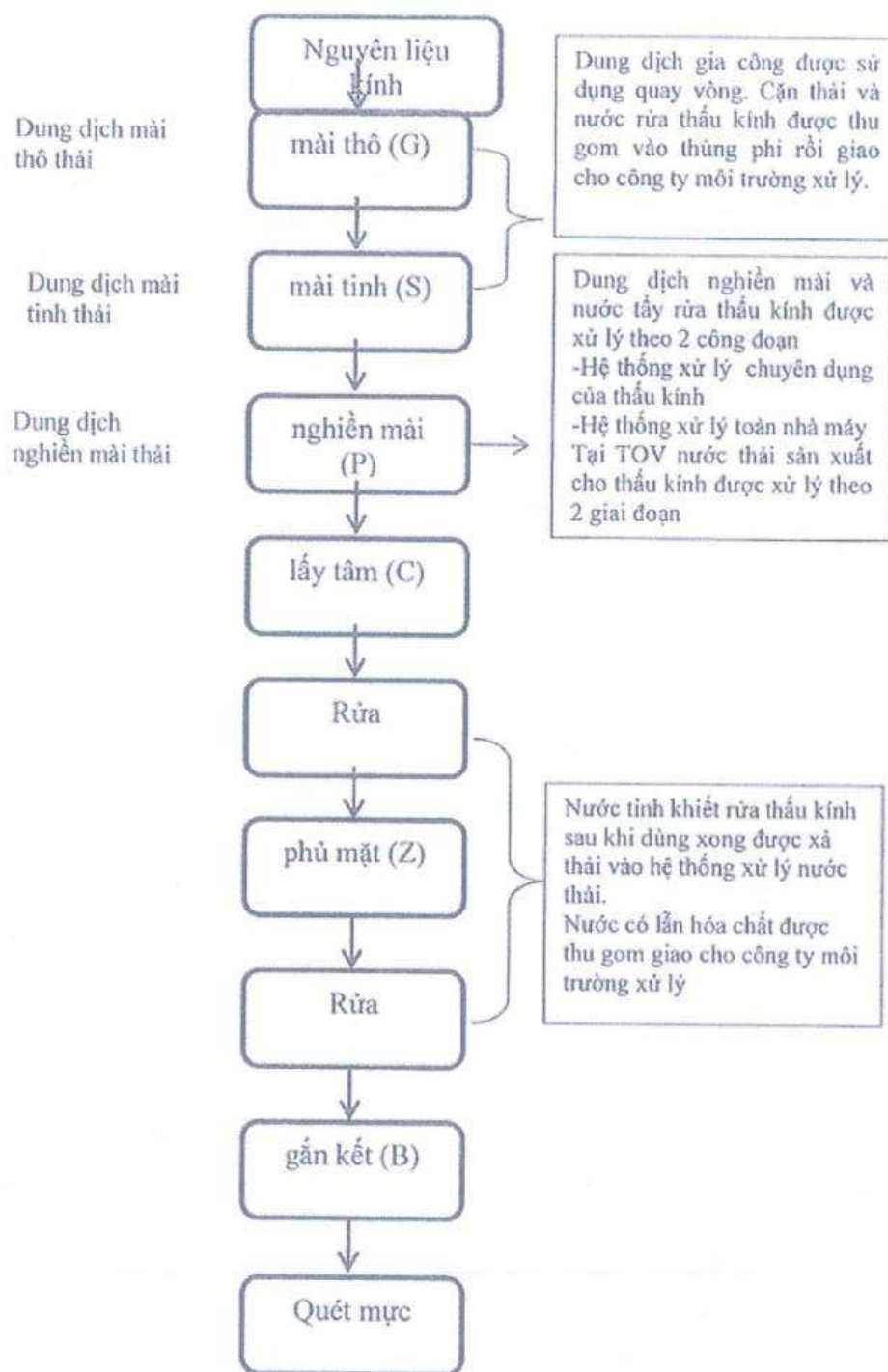
Bước 5: Đóng gói:

Các sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói theo quy cách quy định của khách hàng hoặc của Công ty.

Bước 6: Xuất hàng:

Sản phẩm sau khi đóng gói được lưu kho thành phẩm và xuất bán cho khách hàng. Chi tiết các quy trình sản xuất linh kiện nội bộ tại Cơ sở là gia công thấu kính như sau:

Quy trình gia công thấu kính



Hình 3: Quy trình gia công thấu kính, ống kính

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Phôi kính sau khi nhập về sẽ đưa vào công đoạn mài thô tại công đoạn này sử dụng máy mài thô và dung dịch mài thô để lấy thô nhám.

Sau đó sử dụng máy mài tinh để mài 1 lần nữa để đạt kích thước độ dày của thấu kính và tăng độ chính xác bề mặt.

Tiếp theo sản phẩm kính qua máy nghiền mài và chất miền mài để tạo độ bóng và độ chính xác cho thấu kính.

Sản phẩm kính qua máy lấy tâm để cắt hình định tâm thấu kính theo bản vẽ

Sau đó sản phẩm được rửa qua nước tinh khiết để rửa hết dầu.

Công đoạn tiếp là phủ mặt sẽ sử dụng máy và thuốc phủ để tạo màn, mặt bề mặt thấu kính.

Sau đó sản phẩm được rửa qua nước tinh khiết để rửa sạch bụi bẩn.

Sau đó có một số mã thấu kính được đưa qua công đoạn gắn kết (đây là công đoạn dùng keo gắn 2 thấu kính lại).

Tiếp theo thấu kính sẽ được quét mực rìa thấu kính để tránh mất ánh sáng. Sau đó dùng bằng mắt thường để kiểm tra thấu kính theo tiêu chuẩn bản vẽ nếu thấu kính đạt tiêu chuẩn sẽ chuyển lên lắp ráp.

Dung dịch mài tinh và mài thô được thu gom và giao cho công ty môi trường xử lý.

Dung dịch nghiền mài được xử lý tại khu xử lý nước thải của nhà máy.

Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Nguồn gốc
1	Máy mài thô	cái	23	Hoạt động bình thường	Nhật Bản Trung Quốc Hàn Quốc
2	Máy mài tinh	cái	27		
3	Máy nghiền mài	cái	133		
4	Máy rửa	cái	6		
5	Máy lấy tâm tự động	cái	26		
6	Máy lấy tâm vận hành tay	cái	32		
7	Máy phủ mặt	cái	20		
8	Máy lọc nước RO	cái	2		
9	Máy li tâm	cái	4		
10	Máy sửa đĩa gia công	cái	4		
11	Máy giao thoa	cái	9		
12	Máy phun cát	cái	1		
13	Máy kiểm tra độ ẩm	cái	1		
14	Máy đo thành phẩm XRF	cái	1		
15	Máy đo độ tròn	cái	1		
16	Máy đo tự động ba chiều	cái	1		
17	Máy đo biến động độ ẩm	cái	5		
18	Lò sấy	cái	18		
19	Máy quét mực	cái	3		
20	Máy Rive	cái	30		
21	Máy điều chỉnh và kiểm tra MTF, FB	cái	50		
22	Máy tra keo	cái	30		
23	Máy nén khí	cái	4		
24	Máy chiller	cái	5		
25	Máy nước làm lạnh	cái	3		
26	Máy đo chấn động	cái	1		

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

❖ Nhu cầu về lao động

- Giai đoạn hiện tại và khi nhà máy hoạt động ổn định: Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy là khoảng 1.500 người, tại nhà máy có hoạt động nấu ăn phục vụ bữa ăn công nghiệp cho lao động làm việc tại Nhà máy.

❖ Nhu cầu về nguyên, nhiên, vật liệu

Bảng 4: Quy mô công suất của nhà máy năm 2025 và sau khi ĐKMT

STT	Sản phẩm		Công suất (sản phẩm/năm)	
	ĐTM (trung đương GCNĐT thay đổi lần 2)	ĐKMT (GCNĐT thay đổi lần 3)	Hiện hữu	ĐKMT (GCNĐT thay đổi lần 3)
1	Ống kính máy ảnh Ống kính máy ảnh kỹ thuật số và ống kính máy quay video kỹ thuật số	Các loại thấu kính, các thiết bị và các sản phẩm dùng thấu kính (thấu kính thay thế được, ống kính máy ảnh, ống kính máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video kỹ thuật số)	400.488	1.000.000
2	-	Ống kính tivi mạch kín - CCTV, ống kính cho máy điện thoại di động, ống kính dùng cho ô tô	56.516	5.000.000
3	Linh kiện quang học	Các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như khuôn kim loại hoặc các linh kiện cơ khí khác bao gồm linh kiện và dụng cụ sửa chữa	4.875.282	10.000.000
	Tổng		5.332.286	16.000.000

Trong năm 2025, nhà máy đã sản xuất với quy mô khoảng 5.332.286 sản phẩm tương ứng với khoảng 33,32% công suất đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 3. Như vậy căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất của nhà máy năm 2025 dự báo nhu cầu nguyên liệu, hóa chất của nhà máy khi vận hành 100% công suất như sau:

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại cơ sở hiện hữu và sau khi nâng công suất

STT	Nguyên, nhiên, vật liệu	Khối lượng hiện hữu (Tấn)	Khối lượng ĐKMT (Tấn)
1	Linh kiện điện tử	19.81	59.43
2	Linh kiện đóng gói	167.66	502.98
3	Linh kiện nhựa	125.32	375.95
4	Phôi nhựa	106.13	318.39
5	Vật liệu nhỏ	34.78	104.34
6	Thấu kính	136.19	408.58
7	Phôi kim loại, thấu kính, linh kiện điện tử	331.50	994.50
8	Nguyên vật liệu phụ: chất nghiền mài	4.33	12.98

Bảng 6: Nguyên liệu, hóa chất chính sử dụng trong hoạt động sản xuất tại cơ sở giai đoạn hoạt động ổn định

T T	Tên sản phẩm thương mại	Chất thành phần			Khối lượng (kg)	
		Cas	Tên hóa học	Hàm lượng	Hiện hữu	ĐKMT
1	GT-7III thinner	108-88-3	Toluene	0-35	108	324
		108-65-6	2-Propanol, 1-methoxy-, acetate	20-30		
2	WASHING SOLUTION DC-8	64742-95-6	Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	0-100	11299	49839
3	ACETONE	67-64-1	Acetone	0-100	7980	33666
4	ZS-2000C	1314-23-4	Zirconium(IV) oxide	0-25	7980	23940
		7732-18-5	Water	0-75		
5	MGF2	7783-40-6	Magnesium fluoride (MgF2)	0-100	1300	5781
6	TOMOCOOL PE # 552	111-42-2	2,2'-Iminodiethanol	20-30	840	2520
7	SIO2	60676-86-0	Silica, vitreous	0-100	273	819
8	ZOX-N	1314-23-4	Zirconium(IV) oxide	80-90	3340	10020
9	ALUMINIUM OXIDE	1344-28-1	Aluminium oxide	0-100	3715	21120
		1332-58-7	Kaolin	0-0,5		
10	RHODITE 904	68188-83-0	Rare earth oxides	20-70	140	420
		14485-31-5	Thorium(IV) phosphate	0-0,2		
11	OH-40(B)	1312-81-8	Lanthanum oxide (La2O3)	68-70	442	1325
		1317-80-2	Titanium dioxide (rutile)	30-32		
12	METHANOL	67-56-1	Methanol	0-100	179067	537201
		1312-81-8	Lanthanum oxide (La2O3)	30-40		
13	CERIUM OXIDE POLISHING POWDER	1306-38-3	Cerium(IV) oxide	60-70	3710	11130
		12037-29-5	Praseodymium(III,IV) oxide	0-1		
14	TOMOCOOL PE # 552	111-42-2	2,2'-Iminodiethanol	20-30	960	2880
15	POLISHING POWDER	1306-38-3	Cerium(IV) oxide	50-100	1570	4710
		1312-81-8	Lanthanum oxide (La2O3)	0-50		
16	VBC SYNCOOL B-470VM	102-71-6	Triethanolamine	10-20	180	540
		141-22-0	(R,Z)-12-Hydroxyoctadec-9-enoic acid	10-30		

17	GLYCEROL	7732-18-5	Water	60-70		
		56-81-5	Glycerol	99-100	3732	11196
18	DOGx-66 ADHESIVER	108-88-3	Toluene	0-80		
		64742-89-8	Solvent naphtha (petroleum), light aliphatic	0-10	216	648
19	DẦU ĐƯỜNG TRƯỢT 68 LA81068	64742-54-7	Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	0-99	1330	3990
		9004-82-4	Sodium alpha-dodecan-1-yl-omega-(sulfonatooxy)poly(oxyethylene) acid	10-20		
20	SUNLIGHT Dishwashing Liquid	68584-22-5	Alkyl(C10-16)benzenesulfonic acid	20-30	8122	24366
		64-17-5	Ethanol, Cồn, Rượu	1-5		
		111-42-2	2,2'-Iminodiethanol	0,1-1,5		
		1309-48-4	Magnesium oxide	1-5		
		7440-50-8	Copper	0,1-3		
		7440-22-4	Silver	0-3		
21	SPARKLE ESC F3 M705	7440-31-5	Tin	90-100	210	630
		64742-89-8	Solvent naphtha (petroleum), light aliphatic	0-10		

Bảng 7: Nhu cầu sử dụng hóa chất của các hệ thống XLNT tại Nhà máy khi đi vào vận hành ổn định

STT	Hóa chất sử dụng	Nhu cầu sử dụng (kg/năm)
I	Hệ thống XLNTSX	
1	PAC 30%	37.440
2	NaOH	37.440
3	Polymer	2.808
II	Hệ thống XLNTSH	
1	NaOH	9.185
2	FeCL3	803
3	NaOCl	287

Quá trình lưu trữ, bảo quản hoá chất tại Nhà máy đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Xác định khu vực chứa các sản phẩm hóa chất và thông báo với mọi nhân viên. Mọi sản phẩm hóa chất phải được sắp xếp đúng chỗ trong khu vực chứa;

Giữ gìn tủ trữ sạch sẽ, trật tự và luôn trong tình trạng tốt (các ngăn hộc, tầng...)

Các sản phẩm hóa chất không được đặt ở lối qua lại của người, phương tiện, ...

Tránh tồn trữ các bình chứa trên các khu vực đất thấm nước, ngoài trời và trong các khu vực mà sản phẩm hóa chất không được bảo vệ tránh nắng, mưa, ...

Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải để các phương tiện, dụng cụ để ứng phó với các tình huống tràn đổ và rò rỉ hóa chất (Sử dụng khay chống tràn, cát, giẻ lau).

Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải sẵn có các biển báo, chỉ dẫn và MSDS của hóa chất trong kho và bồn rửa mắt khẩn cấp phòng khi có sự cố hóa chất xảy ra.

Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp cho từng loại hóa chất như: Dùng khẩu trang, mặt nạ phòng độc hoặc thiết bị thở đối với hóa chất độc hại dễ bay hơi;

Đối với từng loại hóa chất cần phải được đánh dấu, ký hiệu rõ ràng, cụ thể tránh nhầm lẫn khi xếp hàng, đóng gói. Thông thường, khi xếp kệ hóa chất không cao quá 2m, không cao sát trần nhà, nên cách tường ít nhất 0,5m, cách mặt đất từ 0,2-0,3m. Đối với những hóa chất là chất lỏng, dễ bay hơi thì cần được chứa trong các thùng kim loại không rò rỉ, để nơi thoáng mát để đảm bảo an toàn.

Đối với hóa chất dễ cháy nổ: phải áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ phù hợp như cách ly nguồn nhiệt, nguồn lửa, nơi làm việc phải thông thoáng.

❖ **Nhu cầu điện**

- Nguồn cung cấp điện: KCN Nội Bài. Điện của KCN cấp đến trạm biến áp của nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng: theo hoá đơn sử dụng điện thực tế năm 2025, lượng điện nhà máy sử dụng là 16.707.612 kW/năm, như vậy khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định (100% công suất) lượng điện sử dụng dự kiến là 25.000.000 kW/năm.

❖ **Nhu cầu nước**

- Nguồn cung cấp nước: Nhà máy sử dụng nước của KCN Nội Bài

Theo hóa đơn sử dụng nước tại nhà máy năm 2025, nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

Bảng 8: Nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy năm 2025

Tháng	Khối lượng sử dụng nước (m ³ /tháng)	Khối lượng nước sử dụng trung bình (m ³ /ngày)
1	6876	229
2	7032	234
3	7854	262
4	9025	301
5	7122	237
6	9190	306
7	8548	285
8	7985	266
9	8139	271
10	8365	279
11	8948	298
12	7652	255
Trung bình	96.736	265

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy năm 2025 cho thấy, trung bình lượng nước sử dụng trong 1 ngày tại nhà máy là 265 m³/ngày (Nhà máy hoạt động trung bình 26 ngày/tháng), nước cấp được sử dụng cho các mục đích sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 96 m³/ngày (Căn cứ vào nhật ký vận hành của hệ thống XLNTSH của cơ sở - tương ứng định mức sử dụng nước cho 01 lao động tại nhà máy là khoảng 64 lít/người).

- Nước cấp tưới cây rửa đường: 10 m³/ngày.

- Nước cấp phục vụ sản xuất:

+ Cấp phục vụ trực tiếp vào các công đoạn sản xuất: 104 m³/ngày.

+ Cấp vào hệ thống lọc nước RO trước khi vào công đoạn sản xuất: 55 m³/ngày (trong đó lượng nước sạch đi vào sản xuất là khoảng 33 m³/ngày và lượng nước thải sau lọc là khoảng 22 m³/ngày tương ứng tỉ lệ lọc RO tại nhà máy là 60:40).

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hiện hữu, dự kiến nhu cầu sử dụng nước sau khi nhà máy đạt 100% công suất như sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 96 m³/ngày (không đổi do cơ sở không tăng số lượng lao động làm việc tại nhà máy).

- Nước cấp tưới cây rửa đường: 10 m³/ngày.

- Nước cấp phục vụ sản xuất:

- + Cấp phục vụ trực tiếp vào các công đoạn sản xuất: 200 m³/ngày.
- + Cấp vào hệ thống lọc nước RO trước khi vào công đoạn sản xuất: 137,5 m³/ngày (trong đó lượng nước sạch đi vào sản xuất là khoảng 82,5 m³/ngày và lượng nước thải sau lọc là khoảng 55 m³/ngày tương ứng tỉ lệ lọc RO tại nhà máy là 60:40).

Bảng 9: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy

STT	Mục đích sử dụng	Hiện hữu (m ³ /ngày)		Năng công suất (m ³ /ngày)	
		Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải
1	Sinh hoạt	96	96	96	96
2	Tưới cây rửa đường	10	0	10	0
3	Sản xuất	159	159	337,5	337,5
-	Cấp trực tiếp vào các công đoạn sản xuất	104	104	200	200
-	Cấp vào hệ thống lọc nước RO trước khi vào công đoạn sản xuất	55	22	137,5	55
+	Gia công thấu kính	33	33	82,5	82,5
	Tổng (1+2+3)	265	255	443,5	433,5

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở.

3.1. Đối với nước thải

Nhà máy phát sinh cả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy như sau:

❖ Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh nước thải của Nhà máy bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các Khu nhà vệ sinh trong Nhà máy;
- Nguồn số 02: Nước thải từ các bồn rửa tay, nước lau sàn từ các nhà vệ sinh trong Nhà máy;
- Nguồn số 03: Nước thải từ bồn rửa khu vực bếp ăn;

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh,...

Tổng lưu lượng phát sinh nước thải sinh hoạt bằng 100% nhu cầu sử dụng nước cấp, như vậy khi nhà máy đi vào vận hành ổn định lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy là 96 m³/ngày.

Thành phần chủ yếu trong nước thải sinh hoạt bao gồm: các chất cặn bã (SS), chất dinh dưỡng (N, P), chất hữu cơ (BOD/COD) và ngoài ra còn chứa nhiều loại VSV gây bệnh, phần lớn các VSV có trong nước thải là các virus, vi khuẩn gây bệnh tả, lỵ, thương hàn...

❖ Các nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

Hoạt động sản xuất của nhà máy có sử dụng nước cấp cho một hoạt động tương ứng với lượng nước thải phát sinh như sau:

Bảng 10: Nhu cầu và khối lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy khi nhà máy nâng công suất

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Nước cấp (*)	Nước thải (**)	
1	Cấp trực tiếp vào các công đoạn sản xuất (chủ yếu phục vụ rửa thấu kính)	200	200	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 300 m ³ /ngày
2	Cấp vào hệ thống lọc nước RO trước khi vào công đoạn sản xuất	137,5	55	Tỉ lệ lọc nước là 60% và thải 40% Nước thải sau lọc RO không đưa về HTXLNT và thoát cùng NTSH sau xử lý vào hệ thống thu gom NTSH của KCN Nội Bài
2.1	Công đoạn nghiền, mài và tẩy rửa thấu kính từ quá trình gia công thấu kính, ống kính có sử dụng hóa chất nguy hại	4,5	4,5	Thu gom và chuyển giao như CTNH
2.2	Công đoạn nghiền, mài và tẩy rửa thấu kính từ quá trình gia công thấu kính, ống kính không sử dụng hóa chất nguy hại	78	78	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 300 m ³ /ngày
	Tổng	337,5	337,5	

Ghi chú:

(*) Tổng lượng nước cấp = (1+2).

(**) Tổng lượng nước thải bằng (1+2+2.1+2.2).

Tổng lưu lượng phát sinh nước thải sản xuất là 337,5 m³/ngày.

*** Đặc trưng của nước thải sản xuất tại nhà máy được thể hiện trong bảng sau:**

TT	Tham số	Đơn vị	Trước xử lý	Sau xử lý (Tiêu chuẩn IP Nội Bài)
1	pH	-	6 – 8	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	≤ 300	≤ 240
3	COD	mg/l	≤ 400	≤ 350
4	TSS	mg/l	≤ 250	≤ 200
5	T – N	mg/l	≤ 80	≤ 50
6	T - P	mg/l	≤ 10	≤ 7
7	NH ₃ – N	mg/l	≤ 80	≤ 10
8	Cu	mg/l	<3	≤ 2
9	Fe	mg/l	<6	≤ 5

- Tác động của các chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng khi thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dày, lâu dần lớp đó ngả màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống đáy sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí, sẽ tạo ra mùi hôi cho khu vực xung quanh. Chất rắn lơ lửng sẽ làm giảm khả năng quang hợp, đồng thời làm giảm sự sinh trưởng và phát triển của thực vật trong nước.

- Tác động của dầu mỡ: khi xả vào nguồn nước phần lớn dầu loang nhanh trên mặt nước tạo thành màng dầu, chỉ còn phần nhỏ hòa tan trong nước. Cặn bã chứa dầu khi lắng xuống sông sẽ bị phân hủy, một phần nổi lên mặt nước, một phần hòa tan trong nước và phần còn lại tích tụ trong bùn đáy gây ô nhiễm cho sinh vật nước, bao gồm cả tôm cá và ảnh hưởng tới mục đích sử dụng nước của nguồn nước mặt tại khu vực. Ô nhiễm dầu dẫn đến mất khả năng tự làm sạch của các nguồn nước do giết chết các sinh vật phiêu sinh, sinh vật đáy tham gia vào quá trình tự làm sạch. Nước thải nhiễm dầu còn gây cạn kiệt oxy của nguồn nước do tiêu thụ oxy cho quá trình oxy-hóa hydrocarbon và che mặt nước thoáng không cho oxy tái nạp từ không khí vào nguồn nước.

3.2. Đối với khí thải

Tại nhà máy không có hoạt động sản xuất phát sinh khí thải cần xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đối với CTR

❖ Chất thải rắn sinh hoạt và Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh CTRTT tại nhà máy gồm CTRSH và CTCNTT.

CTRSH

Nguồn phát sinh CTR sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân làm việc tại Nhà máy. CTR sinh hoạt có thành phần chủ yếu là từ bể tách mỡ, túi nilông, giấy vụn, bao gói thức ăn thừa,..Chất thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon).

Theo báo cáo Công tác bảo vệ môi trường của Công ty năm 2025 tương ứng với nhà máy có khoảng 1.500 cán bộ công nhân viên thì khối lượng thực tế chuyển giao CTRSH tại Nhà máy là 7,99 tấn/năm, như vậy khi nhà máy đi vào vận hành ổn định, số lượng lao động tại nhà máy không đổi, tương ứng với lượng CTRSH phát sinh tại nhà máy không đổi là 7,99 tấn/năm.

- CTRCNTT gồm có bao bì nilong, palet gỗ thải, giấy bìa carton...

CTR công nghiệp thông thường của Nhà máy phát sinh chủ yếu từ công đoạn sản xuất và đóng gói sản phẩm, thống kê khối lượng chất thải công nghiệp thông thường tại nhà máy năm 2025 tương ứng với sản xuất 33,3% công suất đăng ký và dự báo khối lượng CTRTT phát sinh tại nhà máy khi vận hành ổn định công suất như sau:

Bảng 11: Thống kê khối lượng CTRCNTT phát sinh tại nhà máy khi vận hành ổn định

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (tấn/năm)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
		2025	ĐKMT	
1	Nhựa thải	34,560	104	Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành
2	Phôi nhôm (*)	1,197	0	
3	Sắt	0,65	2	
4	Bìa	49,906	150	
5	Thủy tinh	8,158	25	
6	Rác thải công nghiệp không thể tái chế	24,37	73	
	Tổng	118,191	358	

Ghi chú: Sau khi cơ sở nâng công suất sẽ chuyển hoạt động sản xuất linh kiện kim loại lên nhà máy tại Phú Thọ, do đó phế liệu phôi nhôm tại cơ sở sẽ không còn phát sinh.

3.4. Đối với CTNH

Nguồn phát sinh CTNH tại Nhà máy bao gồm:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động văn phòng: Bóng đèn huỳnh quang thải, mực thải.
- CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất: Bao bì cứng thải bằng nhựa, kim loại, nước thải nhiễm TPNH, Linh kiện điện tử thải...
- CTNH phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc: Giẻ lau, găng tay dính dầu...
- CTNH từ các hệ thống xử lý chất thải: bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

Thống kê khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh tương ứng với 100% công suất đăng ký như sau:

Bảng 12: Khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy khi đi vào vận hành ổn định

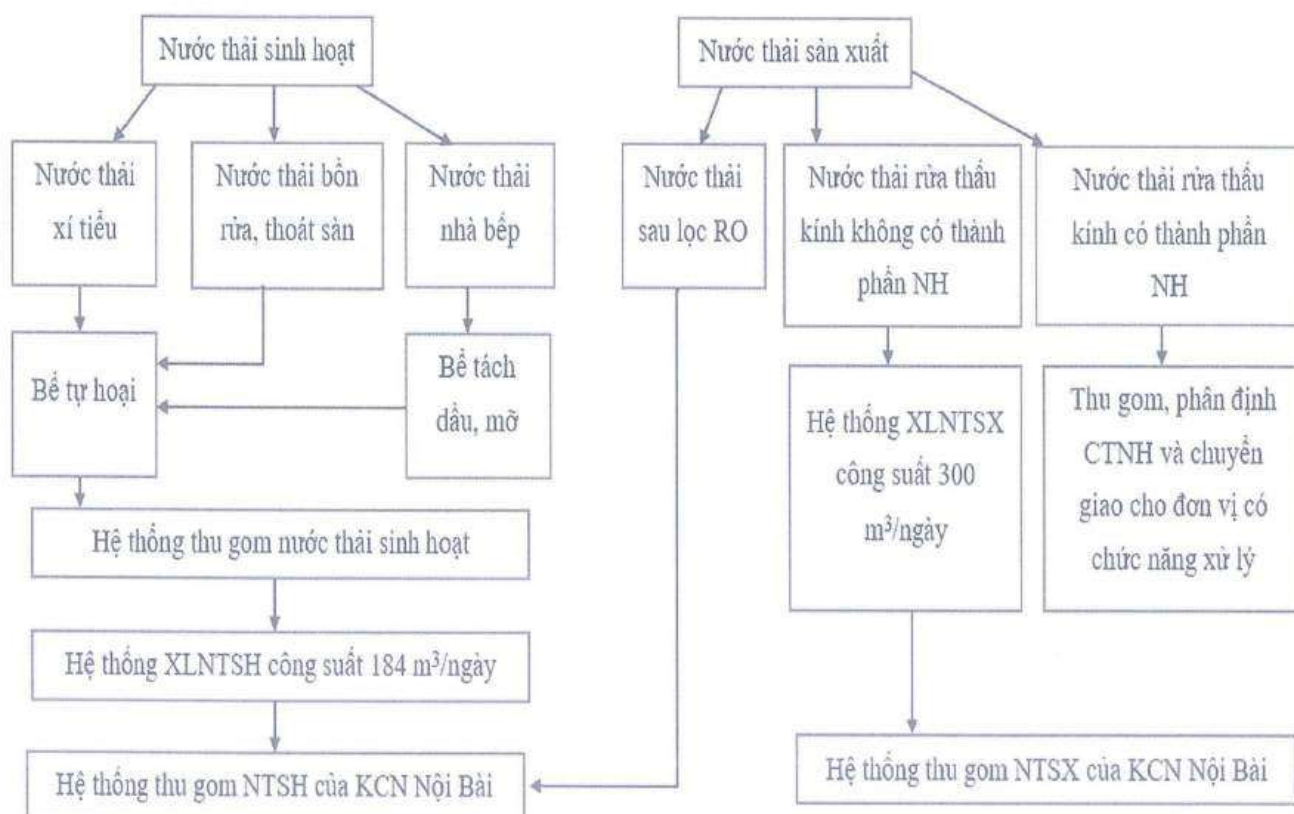
STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			2025	ĐKMT	
1	Vật liệu lọc, giẻ lau, gang tay dính dầu	18 02 01	60	180	Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành
2	Bùn thải chứa TPNH	07 03 07	334.000	1.002.000	
3	Bao Bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	32	96	
4	Bao Bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	32	96	
5	Nước thải nhiễm TPNH	19 10 01	379.800	1.139.400	
6	Mực thải	08 02 01	4000	12.000	
7	Linh kiện điện tử thải	16 01 13	32	96	
8	Vật liệu mài đã qua sử dụng chứa các TPNH	07 03 10	0.5	1.5	
9	Vật liệu mài dạng hạt chứa TPNH	07 03 08	0.5	1.5	
10	Các loại vô cơ, hữu cơ nhiễm TPNH	19 12 03	10	30	
	Tổng số lượng		717.967	2.153.901	

Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở.

4.1. Phương án thu gom, xử lý nước thải

Sơ đồ hệ thống thu gom và phân luồng nước thải sinh hoạt tại Nhà máy như sau:



Hình 4: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy

❖ Đối với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 18.62 m³, Sau đó thoát vào bể kị khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.

- Nước thải xí tiêu từ các nhà vệ sinh trong nhà xưởng được thu gom, về các bể tự hoại. Sau đó thoát vào bể kị khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.

- Nước thải từ bồn rửa tay công nhân trong, ngoài nhà xưởng, nước thoát sàn các nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại. Sau đó thoát vào bể kị khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.

❖ Đối với hệ thống thu gom nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất tại công đoạn nghiền, mài và tẩy rửa thấu kính từ quá trình gia công thấu kính tại tầng 1, sau khi được thu gom thì được xử lý nước thải sản xuất công suất 300 m³/ngày. Nước thải sản xuất sau khi được xử lý xong sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp .

- Nước thải RO: Nước thải từ quá trình lọc nước RO phục vụ gia công thấu kính, ống kính sẽ được xả trực tiếp vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của KCN Nội Bài.

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy như sau:

Bảng 13: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài	Đơn vị
I	Hệ thống thu gom, thoát NTSX		
1	Đường ống thu gom DN90	705	m
2	Đường ống thoát PVC D110	30	m
II	Hệ thống thu gom NTSH		
1	Đường ống thu gom PVC D63A	700	m
2	Đường ống thoát PVC D110	35	m

c. Điểm xả nước thải

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý sẽ được đầu nối vào KCN Nội Bài thông qua 02 điểm đầu nối tương ứng với từng loại nước thải.

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải của Nhà máy vào hệ thống thoát nước thải của KCN (theo tọa độ VN – 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 105⁰) như sau:

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)

1	NTSH	2348575.95	584641.32
2	NTSX	2348577.17	584641.93

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom, thoát nước thải được đính kèm tại Phụ lục).

1.3. Xử lý nước thải:

a. Đối với nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên thì chủ cơ sở đã tiến hành tách dòng và xây dựng công trình xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn và nước thải nhà vệ sinh trước khi thoát vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Nhà máy.

❖ *Xử lý sơ bộ nước thải từ nhà ăn*

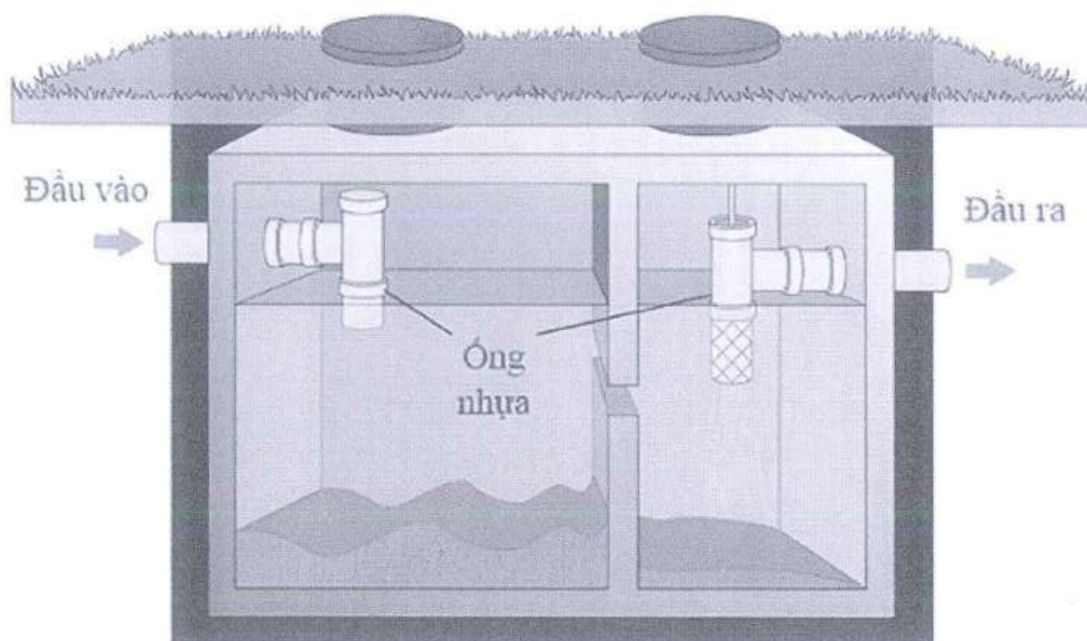
Để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà ăn tại nhà máy đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có thể tích lần lượt là $18,62 \text{ m}^3$, bể có kích thước $3.8 \times 1.4 \times 3.5 \text{ m}$. Bể được đổ tại chỗ bằng bê tông cốt thép với chiều dày thành bể là 20 cm để thu gom và tách toàn bộ lượng mỡ ra khỏi nước thải nhà ăn, bể có thiết kế 3 khoang có nắp đậy kín bằng inox.

Nước rửa từ nhà bếp chảy qua khoang thứ 1, tại khoang này váng mỡ nổi lên bên trên, cặn thức ăn thừa và nước nằm phía bên dưới, nước từ khoang 1 chảy ngầm sang khoang 2 và khoang 3, ở đây nước vẫn còn chứa một lượng mỡ hòa tan chưa kịp nổi và đóng thành váng ở khoang 1 sẽ được giữ lại ở khoang 2 và khoang 3. Nước từ khoang 3 chảy theo đường ống D110 theo độ dốc về trạm xử lý nước thải tập trung.

Định kỳ 3 tháng 1 lần, đơn vị có chức năng hút cặn thức ăn thừa và váng mỡ đọng ở trong bể sẽ đến nhà máy để xử lý.

❖ *Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh*

Để xử lý sơ bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy, cơ sở đã xây dựng ngay từ ban đầu 02 bể tự hoại 2 ngăn với tổng dung tích là 125 m^3 .



Hình 5: Sơ đồ xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 2 ngăn

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại 2 ngăn hoạt động dựa trên hai cơ chế chính: lắng trọng lực và phân hủy sinh học kỵ khí.

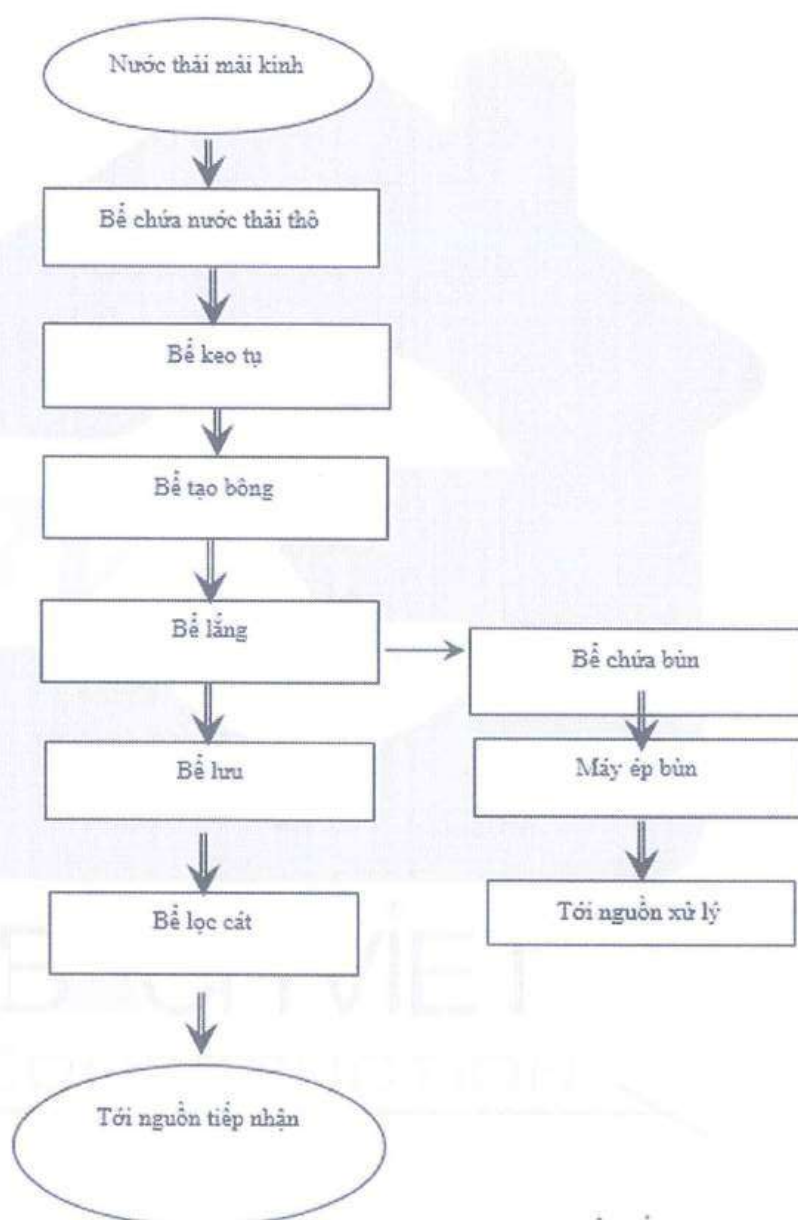
Khi nước thải đi vào bể, các thành phần sẽ tự phân tách theo khối lượng riêng: chất rắn nặng lắng xuống đáy, chất nhẹ nổi lên trên, còn nước nằm ở lớp giữa sẽ di chuyển sang ngăn tiếp theo. Đồng thời, trong môi trường không có oxy, vi sinh vật kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ, giúp giảm thể tích bùn và mùi hôi.

Quá trình này được diễn ra theo từng ngăn với vai trò và nguyên lý khác nhau, tạo thành một chu trình xử lý tuần tự từ thô đến tương đối sạch trước khi xả ra ngoài.

Định kỳ 1-2 năm/lần các bể tự hoại sẽ được hút bùn nhằm đảm bảo ổn định quá trình vận hành.

b. Đối với nước thải sản xuất

Hiện nay nhà máy đang có 01 hệ thống XLNTSX công suất 50 m³/ngày, nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống XLNTSH công suất 184 m³/ngày trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nội Bài, tuy nhiên khi nhà máy nâng công suất, lượng nước thải sản xuất phát sinh lớn nhất cần xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài là khoảng 276 m³/ngày. Nhằm tuân thủ quy định chất lượng nước thải đầu nối vào KCN Nội Bài, Cơ sở dự kiến sẽ xây dựng mới 01 hệ thống XLNTSX công suất 300 m³/ngày sử dụng công nghệ hóa lý với quy trình công nghệ như sau:



Hình 6: Quy trình xử lý nước thải sản xuất tại nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

- Bể nước thô

Tiếp nhận nước thải sản xuất chảy ra từ nhà máy. Từ bể này, nước thải được bơm sang bể keo tụ bởi bơm chìm đặt ở đáy bể được kiểm soát hoạt động qua thiết bị đo mức.

- Bể keo tụ

Bể được cấp PAC & NaOH dùng để tạo phản ứng và keo tụ các hợp chất trong nước thải

Thiết bị đo pH sẽ kiểm soát nồng độ pH trong bể để đảm bảo điều kiện phản ứng.

Mô tơ khuấy trộn giúp phản ứng hiệu quả hơn.

- Bể tạo bông

Bể được cấp Polymer dùng để tạo kết dính các hạt bùn nhỏ thành bông bùn lớn hơn có thể lắng xuống.

Mô tơ khuấy trộn giúp phản ứng hiệu quả hơn

- Bể lắng

Sau quá trình tạo bông, nước thải chảy tràn sang bể lắng. Nước thải sẽ phân tầng tại bể lắng, bùn sẽ lắng xuống đáy bể trong quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể lưu sau lắng, phần bùn lắng xuống đáy bể. Trong trường hợp hàm lượng bùn vượt quá 30% bùn được bơm sang bể chứa bùn bằng bơm bùn

- Bể lưu

Bể chứa nước thải sau tất cả các quá trình xử lý. Sau đó được bơm sang bể lọc cát để xử lý trước khi ra nguồn tiếp nhận. Tại bể lưu có bộ đo COD để khống chế nếu COD vượt quá chỉ tiêu xả thải, bơm sự cố sẽ hoạt động bơm ngược toàn bộ nước thải đầu ra về bể XLNTSH để xử lý COD tiếp rồi mới ra môi trường.

- Bể lọc cát

Nước được bơm từ bể lưu qua bể lọc cát sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận

- Bể chứa bùn

Bùn được bơm từ bể lắng sang bể chứa bùn, sau đó ép qua máy ép bùn. Nước trong sẽ quay lại bể nước thô để xử lý. Bùn sau ép được đưa đến khu tập trung rác thải để đem đi.

Nước thải sản xuất sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận sẽ được thoát vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất của KCN Nội Bài.

Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNTSX được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14: Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNTSX công suất 300 m³/ngày

STT	Tên Thiết Bị/Đặc Tính Kỹ Thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	Bể nước thải thô Thể tích : 90 m ³ Vật liệu : Bê tông	Việt Nam	1	cái
2	Bơm nước thải thô kiểu : bơm chìm Công suất : 1,5kw	Nhật Bản	2	cái
3	Phao mức kiểu : điện cực	Trung quốc	1	cái
4	Sọt rác tinh kiểu : Lưới	Việt Nam	1	cái
5	Bể đo lưu lượng vật liệu : Nhựa PP	Việt Nam	1	cái
6	Bể keo tụ Thể tích : 7m ³ Vật liệu : Bê tông	Việt Nam	1	cái
7	Ph meter kiểu : Online	Nhật Bản	1	cái
8	Máy khuấy bể keo tụ Công suất : 1,5kw Dạng : Khay nổi	Đài loan	1	cái
9	Bể tạo bông Thể tích : 7m ³ Vật liệu : Bê tông	Việt Nam	1	cái
10	Máy khuấy bể tạo bông Công suất : 1,5kw Dạng : Khay nổi	Đài loan	1	cái
11	Máy thổi khí Công suất : 2,2 kw	Đài Loan	2	cái
12	Bể lắng Thể tích : 75m ³ Vật liệu : Bê tông	Việt Nam	1	cái
13	Máy khuấy bể lắng Công suất : 1,5kw Dạng : Motor giảm tốc	Đài loan	1	cái
14	Bơm xả bùn kiểu : li tâm Công suất : 1,5kw	Đài loan	2	cái
15	Bể chứa bùn Thể tích : 3m ³ Vật liệu : PE	Việt Nam	1	cái
16	Bể lưu Thể tích : 6m ³ vật liệu : Bê tông	Việt Nam	1	cái
17	Bơm lọc kiểu : li tâm Công suất : 2,2kw	Italia	2	cái

18	Bơm sự cố kiểu : Bơm chìm Công suất : 0,75kw	Đài loan	1	cái
19	Phao mức kiểu : điện cực	Việt nam	1	cái
20	Bộ đo COD Dạng : Online	Trung Quốc	1	cái
21	Bể lọc cát Kích thước : D1060x1825H Vật liệu : CSE	Việt Nam	1	cái
22	Bể NaOH Dạng : Nhựa PE Thể tích : 500 L	Việt Nam	1	Cái
23	Bơm NaOH Công suất : 40W-3 pha	Nhật Bản	2	cái
24	Bể PAC Dạng : Nhựa PE Thể tích : 1000 L	Việt Nam	1	Cái
25	Bơm PAC Công suất : 180W-3 pha	Nhật Bản	2	Cái
26	Bể Polymer Dạng : Nhựa PE Thể tích : 1000 L	Việt Nam	1	Cái
27	Bơm Polymer Công suất : 180W-3 pha	Nhật Bản	2	Cái
28	Máy ép bùn Công suất : 180l-Chu kì	Việt Nam	1	Bộ

Quy trình vận hành của hệ thống XLNTSX:

- Các bước chuẩn bị (các mục cần kiểm tra trước khi vận hành)

- 1) Kiểm tra các thiết bị đang sửa chữa đã hoàn thành chưa.
- 2) Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố nếu có.
- 3) Kiểm tra mực hóa chất trong bồn hóa chất, pha thêm hóa chất nếu hết.
- 4) Kiểm tra giá trị cài đặt trên các bơm định lượng.

→ Chỉ điều chỉnh lưu lượng (nếu cần) khi bơm đang hoạt động

- 5) Kiểm tra dầu mỡ của máy khuấy.

Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm, máy khí nén, van, khay chứa các bồn hóa chất...

→ Kiểm tra vận hành với mỗi mẻ được gắn : mở-điều chỉnh-đóng.

- 6) Kiểm tra, vệ sinh đầu dò pH, vệ sinh và kiểm tra hoạt động của công tắc mực nước.
- 7) Kiểm tra điện, nước cấp cho hệ thống.

- 8) Kiểm tra mực nước trong bồn so với cánh khuấy (không để máy khuấy hoạt động không tải).

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo những bước sau:

- Các bước khởi động hệ thống (áp dụng khi hệ thống mới khởi động lần đầu hoặc khởi động trở lại sau khi dừng một thời gian dài)

- 1) Cấp điện cho các thiết bị.
- 2) Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ “AUTO”.
- 3) Các máy nén khí, máy khuấy trộn, bơm bùn, đều bật sang chế độ “AUTO” hoặc “ON”. Các thiết bị này luôn ở chế độ “AUTO” hoặc “ON” ngay cả khi hệ thống dừng vì không có nước thải, chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa hoặc dừng hệ thống trong thời gian dài.
- 4) Bơm nước đầu vào đều bật sang chế độ “AUTO”.
- 5) Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.

- Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày, khi dừng bơm nước thải sau mỗi ngày hoặc khi hệ thống bị mất điện)

- 1) Cấp điện cho các thiết bị đang bị ngắt điện.
- 2) Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ “AUTO”.
- 3) Bơm nước thải đầu vào, bơm nước đầu ra đều bật sang chế độ “AUTO”.
- 4) Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.
- 5) Hàng ngày, cần kiểm tra hóa chất sử dụng
- 6) Định kỳ mở xả bùn trong máy ép bùn.

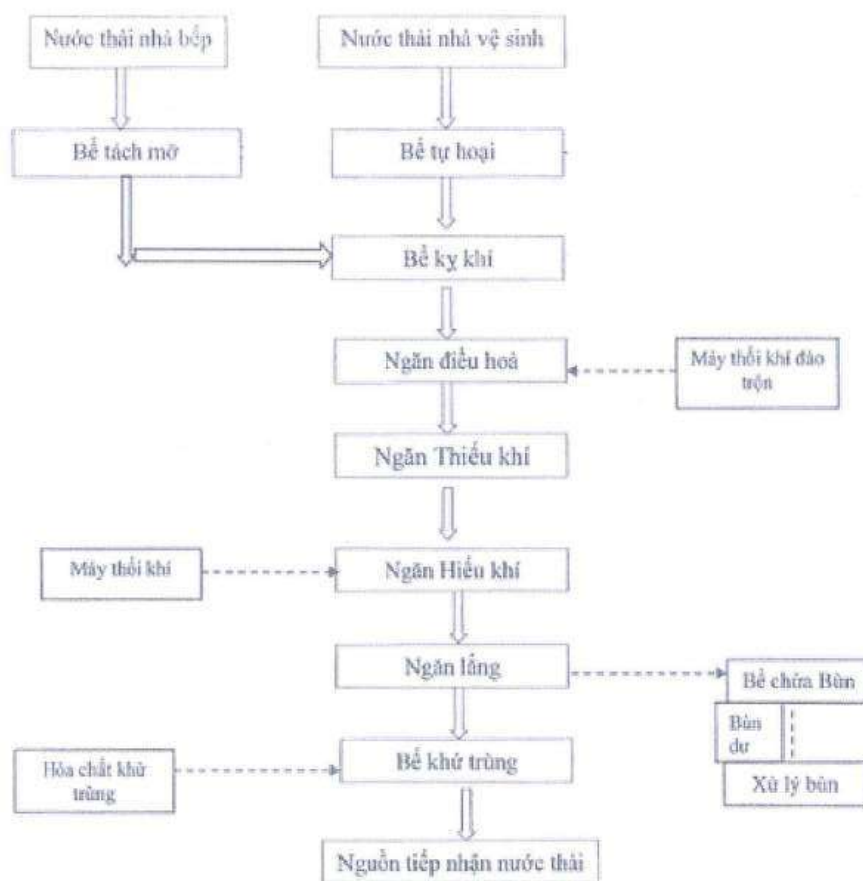
Hóa chất sử dụng:

Bảng 15: Định mức sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải sản xuất

STT	Hóa chất sử dụng	Định mức sử dụng (kg/m ³ nước thải)
1	PAC 30%	0.4
2	NaOH	0.4
3	Polymer	0.03

c. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi tại hệ thống XLNTSH công suất 184 m³/ngày theo quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 7: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải từ nhà bếp, từ nhà vệ sinh được dẫn về bể kỵ khí.

- Ngăn Bể điều hòa: Có tác dụng điều hòa nồng độ chất thải và lưu lượng. Tại ngăn này bố trí hệ thống phân phối khí để tránh hiện tượng lắng cặn chất thải xuống đáy bồn. Nước thải sẽ được bơm lên ngăn xử lý Thiểu khí bằng 02 bơm (01 chạy và 01 nghỉ).

- Ngăn Bể Thiểu khí: Có chứa vi sinh thiếu khí có tác dụng xử lý các thành phần Nito, Photpho và một phần BOD, COD. Trong đó đặc biệt xử lý Nito, hàm lượng Nitrat và Amoni trong nước thải sẽ chuyển thành Nito ở dạng khí và được giải phóng ra môi trường.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên bể xử lý Thiểu khí và được hòa trộn với nước thải từ ngăn bể Hiếu khí, nước tuần hoàn từ ngăn bể Hiếu khí sẽ mang vi sinh có lợi tới bể Thiểu khí, bởi vậy hệ thống chỉ cần nuôi vi sinh một lần và sau đó hoạt động ổn định trong suốt thời gian còn lại của hệ thống. Tại ngăn này dưới tác dụng của chủng loại vi sinh vật Thiểu khí, các thành các thành phần Amoni, Tổng Nito, Photpho và một phần dưỡng chất BOD sẽ được xử lý.

Nước thải tại ngăn này được khuấy trộn bằng máy khuấy nhằm tránh bùn sinh học lắng xuống đáy bể và tăng độ đồng đều của nước thải. Nước thải tại ngăn này sẽ tự chảy sang ngăn xử lý Hiếu khí.

- Ngăn Bể Hiếu khí: Ngăn bể này có bố trí hệ thống phân phối khí mịn cung cấp oxy hòa tan cho nước thải, tại đây dưới tác dụng của vi khuẩn Hiếu khí các thành phần Amoni, BOD, COD sẽ được xử lý. Tại đây có bố trí bơm tuần hoàn về Bể Thiếu khí với mục đích đưa nước thải chứa nhiều Nitrat về ngăn xử lý Thiếu khí, để chuyển hóa thành Nito ở dạng khí. Nước thải sau đó tự chảy sang ngăn lắng.

Tại bể này dưới tác dụng của nước mang nhiều oxy do máy thổi khí cấp cho hệ thống nên vi sinh vật có lợi phát triển nhanh. Các thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD và một phần Nito, Photpho chưa được xử lý hết ở ngăn Thiếu khí sẽ được xử lý triệt để ở ngăn Hiếu khí.

- Ngăn Bể lắng: Nước thải từ bể Hiếu khí chảy sang bể lắng kéo theo Bùn sinh học. Tại ngăn này được tốc độ dòng nước chậm nên các bông bùn lắng xuống đáy bể và được bơm bùn bơm sang bể bùn và bể Thiếu khí (để cấp vi sinh cho ngăn Thiếu khí). Nước trong sẽ tự chảy qua ngăn Bể khử trùng

- Ngăn Bể khử trùng và xả: Tại ngăn này, vi sinh vật có hại sẽ bị tiêu diệt bởi hóa chất khử trùng NaOCl được cung cấp bởi bơm hóa chất khử trùng. Hệ thống phân phối khí dưới đáy bể có tác dụng khuấy trộn hóa chất với nước để đảm bảo vi sinh vật có hại (thành phần coliform) được xử lý tốt. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận sẽ được thoát vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của KCN Nội Bài.

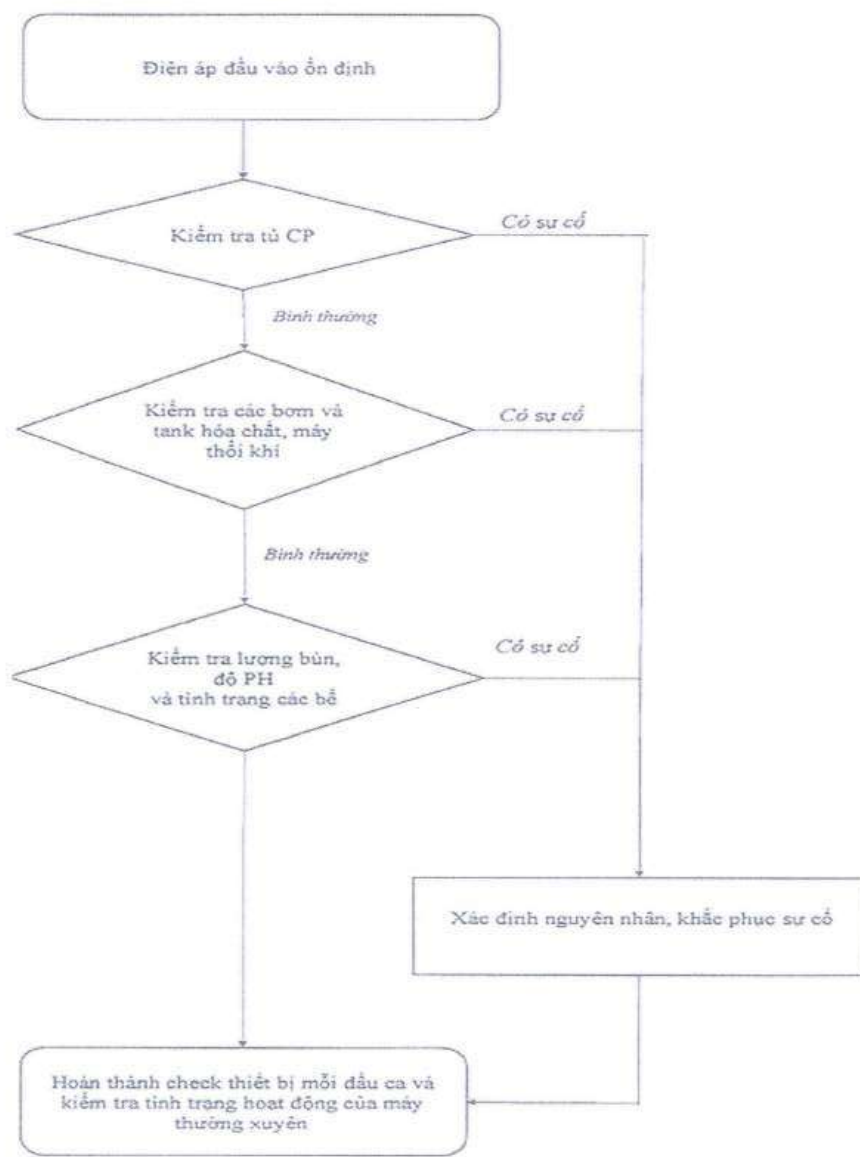
Bảng 16: Danh mục máy móc thiết bị của Trạm xử lý nước thải tập trung

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy bơm nước thải đặt chìm	Chiếc	8
2	Máy khuấy chìm	Chiếc	2
3	Máy thổi khí trên cạn (mixing/air blower)	Chiếc	3
4	Hệ thống định lượng hóa chất	Bộ	4
5	Hệ thống đo và điều chỉnh pH	Bộ	1
6	Hệ thống dağı phân phối khí	Hệ thống	1
7	Hệ thống đo và kiểm soát lưu lượng V-Notch	Bộ	3
8	Rọ chắn rác	Bộ	1
9	Phao báo mức nước	Bộ	2
10	Tủ điều khiển	Bộ	1
11	Động cơ gạt bùn	Hệ	1
12	Động cơ khuấy hóa chất	Chiếc	1

Bảng 17: Định mức sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hóa chất sử dụng	Định mức sử dụng (kg/m ³ nước thải)
1	NaOH	0.16
2	FeCL ₃	0.014
3	NaOCl	0.005
4	Methanol	0.1(Dùng khi cần thiết)

Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thể hiện trong hình sau:



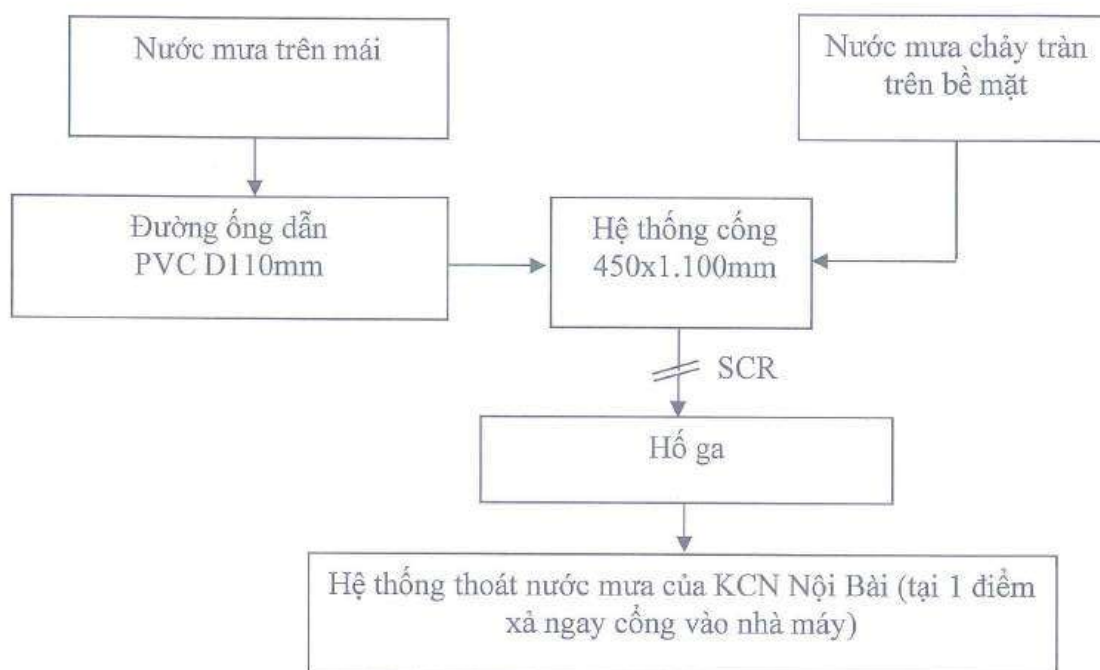
Hình 8: Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Bảng 18: Chi tiết quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Yêu cầu	Chú ý
1) Đảm bảo các aptomat được bật. 2) Đảm bảo các nút dừng khẩn cấp đang mở. 3) Đảm bảo điện áp đầu vào 3 pha 380V.	1. Chú ý thiết bị sử dụng điện áp cao.
1) Các công tắc chọn chế độ đã ở đúng trạng thái chưa? 2) Các đèn báo có hoạt động không?	2. Trước khi vận hành cần kiểm tra điện áp, các van có đúng trạng thái không?
1) Kiểm tra các bơm hóa chất có hoạt động bình thường không? 2) Kiểm tra ống và van của các bơm hóa chất có bị rò rỉ không? 3) Kiểm tra hóa chất trong các tank, nếu đến vạch đỏ thì cần bổ sung thêm. 4) Kiểm tra các dây cuaroa của máy thổi khí, nếu trùng quá 3cm cần thay thế. 5) Kiểm tra các máy thổi khí khi chạy có bất thường không(tiếng kêu lạ, mùi, nhiệt độ). 6) Kiểm tra các van, khớp nối và đường ống khí có bị rò rỉ không, có biến dạng không.	3. Cần kiểm tra tank chứa hóa chất thường xuyên và bổ sung hóa chất theo quy định. 4. Khi pha hóa chất cần mang đầy đủ bảo hộ: găng tay pha hóa chất, khẩu trang, kính.
1) Dùng phễu đo bùn lấy 1000ml nước ở vinot tank bể hiếu khí và để 30 phút. - Nếu bùn trong khoảng 350ml-550ml là ok Nếu bùn < 350ml thì bơm hồi bùn từ bể chứa bùn về bể thiếu khí. -Nếu bùn > 550ml thì xả bùn từ bể trung gian về bể chứa bùn. 2) Kiểm tra PH tại đồng hồ ở bể hiếu khí từ 5,5-9 3) Kiểm tra tình trạng các bể có gì bất thường không: - Bể lắng lượng nước có đầy quá không - Bể chứa bùn có bị trào ngược nước từ bể thiếu khí về không - Bể hiếu khí có bất thường không, lượng nước có cao qua không - Bể lắng nước có trong không, bề mặt cô váng bẩn hoặc rác không, lượng nước tràn qua máng răng cưa có bất thường không (nhiều hơn hoặc ít hơn bình thường) Bể đầu ra nước có trong không, có rác bẩn không.	5. Cần theo dõi lượng nước vào và ra để đưa ra các điều chỉnh cho phù hợp. 6. Thường xuyên kiểm tra, vớt rác và bùn nổi trong hệ thống. 7. Để đảm bảo an toàn cho thiết bị cũng như người vận hành, cần tiến hành việc bảo dưỡng định kỳ thiết bị.
Nếu có bất thường, sự cố: 1) Nhân viên - Phân tích nguyên nhân sự cố và tìm biện pháp khắc phục. - Không tự ý khắc phục khi sự cố nằm ngoài khả năng hoặc không đảm bảo chắc chắn về kết quả từ phương án của mình và báo cho tổ trưởng ngay lập tức. 2) Tổ trưởng: - Yêu cầu hỗ trợ từ nhà cung cấp. - Báo cáo cấp trên ngay trong trường hợp không thể khắc phục. - Ghi các thông tin và vào bảng check và ký xác nhận. - Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị nếu có bất thường báo ngay cho quản lý.	8. Không được tiến hành sửa chữa khi máy đang hoạt động 9. Thường xuyên vệ sinh máy và tủ điều khiển để luôn đảm bảo trong điều kiện tốt nhất

d. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn chỉnh và tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không ảnh hưởng đến tổng thể kiến trúc và an toàn vệ sinh môi trường. Công tác thu gom, tiêu thoát nước mưa được thể hiện như sau:



Hình 9: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn đến môi trường nước khu vực nhà máy và môi trường xung quanh, chủ cơ sở đã tiến hành xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ đảm bảo chất lượng, đồng thời tại nhà máy đã xây dựng hệ thống đường ống, hố lắng cặn, lắp đặt các song chắn rác để thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trước khi đổ vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của KCN Nội Bài. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Nhà máy sử dụng cống bê tông có kích thước 450x1.100mm, các hố ga lắng cặn được bố trí cách nhau khoảng 50m.

Nước mưa trên mái và nước mưa ở các sân được thu gom vào máng thoát nước rồi dẫn vào các ống đứng (các ống được làm bằng nhựa PVC có kích thước D110mm). Sau đó, nước mưa được thoát ra hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà với hệ thống cống có kích thước 450x1.100mm, độ dốc I = 0,03%. Trên đường thoát nước mưa có bố trí các hố ga lắng cặn (tổng số có 145 hố ga thu nước mưa, các hố ga lắng cặn có kích thước 1200x1200 mm).

- Số điểm đầu: 01 điểm thoát nước mưa.

Bảng 19: Tọa độ các điểm đầu nối nước mưa với hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN Nội Bài

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	NM1	2335550,422	580748,387

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước mưa được đính kèm tại Phụ lục).

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy như sau:

Bảng 20: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài/số lượng	Đơn vị
1	BTCT 450x1.100mm	600	m
2	Hố ga 1200x1200	12	cái

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 01 lần/tháng.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

4.2. Phương án giảm thiểu tác động của khí thải

❖ Hệ thống điều hòa không khí môi trường làm việc

Nhằm tạo môi trường không khí làm việc tốt hơn tại các nhà xưởng, nhà máy đã xây dựng hệ thống hút khí cục bộ bao gồm chụp hút, ống hút, quạt hút và ống thoát khí để điều hòa không khí trong nhà máy. Số quạt hút có khoảng 54 chiếc.

❖ Giảm thiểu ô nhiễm khí thải, mùi từ khu vực nấu ăn:

Hoạt động nấu ăn của nhà bếp sẽ sử dụng nhiên liệu là khí gas, do đó, khả năng phát sinh khí thải do đốt cháy nhiên liệu là không nhiều, chủ yếu là mùi, khói, nhiệt phát sinh từ quá trình nấu thức ăn. Để khống chế nguồn này các biện pháp được áp dụng như sau:

Khí thải, mùi, nhiệt → chụp hút → quạt hút → ống thoát khí → môi trường.

Ngoài ra Công ty đang áp dụng các biện pháp thông thoáng nhà ăn, trang bị quạt thông gió tại khu vực nhà ăn, trang bị bảo hộ cho các đầu bếp (tạp giề, mũ, áo,...).

❖ Đối với bụi và khí thải từ phương tiện giao thông:

- Tiến hành đăng kiểm và bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện định kỳ theo đúng quy định;

- Xe chuyên trở nguyên, vật liệu đúng tải trọng và chạy đúng tốc độ cho phép để

tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường;

- Trồng và duy trì hệ thống cây xanh tại khuôn viên Nhà máy và khu vực hàng rào xung quanh để hạn chế sự lan truyền bụi, tiếng ồn, khí thải. Diện tích cây xanh, tiểu cảnh, thảm cỏ 2.680 m² (chiếm khoảng 20% diện tích thực hiện Nhà máy);

- Thường xuyên dọn vệ sinh và phun nước tưới ẩm khu vực công cộng, tuyến đường nội bộ của Nhà máy để giảm lượng bụi phát tán vào không khí, đặc biệt vào những ngày thời tiết khô hanh.

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTR

❖ Đối với CTR sinh hoạt

Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp thu gom lưu giữ đối với CTR sinh hoạt cụ thể như sau:

- Tại khu vực văn phòng của nhà máy đã bố trí các thùng rác 20l để thu gom CTRSH từ hoạt động văn phòng, hàng ngày nhân viên vệ sinh của nhà máy sẽ thu gom và đưa về thùng rác sinh hoạt tập trung của nhà máy.

- Tại khu vực căng teen, đã bố trí 04 thùng rác dung tích 60l mỗi thùng để lưu giữ CTRSH từ quá trình nấu ăn, đồ thừa... Cuối mỗi ngày, nhân viên nhà ăn sẽ tập kết rác từ nhà ăn ra thùng rác sinh hoạt tập trung của nhà máy.

- Nhà máy đã bố trí 01 thùng rác tập trung có nắp đậy di động, dung tích 600l để thu gom và lưu giữ CTRSH, định kỳ 1 lần/ngày, Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành sẽ đến thu gom và đem đi xử lý.

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 1 ngày/lần.

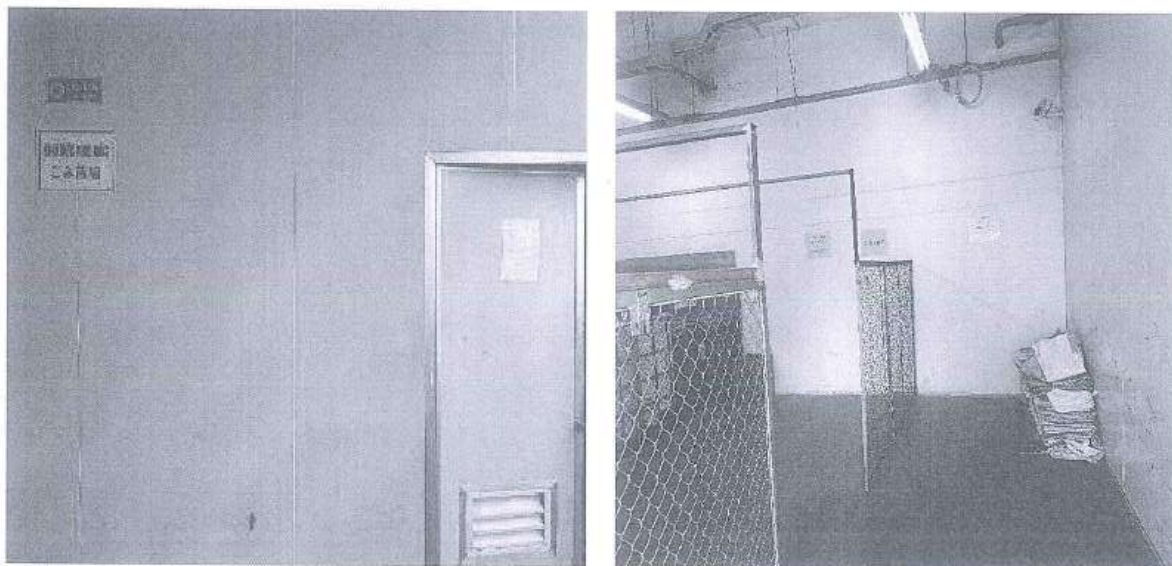


Hình 10: Thùng đựng rác phân loại khu vực căngteen

❖ Đối với CTR công nghiệp thông thường

Tại mỗi công đoạn sản xuất có phát sinh chất thải được Công ty bố trí hộp, thùng đựng CTR dung tích từ 30-120 lít và tiến hành phân loại ngay tại nguồn. Cuối mỗi ngày làm việc toàn bộ chất thải được thu gom tập trung về khu vực lưu giữ CTRCNTT. Nhà máy bố trí 01 kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường với diện tích lưu trữ là 15 m² nằm trong nhà xưởng tại tầng 1.

Kho có kích thước 3x5x3m (Dài x Rộng x Cao) nền chống thấm, cửa thép. Khu vực kho chứa được trang bị các thiết bị PCCC theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Hình 11: Kho lưu giữ CTRCNTT tại nhà máy

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: hiện nay nhà máy đang chuyển giao CTTRT 1 tháng/lần và khi nhà máy nâng công suất Cơ sở sẽ tăng tần suất chuyển giao lên khoảng 1 tháng/2 lần hoặc tùy vào lượng chất thải phát sinh.

- Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT tại nhà máy với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành.

4.4. Phương án thu gom, xử lý CTNH

Chất thải nguy hại tại nhà máy được thu gom tại từng công đoạn sản xuất sau đó sau mỗi ca làm việc, công nhân sẽ vận chuyển và tập trung về kho chất thải nguy hại có diện tích 15 m² lưu giữ.

Tại các kho lưu giữ, CTNH được lưu giữ trong các thùng, khu vực chứa riêng biệt, có nắp đậy và được dán dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Khu vực kho CTNH cũng được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và trang bị cát khô, xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH.

c. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành thu gom, xử lý toàn bộ CTNH phát sinh đảm bảo theo đúng quy định (*Hợp đồng chuyển giao chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo*).

Các trang thiết bị và công trình kho lưu giữ chất thải đã được xây dựng hiện nay tiếp tục được sử dụng trong giai đoạn nâng công suất của Nhà máy, tuy nhiên nhà máy sẽ nâng tần suất chuyển giao CTNH hiện nay khoảng 1 lần/ngày hoặc tùy vào lượng chất thải phát sinh để đảm bảo kho lưu giữ không ở trong tình trạng quá tải chất thải.



Hình 12: Kho lưu giữ CTNH tại Nhà máy

Ngoài ra, để đảm bảo thu gom triệt để các loại chất thải phát sinh, không gây tồn đọng làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường trong khu vực Nhà máy, Công ty sẽ thực hiện thêm các biện pháp sau:

- Bố trí thêm các thùng rác đựng CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH tại các khu vực phát sinh.

- Tiếp tục ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- Tùy tình hình phát sinh chất thải, Công ty yêu cầu các đơn vị có chức năng đã được Công ty ký hợp đồng tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu lượng CTR thải tồn đọng tại kho lâu ngày.

4.5. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố

Từ khi đi vào hoạt động cho đến nay tại Công ty chưa để xảy ra sự cố cháy nổ, ngộ độc thực phẩm,... Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố đang được Công ty áp dụng và sẽ tiếp tục áp dụng khi nâng công suất Nhà máy, cụ thể như sau:

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố các hệ thống xử lý nước thải

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải như sau:

❖ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 184 m³/ngày

Bảng 21: Sự cố và biện pháp ứng phó tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
1. Bể phản ứng sinh học		
a. Giảm hiệu quả nitrat hóa	A1. Tuổi bùn giảm đáng kể xuống dưới 3-4 ngày. A2. Một lượng lớn thành phần độc tố có trong dòng vào (đôi khi có thể quan sát thấy do sự thay đổi màu của thải thô, chưa qua xử lý). A3. Lượng oxi trong bể sục khí thấp, làm cho quá trình nitrat hóa không thực hiện được.	A1. Kiểm tra hỗn hợp lỏng và SS của trạm nhằm đảm bảo không có hiện tượng xả thải nào xảy ra. A2. Lấy mẫu dòng thải vào và phân tích các thành phần độc tố, chẳng hạn Crom. A3: Kiểm tra xem nếu oxi hòa tan trong bể sục khí nhỏ hơn 2mg oxi/l thì phải tăng thời gian sục khí. - Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể Oxic
b. Giảm hiệu quả khử nitrat hóa	B1. Nồng độ oxi hòa tan trong dòng hồi lưu tới vùng thiếu khí là quá cao. B2. Nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu tới vùng kỵ khí là quá cao hoặc tăng lên. Nguyên nhân có thể do quá trình tăng lên của Tổng Nito kendal trong dòng khí vào. B3: Đảo trộn trong bể kém.	B1. Giảm sục khí sao cho nồng độ oxi hòa tan trong dòng hồi lưu nhỏ hơn 0.2 mg/l. B2. Kiểm tra nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu từ bể hiếu khí và điều chỉnh dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí.

		B3. Tăng cường đảo trộn bằng cách tăng mêm máy khuấy chìm hoạt động.
c. Bùn có màu nâu sẫm hoặc màu đen	C1. Thời gian lưu chất rắn trong bể phản ứng là quá dài. C2. Mức oxi hòa tan thấp	C1. Kiểm tra hỗn hợp lỏng và SS và tăng xả thải bùn. C2. Kiểm tra nồng độ oxi hòa tan và nếu thấy thấp thì cần tăng cường sục khí. Kiểm tra và hiệu chỉnh van cấp khí vào bể.
d. Tích tụ váng bọt màu nâu trên bề mặt bể phản ứng	D1. Bọt váng có chứa vi sinh vật sục bọt phát triển trong quá trình xử lý. D2. Mức oxi hòa tan trong bể sục khí thấp do tải lượng COD lớn có trong dòng tuần hoàn từ bể phản ứng, bể nén bùn... D3. Tuổi bùn quá ngắn dẫn tới nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng thấp.	D1. Thay đổi các hình thức sục khí sao cho có thể liên tục tách bọt ra khỏi bể sục khí. Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể. Xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước. Giảm nồng độ hỗn hợp lỏng và SS bằng cách tăng xả thải trong một thời gian cho đến khi tình hình được cải thiện. D2. Tăng mức oxi hòa tan. D3. Tăng tuổi bùn Phân tích dòng vào xem có bất cứ sự thay đổi trong các thành phần đầu vào hay không.
e. Váng hoặc bọt trắng trên bề mặt bể hiếu khí (Oxic)	E1. MLSS quá thấp. E2. Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	E1. Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M. E2. Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
f. Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể hiếu khí (Oxic) bọt bị kết thành khối	F1. Một số đĩa phân phối khí bị tắc.	F1. Điều chỉnh van tay mở to cho thông đĩa phân phối khí sau đó điều chỉnh lại.
2. Bể lắng cuối		
a. Chỉ số thể tích bùn hòa tan cao dẫn đến tình trạng các chất rắn được đưa vào bể lắng tăng.	A1. Tuổi bùn có thể quá dài hoặc quá ngắn. A2. Nồng độ oxi hòa tan trong bể sục khí thấp. A3. Phân thiếu khí là quá lớn.	a1. Thay đổi tuổi bùn sẽ thay đổi được hỗn hợp lỏng và SS. A2. Tăng cường sục khí. A3. Thay đổi dòng đầu vào sao cho nước thải đã qua bể lắng có thể đưa đến vùng thiếu khí.

	A4. Nếu nồng độ Nitrit từ bể phản ứng thiếu khí vượt quá 1-3 mg Nito/l vào vùng hiếu khí sẽ tạo bùn khối. A5. Bể lắng bị quá tải thủy lực.	A4. Giảm quy mô của vùng thiếu khí. A5. Giảm tỉ lệ tuần hoàn hiếu khí.
b. Nồng độ chất rắn ở dòng xả ra cao	B1. Tỉ lệ tuần hoàn chu trình lắng là quá thấp. B2. Xuất hiện các còng nhỏ do bị dòng chảy bị chia cắt. B3. Tải lượng chất rắn trong bể lắng quá cao. B4/ Nồng độ hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng quá cao. B5. Bông keo bị phá vỡ.	B1. Bổ sung clo vào bùn hoạt tính. B2. Kiểm tra dòng chảy đến bể lắng và giảm dòng nếu có thể. B3. Tăng tỉ lệ tuần hoàn. B4. Giảm hỗn hợp lỏng và SS trong bể sục khí. B5. Giảm sục khí.
c. Bùn nổi lên bề mặt bể lắng.	C1. Tuổi bùn quá non. C2. Xuất hiện hiện tượng khử nito trong bể lắng do thời gian lưu bị kéo dài.	C1. Tăng tuổi bùn (giảm F/M đến 0,09). C2. Giảm cường độ khuấy trộn và chảy rối trong các kênh dẫn truyền. Tăng tỉ lệ tuần hoàn. Tăng tốc độ tay cào bùn.
d. Bùn chuyển sang màu đen, có khí bay lên và mùi khó chịu	D1. Bùn phân hủy trong bể lắng.	D1. Giảm nồng độ nitrit đưa vào bằng cách khử nito bổ sung trong bể thiếu khí.
e. Bùn tuần hoàn quá đặc gây tắc ống	E1. Bùn tích tụ trong bể lắng quá nhiều.	E1. Ngăn chặn quá trình khử nito bằng cách giảm tuổi bùn hoặc tỉ lệ sục khí.
f. Bùn lấy ra rất loãng	F1. Tấm gạt của tay cào bùn bị mòn hoặc hư hỏng nên bùn không được thu về phễu. F2. Bùn được đưa ra khỏi bể lắng quá nhanh.	F1. Vệ sinh bể lắng và kiểm tra xem tay cào bùn có bị vướng gì không. F2. Tăng tỉ lệ tuần hoàn. - Tăng cường sục khí trong bể phản ứng. Giảm hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng.
g. Váng bọt tích tụ trên bề mặt	G1. Tấm gạt tay hót váng bọt bị mòn. G2. Phễu thu váng bọt bị tắc. G3. Tần suất xả thải không phù hợp. G4. Hộp thu váng bọt đặt không cân.	G1. Thay thế tấm gạt cao su. G2. Dùng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc ống thoát ra. G3. Tăng tần suất xả thải.

		G4. Cân chỉnh lại hộp thu văng.
--	--	---------------------------------

❖ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 300 m³/ngày

Nhằm phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất, Cơ sở sẽ thực hiện kiểm tra hàng ngày hoặc định kỳ hệ thống như sau:

Bảng 22: Các hạng mục chính cần kiểm tra hàng ngày

STT	Hạng mục	Lỗi	Biện pháp kiểm tra
1	Bể hóa chất	Ăn mòn/ Rò rỉ	Kiểm tra tình trạng ăn mòn hay rò rỉ của bể. Nếu có, tìm nguyên nhân và sửa chữa.
		Kiểm tra mực hóa chất còn lại	Kiểm tra và điền thêm hóa chất vào bồn.
2	Van	Rò rỉ	Kiểm tra sự hư hỏng của các con vít và các bộ phận bọc bên ngoài, sửa chữa hoặc thay thế.
3	Ống	Ống bị biến dạng hay bị đổi màu	Ước định khả năng chịu áp và thời tiết... của ống và thay thế nếu yêu cầu..
		Rò rỉ	Thay những đoạn ống bị nứt hoặc thủng lỗ. Thay thế hoặc hàn lại ở những mối nối. Làm lại đệm.
4	Kệ Giá đỡ	Lỏng ra do rung động	Xiết chặt bu lông lại.
5	Thiết bị trong tủ điện	Sự rung động hoặc vật lạ vướng vào công tắc từ và rơ le bảo trợ	Xiết chặt tiếp điểm lại, lấy vật lạ ra và thay thế những bộ phận nếu cần.
		Nổ cầu chì	Kiểm tra công suất và tìm ra nguyên nhân..
		Nhiệt độ tăng bất thường trong tủ thiết bị..	Không vấn đề gì nếu nhiệt độ dưới 40 ⁰ C. Nếu nhiệt độ tăng bất thường phải tìm ra nguyên nhân.
		Mối nối không chặt	Xiết chặt lại ốc nối.

Bảng 23: Các hạng mục cần kiểm tra định kỳ

STT	Chu Kỳ	Hạng mục	Biện pháp
1	2 năm	Bơm chìm Bơm tự mồi Bơm hóa chất Khuấy Máy ép bùn	Kiểm tra/thay thế phốt cơ khí, vòng bi, màng bơm, zoăng phốt cho ép thủy lực.
2	Hàng năm	Thùng, bể	Kiểm tra & sửa chữa ăn mòn, rò rỉ và hư hỏng.
		Bơm Khuấy Máy ép bùn	thay dầu Kiểm tra tình trạng mài mòn. Đại tu và thay thế các bộ phận nếu cần thiết.
		Tủ điện	Kiểm tra các thiết bị điện, độ cách điện, dòng điện, các mối nối của thiết bị trong tủ điện, kiểm tra thiết bị định giờ. Ngắt CB tổng, làm vệ sinh tất cả các linh kiện (khởi động từ, công tắc điện...) bên trong và bên ngoài tủ bằng cọ khô.
3	6 Tháng	Bơm chìm Máy khuấy Máy ép bùn	Thay nhớt hoặc mỡ mới tương ứng cho từng thiết bị đối với tất cả các mô tơ khuấy, bơm chìm. Thay thế vải lọc.
4	3 Tháng	Bơm hóa chất Khuấy	Sơn lại các nơi bị rỉ sét. Kiểm tra các dây điện đấu vào máy.
5	Hàng tháng	Bơm chìm	Vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra các cánh quạt và sự rò rỉ điện của bơm.
		Đồng hồ pH	Hiệu chuẩn.
6	Hàng tuần	Đầu đo pH	Vệ sinh.

Ngoài các biện pháp phòng ngừa, đơn vị tư vấn thiết kế và xây dựng hệ thống XLNT đã đưa ra các sự cố và biện pháp ứng phó tương ứng có thể xảy ra như sau:

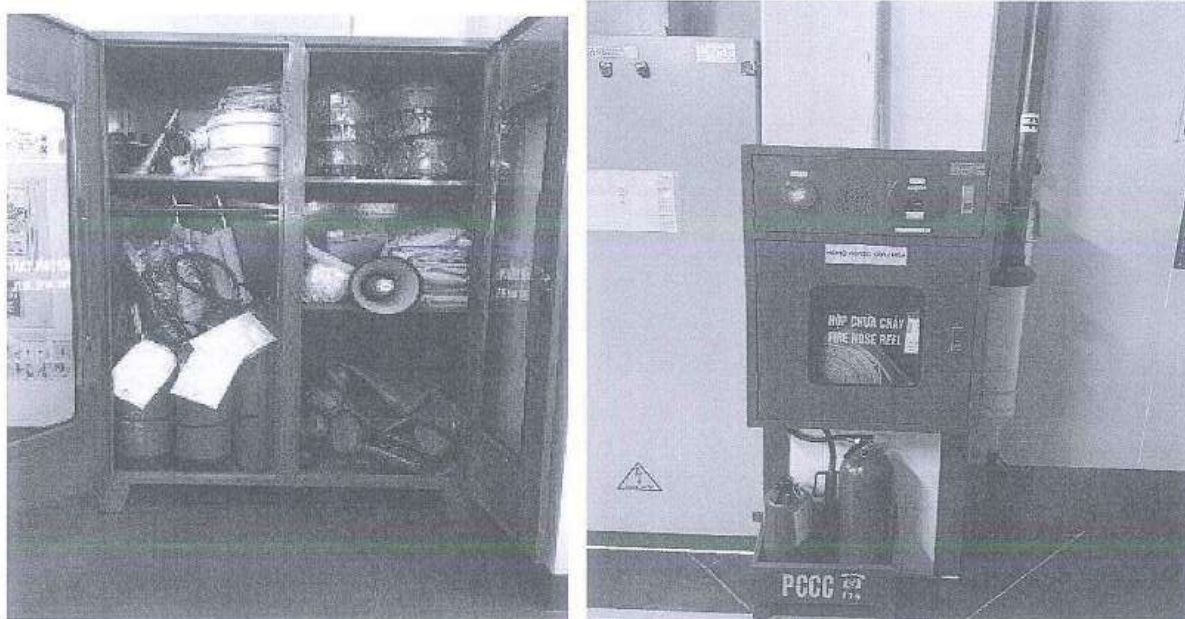
Bảng 24: Sự cố và biện pháp ứng phó tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy

STT	Hiện tượng		Nguyên Nhân	Cách khắc phục
1	pH kế	Hiển thị sai	Điện cực hư	Thay thế
			Điện cực dơ	Vệ sinh định kỳ
			Giá trị bị sai lệch	Hiệu chỉnh định kỳ
		Kiểm soát quá trình sai	Cài đặt không phù hợp	Điều chỉnh lại
2	Bơm chìm nước thải không hoạt động.		a. Chưa cấp điện cho bơm b. Nước trong bể quá ít. c. Van máy bơm chưa mở. d. Bơm bị chèn vật lạ hay bị sự cố.	a. Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện). b. Kiểm tra phao đo mực nước. Chờ nước đầy. c. Mở van và điều chỉnh van ở vị trí thích hợp. d. Kiểm tra bơm để tìm cách khắc phục.
3	Bơm định lượng hóa chất không hoạt động.		a. Chưa cấp điện cho bơm b. Có vật lạ nghẹt trong van của đầu hút và đầu đẩy c. bị khí lọt vào	a. Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở máy – tại tủ điện). b. Vệ sinh đầu hút và đầu đẩy c. kiểm tra đệm và xả khí
4	Bể phản ứng không có hiện tượng tạo bông		a. PH thấp < 7 b. Thiếu/hết hóa chất c. Lưu lượng đầu vào vượt tính toán	a. Đẩy PH lên đến điều kiện p/r từ 7 – 8.5 (bật bơm NaOH sang chế độ Man, thêm trực tiếp) b. Pha bổ sung đầy đủ hóa chất c. Chỉnh lại lưu lượng và theo dõi quá trình p/r
5	Bể lắng chuyển màu đục(bất thường)		a. Lượng bùn nhiều b. Quá trình p/r không đạt	a. Kiểm tra lượng bùn và cho xả bùn. b. Kiểm tra lại quá trình phản ứng tạo bông.

b. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

❖ *Công trình phòng cháy, chữa cháy*

Từ khi cơ sở được triển khai và phát triển hiện nay, cơ sở luôn coi trọng công tác PCCC tại nhà máy, tại từng giai đoạn xây dựng và cải tạo của nhà máy đều đã được cơ quan có chức năng về PCCC thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại Văn bản số 268/TĐ-PCCC ngày 05/05/2026.



Hình 13: Trang thiết bị PCCC tại Nhà máy

❖ **Phương án phòng cháy, chữa cháy**

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Nhà máy đã được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Chủ cơ sở đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

- + Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.
- + Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện
- + Nhiệt độ trong các xưởng sản xuất và kho duy trì đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.
- + Đường giao thông nội bộ rộng 5 -7m chạy xung quanh các xưởng để đảm bảo đủ diện tích cho các phương tiện cứu hỏa ra vào khi có hỏa hoạn.
- + Xây dựng hệ thống thoát nạn khi có sự cố cháy xảy ra như: Bố trí các lối thoát hiểm là các cửa ra vào to rộng, có đèn chiếu sáng, đèn báo.
- + Thiết kế hệ thống chống sét nối đất là các kim thép mạ đồng chống rỉ cho nhà xưởng và nhà ăn.
- + Hàng năm Công ty lập kế hoạch thực hiện phương án PCCC và cử các cán bộ, công nhân viên tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định và thực hiện diễn tập PCCC và thoát hiểm thoát nạn 1 lần/năm.

- Biện pháp chữa cháy:

- + Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Lãnh đạo, Trưởng phòng hành chính nhân sự, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm: 300 thành viên hàng năm đều được tập huấn nghiệp vụ PCCC.

❖ *Một số giải pháp đối với các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao:*

- Đối với việc sử dụng khí gas (LPG):

Công ty có trạm khí nén LPG phục vụ cho hoạt động sản xuất lẫn sinh hoạt (nấu ăn cho công nhân viên), sử dụng bình gas công nghiệp khối lượng 45kg. Do đó, cần có những biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Khi bếp ga không bắt lửa, ngọn lửa cháy bất thường, có mùi gas thoát ra ngoài. Bạn cần tắt bếp ngay, khoá van bình đồng thời kiểm tra lại mâm chia lửa có bị đặt lệch không, lau khô sứ đánh điện của bếp;

+ Nếu dây dẫn gas bị gãy dập, bạn nên thay mới để đảm bảo an toàn. Kiểm tra bộ đánh lửa nếu bị bẩn, bạn cần tháo kiềng bếp dùng vải khô để lau sạch bộ đánh lửa;

+ Khóa van bình gas, bình khí nén sau mỗi lần sử dụng;

+ Bố trí các bình chữa cháy trong khu vực nhà ăn để phòng những sự cố không may xảy ra;

+ Thông gió để phát tán làm giảm nồng độ khí gas, khí nén.

+ Cán bộ sử dụng máy nén khí phải được huấn luyện an toàn vận hành. Các thiết bị chứa khí nén phải được kiểm định an toàn theo đúng quy định.

- Đối với việc lưu giữ và sử dụng hóa chất có khả năng cháy nổ:

+ Thiết lập các nội quy ra vào khu vực để hóa chất, bao gồm việc quy định nghiêm cấm các trường hợp mang vào hoặc sử dụng các chất dễ cháy trong kho;

+ Thiết lập các biển báo cho khu vực để hóa và cho từng loại hóa chất;

+ Công ty xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Phòng cháy các thiết bị điện:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện trong công ty.

+ Lắp đặt các bảng chỉ dẫn thao tác vận hành thiết bị, máy móc.

+ Có công nhân kỹ thuật theo dõi vận hành điện.

+ Lắp đặt cầu dao tại đầu dây chuyền sản xuất, tại các máy móc thiết bị.

+ Công nhân trong Công ty thường xuyên được nhắc nhở sử dụng an toàn điện tại các máy móc, thiết bị đều lắp đặt cầu dao và atomat phù hợp với công suất vận hành.

c. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

Công ty đã áp dụng các giải pháp sau để phòng ngừa, ứng phó với tai nạn lao động:

- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ và công nhân 1 lần/năm;
- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: Găng tay, quần áo, kính mặt, khẩu trang cho công nhân.
- Thành lập tổ vệ sinh môi trường và an toàn lao động: Duy trì hàng ngày kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy định an toàn lao động của người lao động.
- Tổ chức các lớp tập huấn về vệ sinh và an toàn lao động.
- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.
- Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.
- Thành lập bộ phận y tế sơ cấp ngay trong khuôn viên Nhà máy, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục công nhân lao động thực hiện nghiêm túc các quy định về ATLĐ và VSLĐ.

Kết quả quan trắc môi trường lao động thực hiện hàng năm tại Nhà máy đều cho thấy Công ty đảm bảo môi trường làm việc an toàn và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

d. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

❖ *Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:*

Các hóa chất sử dụng tại Nhà máy hầu hết có tính nguy hại đến môi trường và sức khỏe con người. Do đó, để phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch/biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017.
- Thuê đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo, huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.
- Về thiết bị lưu giữ sẽ phù hợp với từng loại hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất được sắp xếp ngay ngắn, cẩn thận cho từng loại riêng biệt, không lưu giữ các hóa chất có phản ứng chung với nhau. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, can để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thùng. Phân loại và ghi nhãn hóa chất theo đúng Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số

113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

❖ Biện pháp áp dụng cụ thể như sau:

- Tại Khu vực sản xuất:

+ Cháy nổ hóa chất:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Có nội quy vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình.
- Có biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực sản xuất có sử dụng hóa chất.

+ Rơi, vãi, tràn, đổ hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Thực hiện thay mới trang thiết bị khi có sự cố. Không sử dụng các loại thiết bị không đảm bảo an toàn;
- Vận hành dây chuyền theo đúng quy trình, công nhân vận hành thường xuyên theo dõi mức hóa chất trong các thiết bị đang hoạt động, các thiết bị phối trộn, thiết bị phối trộn cao tốc, kết hợp với đo lường hóa chất trong thiết bị để bổ sung đúng quy định.

+ Hóa chất văng bắn

- Không quăng vứt, va chạm làm đổ vỡ hoặc rơi hóa chất văng bắn vào người.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn sản xuất như: quá trình sang chiết hóa chất từ thiết bị này sang thiết bị khác.

- Tại tủ chứa hóa chất

+ Cháy nổ hóa chất

- Bảo quản hóa chất theo đúng quy định của nhà sản xuất.
- Sắp xếp hóa chất theo từng khay từng giá riêng biệt đúng theo quy định, không để tình trạng các hóa chất có thể phản ứng với nhau xếp gần nhau.
- Hệ thống chiếu sáng kho thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

+ Rơi vãi hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra số lượng, chủng loại hóa chất, khối lượng tồn của từng loại hóa chất, dán nhãn cảnh báo, nhãn an toàn hóa chất theo quy định cho từng loại hóa chất;
- Kiểm tra các dụng cụ, thiết bị chứa. Không sử dụng các loại dụng cụ không đúng quy định, quy chuẩn của từng loại hóa chất;

- Khi có sự cố rò rỉ hóa chất phải phối hợp với đơn vị chức năng của Xí nghiệp cũng như cơ quan chức năng tại địa phương để kịp thời xử lý;
- Thực hiện thay mới thiết bị sản xuất, thùng chứa định kỳ khi tình trạng kỹ thuật suy giảm đến thông số thiết kế. Không sử dụng các thiết bị không đảm bảo kỹ thuật an toàn.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động như: mặt nạ phòng độc, áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng, kính bảo hộ khi làm việc với hóa chất.

+ Nguy cơ ăn mòn

- Chia thành nhiều khu vực, kho riêng theo mức độ dễ cháy, nổ của các nhóm hóa chất để bảo quản được an toàn;
- Không để các vải lau, giẻ bẩn dính dầu mỡ, hóa chất trong nhà chứa;
- Thực hiện công tác kiểm tra khi tiến hành sản xuất, kiểm tra các đầu dò, vị trí đầu nối, trang thiết bị cần cho quá trình phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện thay mới trang thiết bị khi có sự cố. Không sử dụng các loại thiết bị không đảm bảo an toàn;
- Thường xuyên giữ cho kho luôn khô ráo, thông thoáng, có hệ thống thông gió tự nhiên, thường xuyên theo dõi độ ẩm và nhiệt độ.
- Lưu trữ đúng quy định cho từng loại hóa chất.
- Khi hóa chất bị rò rỉ phải tiến hành dọn vệ sinh theo đúng quy định.

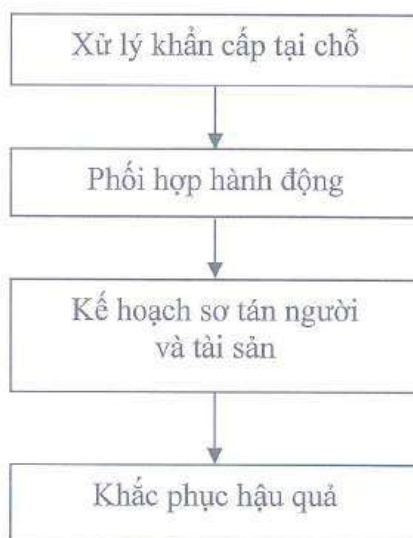
+ Hóa chất văng bắn

- Việc tháo, dỡ, di chuyển hóa chất trong phải đúng quy định; Trước khi tiến hành xếp dỡ, người phụ trách xếp, dỡ phải kiểm tra bao bì, nhãn hiệu và trực tiếp điều khiển hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn;
- Không xếp các loại hóa chất có khả năng phản ứng với nhau, kỵ nhau, hoặc cách chữa cháy khác trong cùng một chỗ.
- Không quăng vứt, va chạm làm đổ vỡ, không được ôm vác hóa chất nguy hiểm vào người.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn như: trong bơm rót, sang sản phẩm từ thiết bị sản xuất vào các thùng chứa.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động như: mặt nạ phòng độc, áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng, kính bảo hộ khi làm việc với hóa chất.

❖ *Phương án ứng phó, khắc phục sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:*

Khi xảy ra sự cố tràn, đổ hóa chất và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc đầu tiên Chủ cơ sở cần thực hiện là xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người sau đó thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng cùng

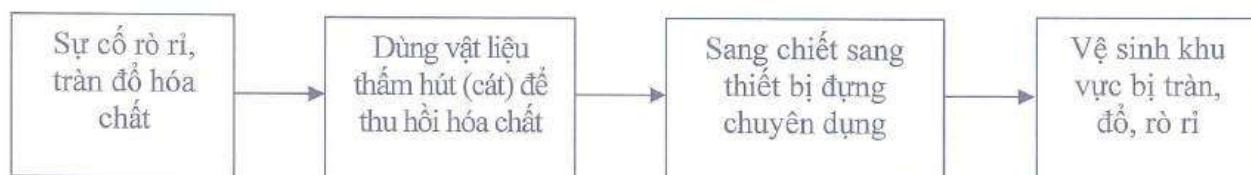
các tác động của hóa chất. Khi xảy ra sự cố, Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các công tác ứng phó như sau:



Hình 14: Sơ đồ mô phỏng công tác ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Bước 1: Xử lý khẩn cấp tại chỗ

Biện pháp xử lý sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể khái quát bằng sơ đồ sau:



+ Trường hợp rò rỉ, tràn đổ ở mức nhỏ:

Khi sự cố xảy ra, để ngăn chặn sự tiếp xúc của hóa chất tới cơ thể con người thì cần trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị chuyên dụng cho người lao động. Hấp phụ hóa chất bằng bằng vật liệu trơ (cát), không sử dụng chất liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín để thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như CTNH mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ Trường hợp tràn đổ, rò rỉ lớn trên diện rộng:

Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn, đổ hóa chất. Hấp phụ hóa chất bằng vật liệu trơ, không sử dụng vật liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như CTNH mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất khi vận chuyển:

Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ khi đang vận chuyển thì nhân viên lái xe phải thực hiện phương án nhằm cách ly hóa chất xa khu dân cư sau đó phối hợp với nhân viên kỹ thuật thu gom hóa chất vào các thùng chứa chuyên dụng rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

Bước 2: Phối hợp hành động:

Tùy vào tình hình sự cố mà Chủ cơ sở sẽ thông báo khẩn cấp tới các cơ quan chức năng của địa phương và các cơ sở sản xuất xung quanh để phối hợp khắc phục.

Bước 3: Kế hoạch sơ tán người và tài sản:

Khi xảy ra sự cố hóa chất thì lập tức sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực tràn đổ, rò rỉ và các khu vực có khả năng chịu tác động. Sơ tán những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, ...) và cắt cầu dao điện. Sau khi sơ tán người và tài sản ra thì cô lập vùng nguy hiểm.

Bước 4: Khắc phục hậu quả sự cố:

Khi sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất thì việc đầu tiên Chủ cơ sở cần thực hiện là đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng và tác động của hóa chất, đưa người bị thương đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng nhanh chóng chuyển nạn nhân lên các cơ sở y tế tuyến trên để chữa trị chuyên sâu. Hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho nạn nhân và công tác xử lý môi trường.

e. Biện pháp phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm

Các biện pháp phòng ngừa:

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm rất quan trọng đối với bếp ăn. Vì vậy Công ty đã đề ra các biện pháp và quy tắc thực hiện sau cho khu nhà ăn:

- Đề ra nội quy và thực hiện theo Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010.
- Công ty sử dụng nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.
- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn quy định.
- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.
- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Thực phẩm khi mua được chọn những loại tươi, ngon và được cung cấp từ những địa chỉ an toàn, có chất lượng,

được chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình chế biến đảm bảo đúng hướng dẫn của ngành y tế. Đội ngũ nhân viên nhà bếp sẽ luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và được tham gia đầy đủ các lớp nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm khi ngành y tế tổ chức.

Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Cán bộ, nhân viên cùng phòng sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

- Trường hợp trên 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Phòng ban liên quan sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của công ty khẩn trương thành lập bệnh viện dã chiến, khu vực khám phân loại bệnh nhân.

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị tại bệnh viện dã chiến của công ty. Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

a. Thực hiện đúng theo quy định về Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

b. Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN) theo quy định hiện hành. Cụ thể là:

- Tiếng ồn trong quá trình vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường);

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Nội Bài trước khi được đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Nội Bài.

c. Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đi vào hoạt động của nhà máy, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- CTRSH, CTRTT, CTNH phải được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Cơ sở rất mong được Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Qiang

PHỤ LỤC

- Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đầu tư;
- Giấy đăng ký doanh nghiệp;
- Quyết định phê duyệt ĐTM;
- Hợp đồng thuê đất;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải;
- Giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Nội Bài.
- Các giấy phép xây dựng;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và chứng từ chuyển giao chất thải;
- Văn bản thẩm duyệt PCCC của Nhà máy;
- Bản vẽ tổng mặt bằng nhà máy;
- Bản vẽ thu gom, thoát nước mưa, nước thải.



SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0105885582

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 05 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 11 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Tên công ty viết tắt: TOV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917265138

Số Fax:

Thư điện tử: tov-hr@tamron.co.jp

Website: www.tamron.co.jp

3. Vốn điều lệ : 548.170.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tám tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH TAMRON

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0300-01-011204

Ngày cấp: 04/04/1948 Nơi cấp: Sở tư pháp Saitama, Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 1385, Hasunuma, Minuma-ku, Saitama-shi, Saitama, NHẬT BẢN

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LUO QIANG

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: 20/07/1976

Quốc tịch: *Trung Quốc*

Hộ chiếu nước ngoài: *EL0072899*

Ngày cấp: 08/08/2023

Nơi cấp: *Cục quản lý Xuất nhập cảnh, Cộng hòa
Nhân dân Trung Hoa*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Khu căn hộ Deaha, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Anh Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5414662135

Chứng nhận lần đầu: ngày 04 tháng 5 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: ngày 27 tháng 11 năm 2025

Chứng nhận hiệu đính lần thứ 1: ngày 16 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025,

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2020; Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghệ cao và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5414662135 do Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/5/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 27/11/2025;

Căn cứ văn bản đề nghị hiệu đính dự án đầu tư kèm theo hồ sơ do Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) nộp ngày 15/12/2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận: Dự án đầu tư “CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)”; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5414662135 do Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp lần

đầu ngày 04/5/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 27/11/2025; được hiệu đính: thông tin về hộ chiếu người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi hiệu đính như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH TAMRON; Giấy chứng nhận thành lập số: 0300-01-011204 do Phòng Tư pháp Saitama, Nhật Bản cấp ngày 04/04/1948.

Trụ sở chính: 1385, Hasunuma, Minuma-ku, Saitama-shi, Saitama, Nhật Bản.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Sakuraba Shogo

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm giám đốc điều hành; Ngày sinh: 01/04/1958

Quốc tịch: Nhật Bản;

Hộ chiếu số: TT1198955 do Bộ Ngoại giao cấp ngày 26/5/2020.

Địa chỉ thường trú: 6813 Iwatsuki, quận Iwatsuki, thành phố Saitama, tỉnh Saitama, Nhật Bản.

Chỗ ở hiện tại: 6813 Iwatsuki, quận Iwatsuki, thành phố Saitama, tỉnh Saitama, Nhật Bản.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105885582 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/5/2012, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/9/2025. Mã số thuế: 0105885582.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

2. Mục tiêu dự án:

TT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học. <i>Chi tiết:</i> Sản xuất, gia công, lắp ráp các linh kiện, sản phẩm, thiết bị quang học gồm: - Các loại thấu kính, các thiết bị và các sản phẩm dùng thấu kính (thấu kính thay thế được, ống kính máy ảnh, ống kính máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video kỹ thuật số); - Ống kính tivi mạch kín - CCTV, ống kính cho máy điện thoại di động, ống kính dùng cho ô tô; - Các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như khuôn kim loại hoặc các linh kiện cơ khí khác bao gồm linh kiện và dụng cụ sửa chữa.	2670

Toàn bộ sản phẩm của doanh nghiệp để xuất khẩu (Doanh nghiệp chế xuất).

(Doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động).

3. Quy mô dự án:

- Các loại thấu kính, các thiết bị và các sản phẩm dùng thấu kính (thấu kính thay thế được, ống kính máy ảnh, ống kính máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video kỹ thuật số): 1.000.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.

- Ống kính tivi mạch kín - CCTV, ống kính cho máy điện thoại di động, ống kính dùng cho ô tô: 5.000.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.

- Các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như khuôn kim loại hoặc các linh kiện cơ khí khác bao gồm linh kiện và dụng cụ sửa chữa: 10.000.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích sử dụng đất khoảng: 13.400 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.463.050.000.000 VNĐ *(Một nghìn bốn trăm sáu mươi ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)*, tương đương với 70.000.000 USD *(Bảy mươi triệu đô la Mỹ)*.

Trong đó: vốn góp để thực hiện dự án là 360.650.000.000 VNĐ *(Ba trăm sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng)*, tương đương 17.000.000 USD *(Mười bảy triệu đô la Mỹ)* chiếm tỷ lệ 24% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Nhà đầu tư góp 360.650.000.000 VNĐ *(Ba trăm sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng)*, tương đương 17.000.000 USD *(Mười bảy triệu đô la Mỹ)* bằng tiền mặt.

Nhà đầu tư và Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) tự chịu trách nhiệm về năng lực tài chính và nguồn vốn vay đầu tư thực hiện dự án.

Tiến độ góp vốn: đã thực hiện (theo báo cáo).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 32 năm kể từ ngày 04/5/2012.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư (Theo báo cáo):

- Dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với phần vốn góp tăng thêm (3.000.000 USD):

+ Thực hiện tăng vốn: Quý IV năm 2019.

+ Mua, lắp đặt máy móc, thiết bị: Quý I và II năm 2020

- Đối với phần quy mô dự án tăng thêm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (thay đổi lần thứ 3): Dự kiến đi vào hoạt động sản xuất quý I năm 2026.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật (<https://fdi.gov.vn>).

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án: Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ và hình thức góp vốn đầu tư và địa điểm đăng ký đầu tư; Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định và điều kiện (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết (nếu có) liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề đăng ký đầu tư.

3. Một số quy định khác:

- Về chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11 Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Về môi trường: Đề nghị Nhà đầu tư rà soát và cập nhật trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường để được xem xét và cấp phép trước khi Nhà đầu tư hoạt động phân công suất tăng thêm. Dự án chỉ được phép hoạt động khi Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình hoạt động dự án đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Về phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được hoạt động khi có nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình hoạt động dự án đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực quản lý ngoại hối trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (tham khảo tại đường link của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh khu vực I: <http://sbv.hanoi.gov.vn>).

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư/điều chỉnh dự án đầu tư và địa điểm, nguồn vốn đăng ký đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý sử dụng đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, quản lý sử dụng lao động và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5414662135 do Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 27/11/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được cấp dưới dạng văn bản điện tử theo quy định của pháp luật; được cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và lưu trữ tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, đồng thời được đăng tải trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Công thương, Thuế thành phố Hà Nội, Công an Thành phố Hà Nội, Chi cục Hải quan khu vực I, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh khu vực I;
- UBND xã Sóc Sơn;
- Trưởng Ban (đề b/c);
- Các phòng: HTĐT, XDMT, QLDN, KHTC;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thanh Sơn

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5414662135

Chứng nhận lần đầu: ngày 04 tháng 5 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 19 tháng 10 năm 2016

Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 25 tháng 12 năm 2019

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 12043000434 lần đầu ngày 04/5/2012, thay đổi lần thứ 1 ngày 19/10/2016 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp;
- Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo hồ sơ của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) nộp ngày 20/12/2019; Xét báo cáo của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư tại Văn bản số 61NB/BC-QLĐT ngày 23/12/2019.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

Chứng nhận

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 12043000434 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/5/2012, thay đổi lần thứ 1 ngày 19/10/2016; được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với nội dung tăng tổng vốn đầu tư từ 67.000.000 USD lên 70.000.000USD.

Nhà đầu tư:

Công ty TNHH Tamron

Giấy chứng nhận thành lập số: 0300-01-011204 do Phòng Tư pháp Saitama, Nhật Bản cấp ngày 04/04/1948.

Trụ sở chính: 1385, Hasunuma, Minuma-ku, Saitama-shi, Saitama, Nhật Bản.

Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ông Shiro Ajisaka

- Sinh ngày: 17 tháng 7 năm 1954

- Quốc tịch: Nhật Bản

- Hộ chiếu số: TH1988023 do Bộ Ngoại giao Nhật Bản cấp ngày 30/11/2006

- Chức vụ: Chủ tịch

- Địa chỉ thường trú: 1-13, Kamikizaki, Urawa-ku, Saitama-shi, Saitama, Nhật Bản.

- Chỗ ở hiện nay: 1-13-15-421, Kamikizaki, Urawa-ku, Saitama-shi, Saitama, Nhật Bản.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105885582 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/5/2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 06/12/2019.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

2. Mục tiêu dự án:

Thiết kế, gia công, lắp ráp và sản xuất các linh kiện, sản phẩm, thiết bị quang học như là các loại thấu kính, các thiết bị và các sản phẩm dùng thấu kính (thấu kính thay thế được, ống kính máy ảnh, ống kính máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video kỹ thuật số, ống kính tivi mạch kín – CCTV, ống kính cho máy điện thoại di động, ống kính cho các ứng dụng trong ô tô,...) và các linh kiện, sản phẩm liên quan đến thiết bị quang học như khuôn kim loại hoặc các linh kiện cơ khí khác bao gồm linh kiện và dụng cụ sửa chữa.

Toàn bộ sản phẩm để xuất khẩu (Doanh nghiệp chế xuất); Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ.

3. Quy mô dự án:

- Ống kính máy ảnh: 1.800.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.
- Linh kiện quang học (thấu kính và sản phẩm khác): 100.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.
- Ống kính máy ảnh kỹ thuật số và ống kính máy quay video kỹ thuật số: 300.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định.

4. Địa điểm thực hiện dự án:

Lô 69B và 70A Khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

5. Diện tích đất: 13.400m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **1.463.050.000.000 VND** (Một nghìn bốn trăm sáu mươi ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) tương đương với **70.000.000 USD** (Bảy mươi triệu đô-la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 360.650.000.000 VND (Ba trăm sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 17.000.000 USD (Mười bảy triệu đô-la Mỹ) chiếm tỷ lệ 24% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Nhà đầu tư góp 360.650.000.000 VND (Ba trăm sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 17.000.000 USD (Mười bảy triệu đô-la Mỹ) bằng tiền mặt.

Nhà đầu tư và Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) tự chịu trách nhiệm về năng lực tài chính và việc vay vốn đầu tư thực hiện dự án.

Tiến độ góp vốn: đã thực hiện.

7. Thời hạn hoạt động của dự án:

32 năm kể từ ngày 04/5/2012.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với phần vốn góp tăng thêm (3.000.000 USD):
 - + Thực hiện tăng vốn: Quý IV năm 2019.
 - + Mua, lắp đặt máy móc thiết bị: Quý I và II năm 2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật.

Điều 3. Một số điều kiện đối với nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Đầu tư: doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo về đầu tư như sau:

- Báo cáo về tình hình thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://dautunuocngoai.gov.vn>);

- Báo cáo giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ: báo cáo 06 tháng và báo cáo năm gửi về Ban Quản lý.

2. Môi trường: khi thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phòng cháy và chữa cháy: dự án chỉ được hoạt động khi có nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư, địa điểm đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, quản lý sử dụng lao động.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 12043000434 thay đổi lần thứ 1 ngày 19/10/2016 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội. / *lt*

TRƯỞNG BAN *lt*

Phạm Khắc Tuấn

Số: 4046 / STNMT-CCBVM

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2018

V/v: hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ hoạt động của Nhà máy sản xuất của công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

Kính gửi: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nhận được văn bản số 142/CV ngày 03/5/2018 của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) về việc các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất của công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và hồ sơ lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Đầu tư xây dựng công ty TNHH Tamron Optical tại Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 09/4/2013. Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) gồm 02 quy trình sản xuất: gia công kim loại và lắp ráp sản phẩm linh kiện quang học.

Quá trình hoạt động từ 2013 đến nay, Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) đã hoạt động thêm 02 quy trình: quy trình gia công thấu kính (tháng 8/2013), quy trình gia công thành hình nhựa (tháng 10/2015), đồng thời đã xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy. Ngày 27/4/2018, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội đã phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam) tại Quyết định số 571/QĐ-STNMT.

2. Các công trình bảo vệ môi trường đã đầu tư xây dựng phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy.

2.1. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

+ Tổng lượng nước thải phải xử lý phát sinh thực tế bao gồm là nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp, nước thải sản xuất. Với tổng lượng thực tế theo đồng hồ đo lưu lượng thải là 175m³/tháng được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 184m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn thải của KCN Nội Bài được xả ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nội Bài và tiếp tục xử lý tại Hệ thống XNT tập trung của KCN Nội Bài.

Nước thải sản xuất tại công đoạn nghiền mài và tẩy rửa thấu kính được xử lý qua hệ thống chuyên dụng của thấu kính với lưu lượng khoảng 40m³/ngày đêm được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất

50m³/ngày đêm xử lý trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 184m³/ngày đêm

2.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Chất thải thông thường và chất thải rắn nguy hại phát sinh tại cơ sở đã được phân loại, lưu giữ tại kho chứa:

- Kho lưu chứa CTNH có diện tích 15m² xây dựng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý CTNH,

- Khu chứa chất thải thông thường: 20m², chất thải tái chế 15m², có mái che.

- Nhà máy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Sổ đăng ký CNT CTNH mã số QLCTNH 01.001321.T ngày 02/06/2014.

2.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải.

Nhà máy lắp đặt các quạt hút, đẩy thông thoáng nhà xưởng (Do quy trình công nghệ không phát thải khí thải, bụi thải gây ô nhiễm môi trường).

3. Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) có trách nhiệm thực hiện các cam kết đã nêu tại Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phê duyệt kèm theo các yêu cầu nêu tại Quyết định số 571/QĐ-STNMT ngày 27 tháng năm 2018, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau:

3.1. Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành:

- Toàn bộ nước thải (sản xuất và sinh hoạt) phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn thải theo quy định của Khu công nghiệp Nội Bài trước khi được xả ra hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nội Bài và tiếp tục xử lý tại Hệ thống XNT tập trung của Nội Bài.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đã cam kết trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại đơn vị, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn để kiểm tra và giám sát; chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Chủ động xử lý, khắc phục ngay sự cố làm ô nhiễm môi trường và có báo cáo cho cơ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3.4. Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.6. Trong quá trình hoạt động sản xuất, nếu có nhu cầu thay đổi về quy mô, công nghệ sản xuất Nhà máy và những thay đổi khác, Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đề nghị Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Lê Tuấn Định;
- Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội;
- UBND huyện Sóc Sơn;
- Lưu: VT, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC 



Lê Tuấn Định

Số: 100 /STNMT-CCMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2014

GIẤY XÁC NHẬN

**VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH,
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**
của Dự án: “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”
Địa điểm: Lô 69B & 70A, khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Chủ dự án: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)” tại Lô 69B & 70A, khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội;

Thực hiện Quyết định số 82/QĐ-STNMT ngày 10/3/2014 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc thành lập Đoàn kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án: “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)” tại Lô 69B & 70A, khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 503 /TTr-CCMT ngày 10 tháng 6 năm 2014 về việc xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án: “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)”,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án: “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)” tại Lô 69B & 70A, khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội như sau:

1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 183 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý được đầu nối và dẫn về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của khu công nghiệp Nội Bài để tiếp tục xử lý.
- Đã có Biên bản xác nhận điểm đầu nối nước thải sinh hoạt ký ngày 05/11/2013 với Công ty TNHH Phát triển Nội Bài.
- Nước thải sản xuất là chất tẩy rửa để làm sạch và đánh bóng bề mặt các chi tiết sản phẩm với khối lượng 3m³ /tháng được Công ty hợp đồng thuê đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải:

- Đã đầu tư lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống quạt hút thông qua hấp thụ lớp than hoạt tính; hệ thống xử lý bụi của máy mài qua màng nước.

3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn thông thường được thu gom vào các thùng chứa và ký Hợp đồng số 032 RC/NBD/2013 với Công ty TNHH Phát triển Nội Bài thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường.

4. Công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được phân loại riêng, có dán nhãn, lưu giữ trong các thùng chứa và để trong nhà kho có mái che, có treo biển cảnh báo theo qui định.
- Đã có Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.001321.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 1 ngày 15 tháng 8 năm 2013.
- Đã có Hợp đồng số 324/2013/HĐ/MTX-VSMTĐA-TAMRON ngày 16/10/2013 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ ứng dụng kỹ thuật cao vệ sinh Môi trường Đông Anh (Chủ thu gom, vận chuyển) và Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường xanh (Chủ xử lý).

5. Đã có văn bản nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy số 61/NT-SCSPCCC-P3 do Sở Cảnh sát PC&CC Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/6/2013.

Điều 2. Chủ dự án (hoặc tổ chức, cá nhân được Chủ dự án chuyển giao quản lý vận hành Dự án) có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tiếp tục quan trắc các thông số môi trường theo kế hoạch đặt ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trong suốt quá trình thực hiện dự án.

2. Phải vận hành thường xuyên và tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường Công ty đã đầu tư xây dựng đảm bảo theo đúng thiết kế; đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật; đảm bảo kinh phí vận hành; đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT
- UBND Thành phố (đề b/c);
- Giám đốc Sở
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- Ban quản lý các KCN & chế xuất Hà Nội;
- Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam);
- Lưu VT, CCMT(2).
- MHS: 3365. CCMT

TUQ. UBND Thành phố Hà Nội
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

Số: 571/QĐ-STNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với

Cơ sở: Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)

Địa điểm: Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn,
thành phố Hà Nội

Chủ cơ sở: Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 7410/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường ký: Quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM, thành lập Đoàn kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án, thành lập đoàn kiểm tra thực tế công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở và phê duyệt đề án Bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị tại văn bản số 193/CV-MT ngày 19/3/2018 của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam);

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường chi tiết ngày 26/3/2018 của cơ sở: “Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)”;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở: “Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)” đã được bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh (theo Thông báo số 140/TB-CCBVMT-TH ngày 27/3/2018, gửi kèm văn bản giải trình số 25/TAMRON ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam);

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 514/TTr-CCBVMT-ĐTM ngày 26/4/2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở: “Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)” (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, công suất hoạt động của cơ sở:

1.1. Vị trí: Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

1.2. Quy mô hoạt động của Cơ sở:

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích cơ sở: 13.400 m².
- Quy mô sản xuất:
- Ống kính máy ảnh: 1.800.000 sản phẩm/năm.
- Linh kiện quang học (thấu kính và sản phẩm khác): 700.000 sản phẩm/năm
- Ống kính máy ảnh kỹ thuật số và ống kính máy quay video kỹ thuật số: 300.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành:

- Toàn bộ nước thải (sản xuất và sinh hoạt) phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn thải của Khu công nghiệp Nội Bài trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nội Bài. (Theo hợp đồng thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp số 66/NBD/2018 ký ngày 06/4/2018 giữa Công ty TNHH Phát triển Nội Bài và Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam).

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.3. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đã cam kết trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại đơn vị, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội để kiểm tra và giám sát; chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Chủ động xử lý, khắc phục ngay sự cố làm ô nhiễm môi trường và có báo cáo cho cơ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

2.5. Chủ Cơ sở phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.6. Chủ Cơ sở phải thực hiện việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung Đề án chi tiết đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với cơ sở "Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam)" tại Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội chỉ phục vụ cho công tác quản lý môi trường của cơ sở, không sử dụng cho các mục đích khác.

Giao Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, Tổng Giám đốc Công ty TNHH TAMRON OPTICAL (Việt Nam) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND thành phố (để b/c)
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Lê Tuấn Định;
- Lưu: VT, CCBVMT.

MHS: 13744.CCMT



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Định

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Giữa

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI

Và

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)



Handwritten mark or signature.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT NÀY được lập ngày 04 tháng 05 năm 2012 (sau đây được gọi là "Ngày hiệu lực") tại Hà Nội (sau đây được gọi là "Hợp đồng")

GIỮA

I. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI ("Bên cho thuê")

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 012023000093 do Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội ("HIZA") cấp ngày 28/01/2011.
MST: 0100113991
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam.
Đại diện bởi: Ông Au Sing Choy
Chức vụ: Tổng Giám đốc

VÀ

II. CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) ("Bên thuê")

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 012043000434 do Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội ("HIZA") cấp ngày 04/05/2012.
Mã số thuế: 0105885582
Địa chỉ: Lô số 69B - 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam.
Đại diện bởi: Ông Yasuo Otsuka
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cả Bên cho thuê và Bên thuê sau đây được gọi là "các Bên"

THUẬT LẠI:

- A. Bên cho thuê và Công ty TNHH Rhythm Precision Việt Nam (RPV) cùng ký Hợp đồng thuê đất ngày 26/03/2007 đối với việc thuê lô đất 69 và 70A với tổng diện tích là 23,400m² ở Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam (sau đây được gọi tắt là ("HĐTD"));
- B. RPV đã thanh toán đầy đủ tiền thuê đất cho Bên cho thuê đối với lô đất 69 và 70A (sau đây được gọi là "Lô đất 1");
- C. Do thay đổi kế hoạch kinh doanh, RPV không cần sử dụng toàn bộ Lô đất 1 và muốn trả lại một phần của Lô đất 1 với diện tích là 13.400m² cho Bên cho thuê (sau đây được gọi là "Lô đất 2") và giữ phần còn lại của Lô đất 1 với diện tích là 10.000m² (sau đây được gọi là "Lô đất 3");
- D. Bên thuê muốn thuê Lô đất 2 để xây dựng một nhà máy mới.
- E. Căn cứ vào Hợp đồng Chuyển nhượng ký ngày/...../2012 giữa Bên thuê và RPV, Bên thuê mong muốn ký một hợp đồng thuê đất mới với Bên cho thuê đối với Lô đất 2.

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

1. ĐỊNH NGHĨA

Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác, các thuật ngữ viết hoa sẽ có nghĩa như sau:

<i>Khu vực chung</i>	là tất cả các phần của Khu Công Nghiệp (như được định nghĩa dưới đây) mà không được bao gồm hoặc không được thiết kế để bao gồm trong các quyền riêng biệt trao cho Bên thuê theo một thỏa thuận thuê đất theo Hợp đồng Thuê đất này.
<i>Tiện ích cơ sở hạ tầng</i>	là các tiện ích cơ sở hạ tầng đã được lắp đặt hoặc được lắp đặt và bảo trì bởi Bên cho thuê tại Khu Công nghiệp.
<i>Trường hợp bất khả kháng</i>	là các trường hợp nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên cho thuê hoặc Bên thuê làm cho Bên cho thuê hoặc Bên thuê không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng thuê đất này. Bất khả kháng bao gồm thiên tai, tình trạng khẩn cấp quốc gia, chiến tranh, chiến sự, hoả hoạn hoặc bệnh dịch.
<i>Khu đất</i>	là Lô đất cho thuê theo Hợp đồng Thuê đất này như được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo.
<i>Tiền thuê đất</i>	là tiền thuê Khu đất phải thanh toán cho toàn bộ thời hạn thuê đất.
<i>Khu vực thuê</i>	là Lô đất 2
<i>Thời hạn</i>	là giai đoạn thuê đất được quy định bởi Hợp đồng Thuê đất này như được quy định tại Điều 2.2.
<i>Khu Công Nghiệp (KCN)</i>	là đất đai và các công trình xây dựng với tên gọi Khu công nghiệp Nội Bài ("NBIZ"), Hà Nội, Việt Nam.

2. THUÊ ĐẤT

2.1 Cho thuê

Bên cho thuê sau đây cho Bên thuê thuê Lô đất 2 ("Phụ lục 1"), có diện tích rộng 13.400m² trong Khu công nghiệp (KCN).

2.2 Thời hạn Thuê

Thời hạn thuê còn lại sẽ kết thúc vào ngày 01/04/2044, với lựa chọn kéo dài thêm nhiều năm nữa phụ thuộc vào thỏa thuận giữa Bên cho thuê và Bên thuê về giá thuê đất của thị trường hiện hành cho thời hạn bổ sung thêm.

2.3 Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải trả cho Lô đất 2 đã được RPV thanh toán đầy đủ cho Bên cho thuê trước ngày ký Hợp đồng này; vì vậy, Tiền thuê đất cho Lô đất 2 trong Hợp đồng này sẽ không phải trả cho Bên cho thuê.

2.4 Các khoản phí khác

2.4.1. Phí Quản lý cơ sở hạ tầng

Phí Quản lý cơ sở hạ tầng hàng năm là 1 đô la Mỹ/m²/năm (chưa bao gồm các loại thuế) sẽ được Bên thuê trả trước hàng năm bắt đầu từ ngày ký Hợp đồng này.

Các Bên nhất trí rằng Phí Quản lý cơ sở hạ tầng sẽ được xem xét và điều chỉnh ba (3) năm một lần dựa trên mức giao động của chỉ số hàng tiêu dùng do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố.

2.4.2 Tiềm ích sử dụng

Bên thuê sẽ chịu trách nhiệm về việc thanh toán và theo giá bán của các nhà cung cấp có liên quan đến các tiện ích khác nhau.

Điện:	Công ty Điện lực Hà Nội
Thông tin viễn thông:	Bưu điện thành phố Hà Nội
Nước:	Công ty TNHH Phát triển Nội Bài

Mỗi nhà cung cấp sẽ ký hợp đồng cung cấp tiện ích cho Bên thuê khi áp dụng cho những tiện ích như vậy.

2.4.3 Phí xin cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất

Bên thuê, bằng chi phí của mình, sẽ chuẩn bị và hoàn thành các thủ tục và trả phí cho việc đăng ký lại Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất được tính bởi Chính phủ.

2.4.4 Đấu nối điện và nước

Các công việc đấu nối điện và nước sẽ do Bên thuê và/ hoặc Nhà thầu xây dựng của Bên thuê thực hiện và chịu chi phí. Đồng hồ nước sẽ do Bên cho thuê cung cấp và chịu chi phí.

2.4.5 Đường vào/cầu

Việc làm đường vào/cầu nối từ nhà máy ra đường ngoài do Bên thuê chịu trách nhiệm và phải tuân thủ các hướng dẫn các quy định nội bộ của Bên cho thuê.

2.4.6 Lãi đối với Tiền thuê chưa trả và các khoản tiền khác

Nếu Tiền thuê đất và Phí Quản lý cơ sở hạ tầng hoặc bất kỳ khoản nào khác mà Bên thuê phải thanh toán cho Bên cho thuê theo Hợp đồng Thuê đất này không được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày yêu cầu thì Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê các khoản đó với lãi bắt đầu được tính từ sau ngày hết hạn thời hạn ba mươi (30) ngày nói trên. Tiền lãi được tính sẽ là 1% một tháng, tính trên cơ sở hàng ngày.

2.5 Chuyển đổi tiền và thanh toán bằng chuyển khoản

Việc chuyển đổi tiền liên quan đến Tiền thuê đất và Phí Quản lý Hạ tầng hoặc bất kỳ phí nào khác sẽ được thực hiện theo tỷ giá chuyển khoản chính thức do Ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày thanh toán. Mọi khoản thanh toán của Bên thuê cho Bên cho thuê sẽ được thực hiện bằng điện chuyển tiền vào tài khoản của Bên cho thuê bằng đồng tiền do Bên cho thuê qui định.

3 QUYỀN CỦA CÁC BÊN

3.1 Quyền của Bên cho thuê

- (a) Bên thuê sẽ cho phép Bên cho thuê, các nhân viên của Bên cho thuê và những người khác được Bên cho thuê uỷ quyền, vào trong Khu vực thuê trong trường hợp khẩn cấp và nếu không phải trường hợp khẩn cấp thì có thông báo hợp lý nhằm mục đích hoàn thành và tuân theo các nghĩa vụ của Bên cho thuê theo Hợp đồng Thuê đất này.
- (b) Để giữ cho khu công nghiệp một cách dễ chịu, Bên cho thuê có quyền yêu cầu Bên thuê bảo trì các khu vực có thể nhìn thấy như chu vi của những bức tường trong điều kiện sạch sẽ và coi được, nếu không Bên cho thuê sẽ khắc phục các vấn đề này bằng chi phí của Bên thuê.

3.2 Quyền của Bên thuê

Bên thuê được hưởng những quyền sau:

- (a) Bên thuê sẽ được quyền nắm giữ và sử dụng Khu vực thuê trong suốt Thời hạn để thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh theo giấy phép mà không bị gián đoạn do Bên cho thuê hoặc bất kỳ người đại diện nào của Bên cho thuê;
- (b) Bên thuê có thể chuyển nhượng thời gian còn lại của Thời hạn đã không được đề xuất cho việc chuyển giao ("Thời hạn Còn lại"), theo những điều khoản sau:

Ngay khi xảy ra trường hợp chuyển nhượng, Bên thuê sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên cho thuê bằng văn bản ("Thông báo Chuyển nhượng") về việc này và về mong muốn (nếu có) được chuyển nhượng Thời hạn Còn lại cho một bên thứ ba với sự đồng ý của Bên cho thuê.

Nếu việc chuyển nhượng được thực hiện:

Bên thuê sẽ làm mọi biện pháp và thực hiện thủ tục cần thiết để chuyển nhượng Thời hạn Còn lại cho bên thứ ba ("Bên nhận chuyển nhượng") được Bên cho thuê chấp thuận để: -

- (i) Bên nhận chuyển nhượng được hưởng mọi quyền lợi của Hợp đồng này kể từ ngày chuyển nhượng;
- (ii) Bên nhận chuyển nhượng sẽ tiếp quản mọi nghĩa vụ của Hợp đồng này kể từ ngày chuyển nhượng;
- (iii) Bên nhận chuyển nhượng không có nghĩa vụ trả Tiền thuê đất cho Bên cho thuê cho Thời hạn còn lại, để chuyển giao Thời hạn còn lại, nếu

Hợp đồng thuê đất này được chấm dứt và Bên cho thuê có nghĩa vụ ký hợp đồng thuê đất mới với Bên nhận chuyển nhượng.

- (iv) Bên cho thuê sẽ chấp thuận việc Bên nhận chuyển nhượng thực hiện Hợp đồng này thay cho Bên thuê từ thời điểm chuyển nhượng;
 - (v) Bên thuê phải trả phí chuyển nhượng là 1% của tổng Giá mua hoặc số khác được hai bên thoả thuận, cho Bên cho thuê cho các tài liệu hành chính và các chi phí khác.
- (c) Cùng với việc chuyển nhượng Thời hạn còn lại theo Điều 3.2(b), Bên thuê có thể bán hoặc thanh lý nhà cửa, cấu trúc và/hoặc bất kỳ tài sản cố định, bán cố định nào lắp đặt trên Lô đất.

4 NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1 Nghĩa vụ của Bên cho thuê

Bên cho thuê đảm bảo:

- (a) quản lý tốt Khu công nghiệp một cách chuyên nghiệp và hiệu quả;
- (b) giúp đỡ Bên thuê xin các giấy phép và sự cho phép cần thiết bất cứ khi nào có thể được;
- (c) bảo dưỡng và sửa chữa một cách hợp lý đường giao thông, đường đi bộ, cống, mương thoát nước và các tiện ích không cốt lõi khác trong Khu vực chung trong thời gian việc này thuộc trách nhiệm của Bên cho thuê;
- (d) cung cấp bảo vệ cho Khu vực chung.

4.2 Nghĩa vụ của Bên thuê

Bên thuê đảm bảo:

- (a) luôn tuân thủ các quy tắc nội bộ của Bên cho thuê và quy định của KCN ("Phụ Lục 2");
- (b) chỉ sử dụng khu đất đã thuê để tiến hành công việc kinh doanh như qui định trong Giấy Chứng nhận Đầu tư và tuân thủ theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và những qui định liên quan khác;
- (c) xin được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên cho thuê để mang vào và cất trong kho các hoá chất hoá học nguy hiểm, đạn dược, chất nổ, chất thải độc hoặc các chất dễ cháy gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đối với tài sản, khu vực thuê và môi trường hoặc làm nguy hại hoặc có thể làm nguy hại đến các cá nhân/tổ chức hoặc động vật trong KCN;
- (d) xử lý nước cống và nước thải công nghiệp (trừ nước thải sinh hoạt) từ khu vực thuê trong một khu xử lý do Bên thuê xây dựng. Khi Bên cho thuê yêu cầu, Bên thuê sẽ nộp một bản phân tích nước thải từ khu vực thuê cho Bên cho thuê;
- (e) sắp xếp phù hợp cho việc xử lý, vận chuyển và huỷ chất thải công nghiệp từ Khu công nghiệp. Việc sắp xếp này phải tuân thủ các yêu cầu pháp lý liên quan. Bên thuê phải cung cấp cho Bên cho thuê đầy đủ chi tiết về chất thải

công nghiệp thải ra từ Khu vực thuê và sẽ gửi cho Bên cho thuê một bản chi tiết về chất thải mà Bên thuê phải cung cấp cho các Cơ quan liên quan;

- (f) khi xây dựng nhà máy phải tuân theo những Hướng dẫn/Quy định về Quy hoạch và Xây dựng như đã nêu trong ("Phụ lục 3");
- (g) khi hết Thời hạn thuê của Hợp đồng này hoặc chấm dứt hợp đồng trước Thời hạn, Bên thuê phải chuyển đi toàn bộ tài sản của Bên thuê bao gồm máy móc, thiết bị đồ đạc và phụ kiện và sẽ khôi phục lại khu Đất với điều kiện hiện tại của nó;
- (h) phải tuân theo các Tiêu chuẩn về Môi trường của Việt Nam.

5 THUẾ VÀ PHÍ

Các Bên thoả thuận rằng mỗi bên sẽ phải thanh toán và chi trả tất cả các khoản thuế và phí áp đặt cho Bên đó trong hiện tại và phát sinh trong tương lai theo Luật pháp Việt Nam.

6 BẤT KHẢ KHÁNG

Không bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng khi thực hiện hoặc không chịu trách nhiệm vì bất kỳ lý do chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng Thuê đất này trong Trường hợp Bất khả kháng xảy ra.

Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia về việc xảy ra Trường hợp Bất khả kháng nói trên và trong vòng bảy (7) ngày hoặc thời gian lâu hơn ở mức độ hợp lý trong hoàn cảnh đó, gửi cho bên kia thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ các biện pháp khắc phục đã được áp dụng và cung cấp chi tiết sự việc xảy ra cản trở việc thực hiện Hợp đồng này.

7 LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 7.1 Hợp đồng này được giải thích, điều chỉnh và được hiểu theo Luật pháp của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 7.2 Nếu có vấn đề tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến hiệu lực, việc giải thích hoặc thực hiện Hợp đồng này, trước tiên các bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp qua thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt đầu thương lượng với thông báo của bên này gửi cho bên kia hoặc một thời hạn dài hơn do hai bên thống nhất bằng văn bản tại thời điểm đó, thì mỗi bên có thể đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án kinh tế có thẩm quyền ở Hà Nội để có quyết định cuối cùng theo qui định của Tòa.

Hợp đồng Thuê đất này được lập thành bốn (04) bản gốc bằng tiếng Anh và bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị như nhau. Tuy nhiên, nếu có sự không thống nhất hoặc tranh chấp liên quan đến hai thứ tiếng nêu trên thì bản tiếng Anh sẽ được coi là bản gốc và bất kỳ sự không nhất quán nào sẽ được hiểu là lỗi trong dịch thuật.

Thay mặt cho
Công ty TNHH Phát triển Nội Bài
Ký bởi: Ông Au Sing Choy



Thay mặt cho
Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)
Ký bởi Ông Yasuo Otsuka



7

Quản Lý KCX/KCN hoặc Công ty Phát triển Nội Bài (PTNB) có thể thường xuyên giám sát ảnh hưởng của chất lượng nước thải do nhà đầu tư thải ra. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ chất lượng nước thải loại B. Bên thuê phải xây một bể tự hoại (bể phốt) cho nước thải sinh hoạt của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải sinh hoạt chung của Khu Công Nghiệp.

- 1.10 Trật tự xây dựng, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động
Bên thuê phải có trách nhiệm trong việc tuân thủ các trật tự về xây dựng và phòng chống cháy nổ. Đảm bảo các vấn đề về an ninh trật tự và an toàn lao động. Nếu có sự việc xảy ra, phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết.

- 1.11 Môi trường
Bên thuê có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cấp.

2. Các quy định và hướng dẫn phải tuân thủ trong quá trình xây dựng

Bên thuê và (các) nhà thầu của Bên thuê chịu trách nhiệm tuân thủ mọi hướng dẫn sau đây trong thời gian xây dựng nhà máy của Bên thuê.

- 2.1 Nộp bản tiến độ xây dựng
Nhà thầu phải nộp cho Công ty PTNB một bản sao Giấy phép đầu tư và bản lịch tiến độ xây dựng.

- 2.2 Đăng ký nhân sự và trang thiết bị
Nhà thầu phải đăng ký toàn bộ nhân viên và trang thiết bị với Công ty PTNB trước khi triển khai xây dựng và các nhà cung cấp nguyên vật liệu trong quá trình xây dựng.

- 2.3 Văn phòng tạm
Nhà thầu phải đệ trình một bản vẽ qui hoạch tổng thể chi tiết cho Công ty PTNB để xác định:

- i) Địa điểm văn phòng hiện trường tạm thời cho công nhân làm việc.
- ii) Địa điểm cho các nhà vệ sinh và các chất thải khác.

- 2.4 Vệ sinh
Nhà thầu phải thường xuyên duy trì đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trong khu vực công trường cũng như các khu vực bên ngoài lô đất.

- 2.5 Sửa chữa tiện ích công cộng bị hỏng
Nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa bất kỳ hỏng hóc nào gây ra đối với cơ sở hạ tầng của KCN Nội Bài do xe cộ chuyên chở thiết bị nặng gây ra.

- 2.6 Bảo hiểm xây dựng
Nhà thầu phải có trách nhiệm mua bảo hiểm xây dựng.

- 2.7 Khai thác nước ngầm
Nhà thầu không được phép khai thác nước ngầm trong lô đất để sử dụng cho công trường xây dựng cũng như các mục đích khác.

- 2.8 Cứu hoả
Các thiết bị phòng chống cháy phải luôn luôn sẵn sàng hoạt động tốt.

- 2.9 Ô nhiễm
Nhà thầu phải bảo đảm không được gây tiếng ồn quá mức, khói ô nhiễm, bụi hoặc bất kỳ chất thải nào khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và các nhà máy khác trong khu vực KCN Nội Bài do các thiết bị xây dựng hoạt động.
- 2.10 Bảo vệ
Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm bảo vệ bên trong công trường. Trước khi cho phép nhân viên ở lại công trường qua đêm, nhà thầu phải có sự đồng ý của Công ty PT Nội Bài.
- 2.11 Rào che chắn
Nhà thầu phải chịu trách nhiệm dựng rào che chắn công trường trong thời gian xây dựng.
- 2.12 Đặt cọc xây dựng
Nhà thầu xây dựng phải đặt cọc một khoản tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng) đồng cho Công ty TNHH Phát triển Nội Bài để đảm bảo cho việc sử dụng các tiện ích công cộng của KCN Nội Bài. Khoản tiền đặt cọc sẽ được trả lại cho nhà thầu khi Công ty TNHH Phát triển Nội Bài đã xác định không có thiệt hại gì đối với các tiện ích công cộng sau khi nhà thầu đã hoàn thành các công việc xây dựng.
- 2.13 Lắp đặt và đấu nối: Nhà thầu xây dựng phải trả cho Bên cho thuê
- Phí lắp đặt đấu nối điện và nước sẽ là 8 triệu đồng. Phí này sẽ không hoàn lại.
 - Đặt cọc cho sử dụng:
 - + Sử dụng nước: 10 triệu đồng
 - + Sử dụng điện: 20 triệu đồngTiền đặt cọc này sẽ được hoàn lại sau khi hoàn thành công việc xây dựng.

ANNEX TO THE SUB-LEASE AGREEMENT
PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Between
Giữa

NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI

And
Và

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)



th

ANNEX TO THE SUB-LEASE AGREEMENT
PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

WHEREAS/XÉT VÌ:

Noi Bai Development Corporation Limited (hereinafter referred to as "NBD") and Tamron Optical (Vietnam) Co., Ltd. (hereinafter referred to as the "TOV") under the laws and regulations of Vietnam executed the Sub-Lease Agreement dated 4/5/2012 (hereinafter referred to as "SLA"). Both NBD and TOV are hereinafter referred to as the Parties.

Công ty TNHH Phát triển Nội Bài (sau đây được gọi tắt là "NBD") và Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "TOV") cùng nhau ký Hợp đồng thuê đất ngày 4/5/2012 (sau đây được gọi tắt là "HĐTD") theo các quy định và luật pháp của Việt Nam. Cả NBD và TOV sau đây được gọi chung là các Bên.

The Parties wish to amend the SLA in order to comply with the Vietnam Government's laws. Các Bên mong muốn sửa đổi HĐTD để phù hợp với quy định của Nhà nước Việt Nam.

The amendment of the SLA based on:

Sửa đổi HĐTD dựa vào:

- Law on Enterprises No. 60/2005/QH11 as approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on the 29th day of November 2005;
Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Ordinance of Foreign Exchange No. 28/2005/PL-UBTVQH11 dated 13/12/2005 of the National Assembly Standing Committee;
Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ordinance of Foreign Exchange No. 06/2013/PL-UBTVQH13 dated 18/03/2013 of the National Assembly Standing Committee amending and supplementing the Ordinance of Foreign Exchange No. 28/2005/PL-UBTVQH11
Pháp lệnh Ngoại hối 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/03/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11
- Decree No 95/2011/ND-CP dated 20/10/2011 of the Government;
Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20/10/2011 của Chính phủ;
- Circular No 32/2013/TT-NHNN dated 26/12/2013 of the State Bank of Vietnam;
Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Other relevant Laws and regulations of Vietnam;
Các quy định và Luật liên quan khác của Việt Nam;
- Sub Lease Agreement dated 4/5/2012 signed by the Parties.
Hợp đồng thuê đất ký ngày 4/5/2012 bởi các Bên.

Now, therefore, the Parties have agreed to make and sign the Annex to the SLA on the terms and conditions hereunder set forth:

Bởi vậy mà, các Bên đồng ý ký và thực hiện Phụ lục HĐTD về các điều khoản và điều kiện quy định dưới đây:

0001
NG
NHÂN
PHÁT
NỘI
C SƠ

Article 2.4.1 of the SLA shall be amended as follows:

Điều 2.4.1 của HĐTD sẽ được sửa đổi như sau:

2.4.1 Management Fee / Phí Quản lý

The annual Management Fee of VND 21,075/m2/year shall be paid annually in advance by the Lessee.

Phí Quản lý hàng năm là 21.075 đồng/m2/năm sẽ được thanh toán trước mỗi năm bởi Bên thuê.

The Parties agree that the Management shall be reviewed and adjusted every three (3) years according to the fluctuation in the consumer price index as published by the General Department of Statistics of Vietnam. After mutual agreed, an annex will be issued with both sides' signature.

Các Bên nhất trí rằng Phí Quản lý sẽ được xem xét và điều chỉnh ba (3) năm một lần dựa trên mức giao động của chỉ số hàng tiêu dùng do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố. Sau khi đã thống nhất mức phí điều chỉnh, một phụ lục hợp đồng sẽ được phát hành với sự xác nhận của các bên.

This Annex to the SLA is an integral part from the SLA signed by and between the Parties.

Phụ lục HĐTD này là một phần không thể tách rời của HĐTD đã ký bởi và giữa các Bên.

This Annex executed in Hanoi City, Socialist Republic of Vietnam on the 15/01/2014.

Phụ lục này được lập ngày 15/01/2014 tại Thành phố Hà Nội, Nước Cộng hoà Xã hội Việt Nam.

This Annex is made into two (2) original copies. Each party shall keep one (1) copy.

Phụ lục này được lập thành hai (2) bản gốc. Mỗi bên giữ một (1) bản.

In Witness Whereof the Parties have executed this Annex on the day and year herein above written.

Trước sự chứng kiến các Bên cùng thực hiện Phụ lục này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.

NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI



AU SING CHOY
General Director / Tổng Giám đốc

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)



YASUO OTSUKA
General Director / Tổng Giám đốc



Số: 268 /TĐ-PCCC

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2026

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 02/CV-PCCC ngày 16/4/2026 của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên hạng mục công trình: Cải tạo nhà máy Tamron Nội Bài.
- Địa điểm xây dựng: Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam).
- Địa chỉ chủ đầu tư: Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và thi công PCCC Hải Lập.

II. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

- Quy mô: Công trình đã được Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội (cũ) cấp văn bản nghiệm thu về PCCC số 61/NT-SCSPCCC-P3 ngày 03/6/2013; Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC số 155/PC07-Đ5 ngày 23/3/2020, số 561/PC07-CTPC ngày 01/10/2020 và số 718/NT-PCCC ngày 18/8/2022. Nay chủ đầu tư cải tạo:

- Kiến trúc:

+ Tầng 1: Khu vực trục (X1-X2; Y9-Y10): Ngăn chia phòng kho và phòng máy; khu vực trục (X1-X2; Y5-Y9) chuyển đổi công năng phòng cách ly thành phòng kho; bổ sung thang nâng hàng từ tầng 1 lên tầng 2; chuyển đổi công năng phòng chế biến kim loại thành phòng thấu kính, tháo dỡ vách ngăn tại khu vực trục (X4-X5; Y8-Y9); điều chỉnh phòng PK, phòng máy CNC và phòng lọc dầu thành phòng dự phòng.

+ Tầng 2: Cải tạo khu vực sản xuất trục (X1-X7; Y6-Y10), ngăn chia mặt bằng gian phòng.

- Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

- Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động bằng nước; bình chữa cháy.

- Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy: Thiết bị bảo vệ và nguồn điện cấp cho hệ thống hút khói.

- Danh mục hồ sơ thiết kế: Thuyết minh thiết kế; Bản vẽ thiết kế (FF-01 đến FF-08; FA-01 đến FA-02; EM-01 đến EM-05; CTLĐ-01; CTLĐ-02; E-01 đến E-04).

Văn bản này ghi nhận kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (theo các nội dung tại mục IV văn bản này) để phục vụ thi công, nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình. Không có giá trị về quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng và các yêu cầu khác không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Chủ đầu tư chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Hồng Ky - PGD CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
(để báo cáo)
- Đội CC&CNCH khu vực số 22;
(để theo dõi)
- Ban Quản lý các KCN cao và KCN Hà Nội;
- UBND xã Sóc Sơn;
(để phối hợp)
- Lưu: PC07, Đ2_(Nam).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NƯỚC

Hợp đồng cung cấp nước (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") được lập ngày 21 tháng 05 năm 2013 tại Hà Nội, giữa các Bên sau:

GIỮA

BÊN A: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 012043000093 do Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội ("HIZA") cấp ngày 30/01/2008.

MST: 0100113991

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam.

Đại diện bởi: Ông Au Sing Choy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

VÀ

BÊN B: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 0120430000434 do Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội ("HIZA") cấp ngày 04/05/2012.

MST: 0105885582

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam.

Đại diện bởi: Ông Yasuo Otsuka

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cả Bên A và Bên B sau đây gọi tắt là "các Bên".

XÉT VÌ:

- A. Bên A ký hợp đồng dài hạn với Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội ("HWC") để cung cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Nội Bài ("KCN Nội Bài");
- B. HWC sẽ đấu nối hệ thống đường ống công cộng của mình với hệ thống mạng lưới nước nội bộ của KCN Nội Bài;
- C. Nước sạch trong KCN Nội Bài chủ yếu sử dụng cho công nghiệp
- D. Bên B quan tâm mua nước từ Bên A cho mục đích sử dụng cho sinh hoạt và công nghiệp.

CÁC BÊN Ở ĐÂY THỎA THUẬN như sau:

Điều 1: Phạm vi Cung cấp Nước

Bên A sẽ cung cấp nước sạch trực tiếp từ nguồn nước của thành phố Hà Nội thông qua HWC là nguồn chủ yếu. Bên A sẽ chỉ duy trì một (01) trạm xử lý nước nội bộ là nguồn thứ cấp chủ yếu cho các trường hợp khẩn cấp hoặc dự phòng. Chất lượng nước sẽ tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn được cung cấp bởi HWC và Bên A chỉ chịu trách nhiệm về chất lượng tương tự như được cung cấp bởi HWC.



Điều 2: Phí

- 2.1 Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền nước dựa trên mức tiêu thụ thực tế. Giá hiện hành sẽ như sau:

Hiệu lực từ ngày 01/01/2013: 18.500đ/m³

Lưu ý: chưa bao gồm thuế VAT. Tiền nước bao gồm phí xử lý đối với nước thải sinh hoạt là 4.824đ/m³ dựa vào việc Bên B thải nước thải theo Tiêu chuẩn B.

- 2.2 Thanh toán chậm sẽ chịu mức lãi suất là 8% một năm sẽ được áp dụng đối với tất cả số tiền chưa thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn giá trị gia tăng từ Bên A.
- 2.3 Từ thời điểm này đến thời điểm sau năm 2013, Bên A có quyền tăng giá nước dựa vào bất kỳ giá tăng chỉ số giá tiêu dùng được thiết lập bởi HWC hoặc Tổng cục thống kê nhưng bất kỳ sự tăng giá nào cũng có tính cạnh tranh để có thể đưa vào so sánh với các khu công nghiệp khác ("KCN") trong khu vực thành phố Hà Nội.

Điều 3: Đặt cọc

Do một số trường hợp không trả tiền nước khi doanh nghiệp bị thanh lý, nên sau khi ký Hợp đồng này, Bên B phải đặt cọc một khoản tiền là 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) như là một khoản tiền đặt cọc bảo đảm. Số tiền này sẽ được trả lại cho Bên B sau khi chấm dứt Hợp đồng này mà không có bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Điều 4: Điều khoản chung

- 4.1 Bên B không được khoan bất kỳ giếng nào hoặc các tiện ích tương tự trên bất kỳ phần nào trong khu vực thuê của Bên B và chỉ được sử dụng nước cung cấp thông qua đường ống cấp nước chung của KCN Nội Bài.
- 4.2 HWC hoặc Bên A có quyền cắt nước cung cấp đối với việc bảo trì định kỳ hoặc khẩn cấp của các tiện ích cung cấp nước. Bên B chịu trách nhiệm xây dựng các bể chứa nước và bể chứa nước này có khả năng dự trữ nước dùng trong ít nhất là 12 giờ đối với lượng nước tiêu thụ của Bên B.
- 4.3 Nước cung cấp trong KCN Nội Bài là độc quyền và duy nhất sử dụng bởi Bên A trong KCN Nội Bài và không được đưa ra ngoài khu vực thuê của Bên B.
- 4.4 Nước cung cấp qua đường ống cấp nước chung được đo bằng đồng hồ nước lắp đặt bởi Bên A. Tại bất kỳ thời điểm nào, Bên A có quyền kiểm tra và hiệu chỉnh đồng hồ nước đó để đảm bảo đồng hồ đọc chính xác.
- 4.5 Bên A bằng nỗ lực tốt nhất của mình giữ liên lạc với HWC để cung cấp nước sạch cho Bên B và Bên A không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất nào nếu có sự thiếu hụt hoặc không có nước do trường hợp bất khả kháng.
- 4.6 Bên A chịu trách nhiệm về tất cả đường ống, máy bơm và các thiết bị liên quan khác bên ngoài vành đai hoặc khu vực thuê của Bên B.

300000
CÔNG TY
KHÍ MỸ
HÁT TRIỆU
NỘI BÀI
SƠN-TP

(Handwritten signature)

- 4.7 Bên A sẽ lắp đặt một điểm lấy nước mới tại hồ để đồng hồ nước của Bên B do đó việc kiểm tra chất lượng nước có thể được thực hiện tại ranh giới *trước khi* nước chảy vào khu vực thuê của Bên B.
- 4.8 Bên B chịu trách nhiệm cho tất cả các đường ống và thiết bị liên quan trong chu vi hoặc khu vực thuê bao gồm bảo dưỡng định kỳ như rửa bằng áp lực và hoá chất khử trùng.

TRƯỚC SỰ CHỨNG KIẾN các Bên thực hiện ký Hợp đồng này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Signature of Au Sing Choy
Au Sing Choy
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Signature of Yasuo Otsuka
Yasuo Otsuka
Tổng Giám đốc



WATER SUPPLY CONTRACT

This Water Supply Contract (hereinafter referred to as the "Contract") is made on 31/10/2013 in Hanoi, between the following parties:

BETWEEN

PARTY A: NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD

Investment Certificate: No. 012043000093 dated 30/01/2008 issued by Hanoi Export Processing and Industrial Zone Authority ("HIZA")
Tax Code: 0100113991
Registered Address: Noi Bai Industrial Zone, Quang Tien, Soc Son District, Hanoi, Vietnam.
Represented by: Mr. Au Sing Choy
Title: General Director

AND

PARTY B: TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD

Investment Certificate: No. 0120430000434 dated 04/05/2012 issued by Hanoi Export Processing and Industrial Zone Authority ("HIZA").
Tax Code: 0105885582
Registered Address: Noi Bai Industrial Zone, Mai Dinh, Soc Son District, Hanoi, Vietnam.
Represented by: Mr. Yasuo Otsuka
Title: General Director

Both Party A and Party B are hereinafter referred to as the "Parties".

WHEREAS:

- A. Party A has signed long term contract with Hanoi Water Company No 2 ("HWC") to supply clean water to Noi Bai Industrial Zone ("NBIZ");
- B. HWC will connect its public water system to NBIZ internal water grid system;
- C. The clean water is primarily for industrial use in NBIZ;
- D. Party B is interested to buy clean water from Party A for the purpose of domestic and industrial usage.

THE PARTIES HERETO AGREE as the following:

Article 1: Scope of Water Supply

Party A will be supplying clean water directly from Hanoi City sources through HWC as the primarily sources. Party A will only maintain one (01) internal water treatment plant as secondary source mainly for top-up, emergency or back up purposes. Water quality shall strictly follow the standards provided by HWC and Party A will only be responsible for the same quality as provided for by HWC.

Article 2: Charges

- 2.1 Party B shall be responsible for payment of water charges based on the actual consumption. The prevailing rate shall be as follows:

Effective 01 January 2013: VND 18,500/m³

Note: VAT not included. Water charges include the treatment fee for domestic waste water of VND 4,824/m³ based on Party B discharging Standard B.

- 2.2 Late payment of 8% p.a. shall be imposed on all unpaid amount within 30 days from the date Party B receives the VAT invoice from Party A.
- 2.3 From time to time after the 2013 period, Party A has the rights to increase the water charges in accordance to any increase in CPI as set by HWC or the Government Statistic Office but any increase shall be competitive taking into other comparable Industrial Zones ("IZ") and Industrial Parks ("IP") within the Hanoi City.

Article 3: Deposit

Due to a few cases of unpaid water charges when an enterprise was liquidated, upon signing of this Contract, Party B shall pay a refundable utility deposit of VND 55,500,000 (Fifty Five Million and Five Hundred Thousand Vietnam Dong Only) as security deposit. The amount shall be paid back to Party B after termination of this Contract, without any interests thereon.

Article 4: General Conditions

- 4.1 Party B must not establish any water wells or similar facilities on any portion of Party B's premises and shall only use water supplied through NBIZ's common water supply pipeline.
- 4.2 For the periodically or emergency maintenance of water supply facility, HWC or Party A has the rights to shutdown the water supply. Party B shall provide water storage tanks and the capacity of the water storage tank shall be at least twelve (12) hours of Party B's water consumption.
- 4.3 Water supplied within NBIZ shall be for the exclusive and sole use of Party A within NBIZ and shall not be taken out of Party B's premises.
- 4.4 Water supplied through the common water supply pipeline is metered by the water meter installed by Party A. At any time, Party A shall have the right to inspect and calibrate such water meters to ensure reading accuracy.
- 4.5 Party A shall use its best endeavor to liaise with HWC to supply clean water to Party B and Party A shall not be held responsible for any loss if there is shortage or no water due to unforeseen circumstances.
- 4.6 Party A shall be responsible for all piping, pumps and other related equipments outside of Party B perimeter or premises only.



- 4.7 Party A will install a new water point at Party B's water meter chamber so that water quality test can be conducted at the border *before* the water flow into Party B's premises.
- 4.8 Party B is responsible for all related piping and equipments within its perimeter or premises including periodic maintenance such as pressurized flushing and chemical disinfection.

IN WITNESS WHEREOF the Parties have executed this Contract the day and year first herein above written.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Yasuo Otsuka



HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG

INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION CONTRACT

(Hạng mục: Lắp đặt đường ống và thiết bị để đầu nối nước thải công nghiệp)
(Item: Installation of pipes and equipment to connect industrial wastewater)

Số/ No: ~~61~~/NBD/2018

Hợp đồng Xây dựng hạ tầng này được lập ngày 06 tháng 04 năm 2018 tại Hà Nội (sau đây được gọi tắt là "Hợp đồng") giữa:

This Infrastructure Construction Contract is made on April 6, 2018 in Hanoi (hereinafter referred to as the "Contract") between:

BÊN A : CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
PARTY A : TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD
Địa chỉ : Lô 69B và 70A, Khu Công nghiệp Nội Bài, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Address : Lot 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Quang Tien Commune, Soc Son District, Hanoi
Giấy chứng nhận : 012043000434 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà
đầu tư số Nội chứng nhận lần đầu ngày 04/05/2012
Investment : 012043000434 certified 1st time on 04/05/2012 by Hanoi Industrial
Certificate no. and Export Processing Zones Authority
Người đại diện : Ông Kudo Tetsuaki Chức vụ: Tổng Giám đốc
Representative : Mr. Kudo Tetsuaki Title: General Director
Điện thoại/ Tel : 024. 3762 1759
Số tài khoản :
Bank account
MST/ Tax code : 0105885582

Và/ And:

BÊN B : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
PARTY B : NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Nội Bài, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Address : Noi Bai Industrial Zone, Quang Tien Commune, Soc Son District, Hanoi
Giấy chứng nhận : 012043000093, do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà
đầu tư số Nội cấp ngày 28/01/2008 và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 28/01/2011
Investment license : 012043000093 certified 1st time on 28/01/2008 and certified with 3rd
no amendment on 28/01/2011 by Hanoi Industrial Zones Authority ("HIZA")
Điện thoại/ Tel : 024.35820333 Fax : 024.35820330
Người đại diện : Ông Au Sing Choy Chức vụ : Tổng Giám đốc
Representative : Mr. Au Sing Choy Title : General Director
Số tài khoản : 2020888-003 tại Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Hà Nội
Bank account : 2020888-003 at Indovina Bank, Hanoi Branch
MST/ Tax Code : 0100113991

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là các "Bên".

Both Party A and Party B are hereinafter referred to individually as "Party" and collectively as the "Parties".

MỤC ĐÍCH/ PURPOSE:

Theo các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề bảo vệ môi trường, các quy định áp dụng cho các khu công nghiệp, cũng như Hợp đồng Thoát nước và Xử lý Nước thải Công nghiệp số~~66~~⁶⁶./NBD/2018 ký giữa các Bên ngày ~~06/04/2018~~^{06/04/2018}, Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện việc lắp đặt đường ống và các thiết bị để đầu nối nước thải công nghiệp của Bên A (lô 69B-70A) đến Trạm xử lý nước thải tập trung của Bên B, cụ thể như sau:

According to the Vietnamese laws for the protection of environment, regulations applicable to industrial zones as well as the Industrial Wastewater Drainage and Treatment Agreement no. ~~66~~⁶⁶./NBD/2018 signed between the Parties on ~~06/04/2018~~^{06/04/2018} Party A agrees to entrust and Party B agrees to accept the implementation of installation of pipes and equipment to connect the industrial wastewater from Party A's factory (lot 69B-70A) to Party B's Centralized Wastewater Treatment Plant, detailed as follows:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

ARTICLE 1: SCOPE OF WORKS

Bên B sẽ thực hiện các công việc như nêu tại Phụ lục B và mặt bằng đường ống tại Phụ lục A.

Party B shall implement the works mentioned in the Appendix B and the layout of pipe route mentioned in the Appendix A.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 2: VALUE OF CONTRACT AND PAYMENT TERMS

2.1. Giá trị Hợp đồng/ Value of Contract

Với khối lượng công việc Bên B thực hiện như được nêu tại Điều 1 “Phạm vi công việc”, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền là: **134.650.000 VNĐ**.

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn, chưa bao gồm thuế GTGT).

Bên A là doanh nghiệp chế xuất nên thuế suất GTGT là 0%

With the quantity of works implemented by Party B as mentioned in the Article 1 "Scope of works", Party A shall pay to Party B an amount of VND 134,650,000.

(In words: One hundred thirty-four million six hundred fifty thousand Vietnamese dong only, excluding VAT).

Party A is export processing enterprise. Therefore, the VAT is 0%.

2.2 Phương thức thanh toán/ Payment terms:

2.2.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng

Mode of payment: Bank transfer

2.2.2 Phương thức thanh toán/ Payment terms

2.2.2.1 Lần thứ nhất: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 50% giá trị Hợp đồng, bao gồm thuế GTGT, trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi ký kết Hợp đồng này;

1st payment: Party A shall pay to Party B 50% of the contract value, including VAT, within 07 (seven) days after signing this Contract;

2.2.2.2 Lần thứ 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 50% còn lại của giá trị Hợp đồng, bao gồm thuế GTGT, trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi các Bên ký biên bản xác nhận các hạng mục được nêu tại Điều 1 “Phạm vi

công việc" đã được hoàn thành bởi Bên B và Bên B xuất hóa đơn thuế GTGT đến Bên A;

2nd payment: Party A shall pay to Party B the balance 50% of the Contract value, including VAT, within 07 (seven) days after the Parties sign the Minutes to confirm the items mentioned in the Article 1 "Scope of works" completed by Party B and Party B issues VAT invoice to Party A;

2.2.2.3 Trong trường hợp chậm thanh toán, tiền lãi sẽ được áp dụng là 1% một tháng tính từ ngày chậm thanh toán tới ngày thanh toán thực tế.

The late payment interests shall be 1% per month, applicable from the due date to the actual payment date.

ĐIỀU 3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

ARTICLE 3: IMPLEMENTATION SCHEDULE

Bên B sẽ hoàn thành các công việc nêu tại Điều 1 "Phạm vi công việc" sau khi Bên B nhận được thanh toán lần thứ nhất từ Bên A và hoàn thành công việc trước ngày 02/05/2018.

Party B shall complete the items mentioned in the Article 1 "Scope of works" after Party B receives the 1st payment from Party A and before 02/05/2018.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

ARTICLE 4: PARTY A'S RESPONSIBILITIES

4.2 Bịt ống tràn hiện tại của Nước thải Công nghiệp đã qua xử lý ra hồ kiểm tra nước thải sinh hoạt ở phía bên ngoài, sau khi nghiệm thu thành công việc đấu nối từ Trạm Xử lý Nước thải Công nghiệp của Bên A đến Trạm Xử lý Nước thải Tập trung của Bên B;
To blind the existing overflow pipe of treated IWW to outside domestic wastewater inspection chamber after the successful commissioning of connection from IWWTP of Party A to CWWTP of Party B;

4.3 Phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Chịu trách nhiệm đối với các chi phí phát sinh do Bên A thay đổi Phạm vi công việc;
To coordinate closely and support Party B during the implementation of the Contract. To be responsible for additional costs due to the change of scope of works by Party A;

4.4 Ký biên bản xác nhận công việc đã hoàn thành khi được Bên B yêu cầu;
To sign the minutes in order to confirm the works completed by Party B when required by Party B;

4.5 Thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 2 "Giá trị Hợp đồng và Phương thức Thanh toán" của Hợp đồng, kể cả trong trường hợp Bên A từ chối xác nhận công việc đã được thực hiện theo đúng Hợp đồng bởi Bên B và việc thanh toán được Bên B yêu cầu;

To make payment to Party B in accordance with the Article 2 "Value of Contract and payment terms" under the Contract, even in the case that Party A refuses to acknowledge the works done in accordance with the Contract by Party B and the payment is required by Party B;

4.6 Quản lý, vận hành và bảo dưỡng các hạng mục mà Bên B đã hoàn thành và nằm trong hàng rào nhà máy của Bên A (nếu có).

To manage, operate and maintain the items completed by Party B and located inside the boundaries of Party A's factory (if any).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

ARTICLE 5: PARTY B'S RESPONSIBILITIES

- 5.1 Thi công theo đúng tiến độ được nêu tại Điều 3 “Tiến độ Thực hiện” và yêu cầu kỹ thuật được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này;
To follow strictly the implementation schedule mentioned in the Article 3 “Implementation Schedule” and the technical specifications of the Appendix I under this Contract;
- 5.2 Phối hợp chặt chẽ với Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
To coordinate closely with Party A during the implementation of the Contract;
- 5.3 Đảm bảo việc thi công được thực hiện theo đúng các yêu cầu của pháp luật;
To ensure the construction implemented in accordance with the regulations of laws;
- 5.4 Cung cấp đầy đủ hóa đơn thuế GTGT theo đúng giá trị Hợp đồng;
To issue VAT invoice in accordance with the Contract value;
- 5.5 Quản lý và bảo dưỡng các hạng mục mà Bên B đã hoàn thành và nằm ngoài hàng rào nhà máy của Bên A, ngoại trừ máy bơm và tủ điện sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.
To manage and to maintain the items completed by Party B and located outside the boundaries of Party A's factory, excepting pumps and control panel that is under Party A's responsibility.

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 6: DISPUTES AND RESOLUTION

- 6.1 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng;
The Parties commit to strictly implement the agreed terms and conditions, not unilaterally change or cancel the Contract;
- 6.2 Nếu có tranh chấp phát sinh các Bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp qua thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì mỗi bên có thể đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án kinh tế có thẩm quyền ở Hà Nội để có quyết định cuối cùng theo qui định của Tòa. Mọi chi phí liên quan đến Tòa án do bên vi phạm Hợp đồng chịu trách nhiệm.
In the event a dispute arises, the Parties shall attempt in the first instance to resolve such dispute through friendly consultations. If the dispute is not resolved in this manner, then either party may submit the dispute to the competent economic court in Hanoi for final decision pursuant to the provisions of its rules. All the cost relating to the court shall be imposed by the contractual violator.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 7: GENERAL PROVISIONS

- 7.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Nếu bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại cho bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
The Parties commit to strictly implement the agreed terms and conditions under this Contract. If the party violates it shall compensate to the other party and take responsibility before the law;
- 7.2 Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn còn hiệu lực ràng buộc các Bên;

If there is any point in this Contract has not taken legal effect, the rest still remains in force binding the Parties;

- 7.3 Mọi sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của các Bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày các Bên ký;

All amendments to this Contract are only valid if it made in writing and signed by authorized representatives of the Parties. Additional revisions will be considered as an integral part of the Contract and take effect from the date of signing by the Parties;

- 7.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hoàn tất mọi điều khoản, điều kiện và việc thanh toán bởi các Bên;

This Contract is effective from the date of signing until all the terms, conditions and the payment have been fulfilled by the Parties;

- 7.5 Hợp đồng này được lập thành 02 bản gốc, mỗi Bên giữ 01 bản. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Anh sẽ ưu tiên được áp dụng.

This Contract is made in 02 (two) originals, each party retains 01 (one) original. In the case of contradiction between Vietnamese and English, the English shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN A
FOR PARTY A



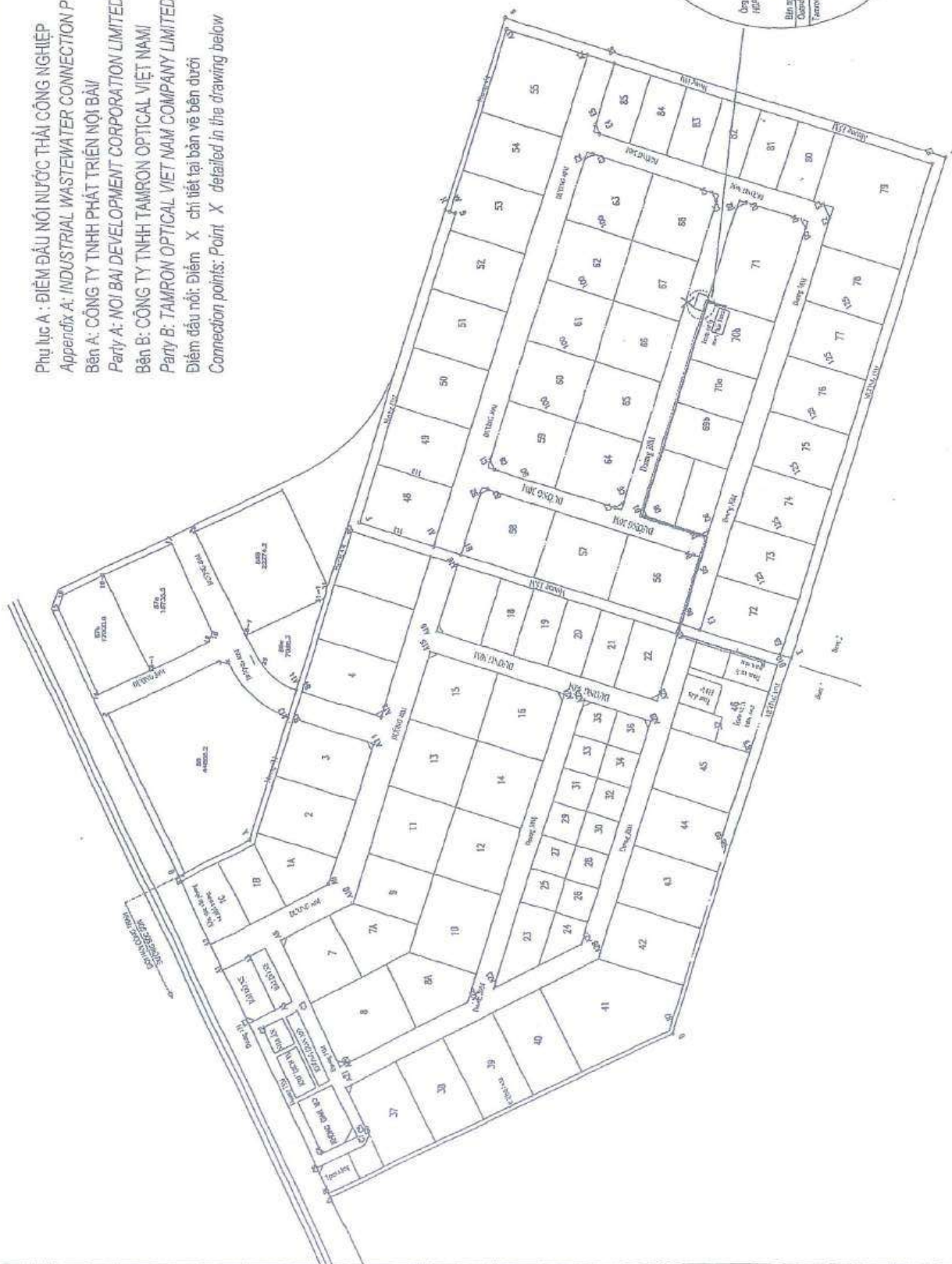
Kudo Tetsuaki
Tổng Giám đốc
General Director

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR PARTY B



Au Sing Choy
Tổng Giám đốc
General Director

Phụ lục A : ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP
 Appendix A: INDUSTRIAL WASTEWATER CONNECTION POINTS
 Bên A: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
 Party A: NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED
 Bên B: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL VIỆT NAM
 Party B: TAMRON OPTICAL VIET NAM COMPANY LIMITED
 Điểm đầu nối: Điểm X chỉ tiết tại bản vẽ bên dưới
 Connection points: Point X detailed in the drawing below



100%
 100%
 100%
 100%

HỢP ĐỒNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL WASTEWATER DRAINAGE & TREATMENT AGREEMENT

Số/ No.:...66./NBD/2018

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

LEGAL BASIS:

- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam phê duyệt ngày 23/06/2014;
Law on Environmental Protection no. 55/2014/QH13 approved by the National Assembly of Vietnam on 23/06/2014;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải được Chính phủ ban hành ngày 06/08/2014;
Decree no. 80/2014/ND-CP issued by the Government on 06/08/2014 on wastewater drainage and treatment;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành ngày 03/04/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Circular no. 04/2015/TT-BXD dated 03/04/2015 issued by Ministry of Construction to guide a number of provisions of the Decree no. 80/2014/ND-CP issued by the Government on 06/08/2014 on wastewater drainage and treatment;
- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 30/06/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
Circular no. 35/2015/TT-BTNMT issued by Ministry of Natural Resources and Environment on 30/06/2015 on environmental protection in economic, industrial, export processing and high technology zones;
- Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, QCTĐHN 02: 2014/BTNMT;
Hanoi Technical Regulation on industrial wastewater, QCTĐHN 02: 2014/BTNMT;;
- Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
Decree no. 154/2016/ND-CP dated 16/11/2016 about the environmental protection fee applicable to wastewater;
- Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
Decree no. 155/2016/ND-CP dated 18/11/2016 on penalties for administrative violations against regulations on environmental protection;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 537/GP-UBND ngày 06/12/2016 của UBND TP. Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Phát triển Nội Bài;
License of wastewater discharge into water source no. 537/GP-UBND dated 06/12/2016 and issued by Hanoi People's Committee to Noi Bai Development Corporation Limited;
- Công văn số 4691/STC-QLG ngày 25/07/2017 của Sở Tài chính Hà Nội về giá xử lý nước thải khu công nghiệp Nội Bài, huyện Sóc Sơn;
Letter no. 4691/STC-QLG issued by Hanoi's Department of Finances on 25/07/2017 about the fee of wastewater treatment of NBIZ located in Soc Son;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.
Other relevant legal documents.

Hôm nay, ngày 06/04/2018, tại Khu Công nghiệp Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

Today, 6th April 2018 in Noi Bai Industrial Zone, Soc Son District, Ha Noi City, we are:

I. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI (sau đây được gọi là “Bên A”):

NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED (hereinafter referred to as “Party A”):

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Address: Noi Bai Industrial Zone, Quang Tien Commune, Soc Son District, Hanoi

Giấy chứng nhận đầu tư số: 012043000093 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận lần thứ nhất ngày 28/01/2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 12/05/2016

Investment Certificate no.: 012043000093 certified 1st time on 28/01/2008 and certified with 4th amendment on 12/05/2016 by Hanoi Industrial and Export Processing Zones Authority

Đại diện hợp pháp bởi Ông Au Sing Choy

Legal representative: Mr. Au Sing Choy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Title: General Director

Điện thoại/ Tel: (04) 35820333 Fax: (04) 35820330

Tài khoản ngân hàng: 2020888-003 tại Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Hà Nội

Bank account: 2020888-003 at Indovina Bank, Hanoi Branch

Mã số thuế/ Tax code: 0100113991

II. CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) (sau đây được gọi là “Bên B”):

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD (hereinafter referred to as “Party B”):

Địa chỉ: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

Address: Lot 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Quang Tien Commune, Soc Son District, Hanoi, Vietnam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 012043000434 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 04/05/2012

Investment Certificate no.: 012043000434 certified 1st time on 04/05/2012 by Hanoi Industrial and Export Processing Zones Authority

Đại diện hợp pháp bởi: Ông: Kudo Tetsuaki Chức vụ: Tổng Giám đốc

Legal representative: Mr.: Kudo Tetsuaki Title: General Director

Điện thoại/ Tel: (04) 3762 1759 Fax: (04)

Tài khoản ngân hàng:

Bank account:

Mã số thuế/ Tax code: 0105885582

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên”.

Party A and Party B are herein referred to individually as “Party” and collectively as the “Parties”.

XÉT VÌ:

WHEREAS:

- A. Bên A là chủ đầu tư, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp Nội Bài ("KCN Nội Bài") thuộc địa bàn xã Quang Tiến và Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
Party A is the investor, builder and operator of the technical infrastructure system of Noi Bai Industrial Zone ("NBIZ") located in Quang Tien and Mai Dinh Communes, Soc Son District, Hanoi City;
- B. Bên A đã đầu tư và vận hành một Trạm Xử lý Nước thải Tập trung ("TXLNTTT") để tiếp tục xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp của các nhà máy trong KCN Nội Bài để đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ trước khi xả thải ra môi trường;
Party A has invested and operated a Centralized Wastewater Treatment Plant ("CWWTP") to further treat the domestic and industrial wastewater of the factories in NBIZ in order to ensure full compliance before discharging into the environment;
- C. Các Bên đã đồng ý cùng nhau đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng thoát nước thải công nghiệp từ khu vực thuê của Bên B đến TXLNTTT của Bên A. Bên A có trách nhiệm lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước thải;
The Parties have agreed to co-invest together to build the industrial wastewater drainage infrastructure from Party B's premises up to Party A's CWWTP. Party A has the responsibility to install, operate and maintain the wastewater drainage infrastructure systems;
- D. Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 4 khoản 4.1 và khoản 4.2, mọi sự xả thải vào hệ thống thoát nước thải ("HTTNT") đều phải tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 cũng như quy định hiện hành của KCN Nội Bài ("Tiêu chuẩn KCN Nội Bài") về xả thải;
Pursuant to Decree 80/2014/ND-CP under Article 4, clause 4.1 and clause 4.2, any wastewater discharge into the wastewater drainage system ("WWDS") must comply with the Law on Environmental Protection no. 55/2014/QH13 as well as NBIZ's current standard ("NBIZ Standard") on wastewater discharges;
- E. Bên B mong muốn đầu nối để xả nước thải công nghiệp của Bên B (lô 69B và 70A) vào HTTNT của Bên A với dịch vụ xả thải và tiếp tục xử lý tại TXLNTTT.
Party B now wishes to connect its industrial wastewater discharges (at lot 69B & 70A) to the WWDS for drainage service and further treatment at Party A's CWWTP.

Các Bên ở đây đồng ý ký Hợp đồng Thoát nước và Xử lý Nước thải Công nghiệp (sau đây được gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau:

The Parties hereto agree to sign the Industrial Wastewater Drainage and Treatment Agreement (hereinafter referred as to the "Agreement") with the terms and conditions as follows:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: SUBJECT OF THE AGREEMENT

- 1.1 Nước thải công nghiệp ("NTCN") của Bên B là nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của Bên B trong khu vực thuê của Bên B tại KCN Nội Bài;
Industrial wastewater ("IWW") of Party B is the wastewater produced by Party B's production activities within Party B's premises in NBIZ;

1.2 Bên B đề nghị và Bên A đồng ý cung cấp các dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp ("Dịch vụ TNXLNTCN") đối với NTCN của Bên B được xả từ điểm đầu nối như được nêu ở Điều 2 dưới đây;

Party B requests and Party A agrees to provide the industrial wastewater drainage and treatment services ("IWWDT Services") for Party B's IWW discharged from the connection point as indicated in Article 2 below;

1.3 Dịch vụ TNXLNTCN sẽ chỉ bao gồm và cho phép đối với NTCN đã qua xử lý đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài, không có bất kỳ bùn thải, dầu, mỡ, rác và các chất thải nguy hại khác chảy vào HTNT và TXLNTT.

IWWDT Services shall only cover and allow treated IWW which meet NBIZ Standard, without any waste sludge, oil, grease, rubbish and other hazardous wastes into the WWDS and CWWTP.

ĐIỀU 2: CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

ARTICLE 2: INDUSTRIAL WASTEWATER CONNECTION POINTS

Các điểm đầu nối là các vị trí qua đó Bên B xả NTCN của Bên B vào HTNT và TXLNTT của Bên A. Các Bên ở đây xác nhận:

The connection points are the locations through which Party B discharges its IWW into the WWDS and Party A's CWWTP. The Parties hereby acknowledge:

2.1 Các điểm đầu nối NTCN của Bên B ở (các) vị trí và (các) điểm như được nêu ở Phụ lục A ("Các Điểm Đầu nối NTCN"), các điểm này sẽ được đầu nối qua đồng hồ đo NTCN và một hệ thống đường ống riêng biệt để dẫn trực tiếp đến TXLNTT;

IWW connection points of Party B are at position(s) and point(s) as shown in Appendix A ("IWW Connection Points") which shall be connected via the IWW meter by a separate piping system directly to the CWWTP;

2.2 Bất kỳ điểm đầu nối nào khác mà không được nêu trong Điều này đều được coi là không hợp pháp và vi phạm trực tiếp Luật Bảo vệ Môi trường và các thỏa thuận đầu nối đã ký giữa các Bên.

Any other connection points that are not mentioned in this Article are considered to be illegal and in direct violation of the Law on Environmental Protection and wastewater connection agreements signed between the Parties.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG XẢ NTCN CỦA BÊN B

ARTICLE 3: VOLUME AND QUALITY OF PARTY B'S INDUSTRIAL WASTEWATER DISCHARGE

3.1 Khối lượng NTCN = m³ được thể hiện trên chỉ số đồng hồ đo lưu lượng NTCN. Bên B sẽ giám sát và lưu chép khối lượng hàng ngày NTCN theo đồng hồ đo lưu lượng NTCN và thông báo đến Bên A trong thời gian sớm nhất nếu đồng hồ đo lưu lượng NTCN bị hỏng. Lưu lượng NTCN = 67m³/ngày đêm;

IWW volume = m³ as indicated in the IWW meter reading. Party B shall monitor and record the daily volume of the IWW according to the IWW meter and notify to Party A as soon as possible if the IWW meter is faulty. IWW volume = 67m³/day;

- 3.2 Nếu đồng hồ đo lưu lượng NTCN không thể sửa chữa hoặc thay thế trong một khoảng thời gian, khối lượng NTCN của tháng đó sẽ được tính dựa trên mức trung bình của khối lượng NTCN của ba (03) tháng liền trước đó;

If the IWW meter cannot be repaired or replaced for a period of time, the IWW volume for the said month shall be calculated based on the average of the IWW volume for the past three (03) months;

- 3.3 Toàn bộ NTCN phải được xử lý tại khu vực thuê của Bên B để đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài như được nêu tại Phụ lục B trước khi được xả vào HTTNT và TXLNTTT để tiếp tục xử lý;

All IWW must be treated at Party B's premises to meet NBIZ Standard as set out in Appendix B before being discharged to the WWDS and CWWTP for further treatment;

- 3.4 Nếu Bên B lựa chọn không xử lý NTCN của Bên B để đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài, các Bên sẽ ký một Thỏa thuận bổ sung (Phụ lục C) của Hợp đồng này để tuân thủ đầy đủ các quy định. Theo Thỏa thuận bổ sung được ký:

If Party B chose not to treat its IWW to meet with NBIZ Standard, the Parties shall sign an Annex (Appendix C) to this Agreement in order to fully comply with the regulations. Upon signing the Annex:

- 3.4.1 Bên A sẽ chịu trách nhiệm xử lý NTCN của Bên B đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài;
Party A shall be responsible to treat Party B's IWW to NBIZ Standard;

- 3.4.2 Bên B sẽ được giải phóng khỏi các yêu cầu về đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài trong Hợp đồng này;
Party B shall be released of the requirement to meet NBIZ Standard in this Agreement;

- 3.4.3 Bên B sau đó có trách nhiệm đối với các điều khoản và điều kiện của Thỏa thuận bổ sung ký với Bên A.
Party B shall then be responsible to the terms and conditions of the Annex signed with Party A.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A **ARTICLE 4: PARTY A'S RIGHTS AND OBLIGATIONS**

- 4.1 Bên A có những quyền sau:

Party A shall have the following rights:

- 4.1.1 Yêu cầu Bên B thanh toán phí thoát nước và xử lý NTCN theo các Dịch vụ TNXLNTCN mà Bên A cung cấp đến Bên B;
To require Party B to pay for the IWW drainage and treatment fee upon the IWWDT Services provided by Party A to Party B;
- 4.1.2 Yêu cầu Bên B tuân thủ chặt chẽ khối lượng và chất lượng NTCN xả thải như được xác định rõ và thỏa thuận trong Hợp đồng này;
To require Party B to strictly follow the quantity and quality of IWW discharged as defined and agreed in this Agreement;
- 4.1.3 Kiểm tra khối lượng và chất lượng NTCN của Bên B tại điểm lấy mẫu ở Các Điểm Đầu nối NTCN. Bên B đồng ý cho phép người do Bên A chỉ định phù hợp vào bên trong các khu nhà trong khu vực thuê của Bên B để kiểm tra các hệ thống đường

ống nước thải và nước sạch nhằm đảm bảo sự tuân thủ phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn xả thải theo Hợp đồng này;

To check the quantity and quality of Party B's IWW at the sampling point of IWW Connection Points. Party B herein agrees to allow free and unrestricted entry at anytime to any persons duly authorized by Party A to check all water and wastewater piping systems and wastewater treatment systems in all buildings inside Party B's Premises to ensure proper compliance to the discharge conditions and quality standards as per this Agreement;

- 4.1.4 Nhận bồi thường đối với những thiệt hại do sự bất cẩn hoặc lỗi của Bên B gây ra làm ảnh hưởng đến HTNT và TXLNTT với sự phù hợp về các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;

To receive compensation for any damage caused by Party B's negligence or default causing damage to the WWDS and CWWTP in accordance to the terms and conditions of this Agreement;

- 4.1.5 Nhận phí xử lý bổ sung đối với bất kỳ sự vi phạm nào về chất lượng xử lý không đạt tiêu chuẩn với sự phù hợp về các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;

To receive additional treatment fee for any violation of the substandard treatment quality in accordance to the terms and conditions of this Agreement;

- 4.1.1 Thực hiện việc tạm dừng Các dịch vụ TNXLNTCN trong trường hợp Bên B vi phạm Điều 1, khoản 1.3; Điều 2, khoản 2.2 ở trên hoặc không thực hiện các trách nhiệm của Bên B được nêu trong Hợp đồng này để khắc phục hoàn toàn sự vi phạm xả thải của Bên B.

To enforce the suspension of the IWWDT Services in case that Party B violates Article 1, clause 1.3; Article 2, clause 2.2 or Party B doesn't implement Party B's responsibilities mentioned in this Agreement to fully correct violation of discharge by Party B.

4.2 Bên A có những trách nhiệm sau:

Party A shall have the following obligations:

- 4.2.1 Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa HTNT bao gồm đồng hồ đo lưu lượng NTCN, Các Điểm Đầu nổi Nước thải Công nghiệp, đường ống để đảm bảo dòng chảy tự nhiên của NTCN về TXLNTT và đến điểm xả thải ra môi trường;

To periodically check, maintain and service the WWDS consisting of the IWW meter, IWW Connection Points, pipes to ensure free flow of IWW to the CWWTP up to the discharge point into the environment;

- 4.2.2 Xây dựng quy trình vận hành và quản lý hiệu quả, năng suất đối với HTNT và TXLNTT đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thủ tục vận hành, phù hợp với các quy định hiện hành;

To establish effective and efficient management and maintenance processes for WWDS and CWWT which satisfies the technical requirements of operation procedures according to the regulations;

- 4.2.3 Thực hiện việc tiếp tục xử lý NTCN của Bên B để đạt và tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường trước khi xả thải ra môi trường;

To provide further treatment of Party B's IWW to meet and comply with the Law on Environmental Protection before discharging into the environment;

A

- 4.2.4 Chuẩn bị hồ sơ và thanh toán phí giấy phép xả thải, phí bảo vệ môi trường đến các cơ quan quản lý Nhà nước;
To prepare dossiers and to pay for discharge license fee and environment protection charges to the authorities;
- 4.2.5 Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý Nhà nước và thanh toán tiền phạt đối với mọi sự vi phạm về xả thải từ TXLNTTT của Bên A ra môi trường (nếu có);
To be responsible in front of the authorities and to pay penalties for any violation of wastewater discharge from Party A's CWWTP into the environment (if any);
- 4.2.6 Điều hành các hệ thống thoát nước và xử lý NTCN theo đúng quy định của luật pháp hiện hành;
To operate the IWW drainage and treatment systems as required by current laws;
- 4.2.7 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.
To comply with all the obligations in accordance to the regulations of the Law on Environmental Protection.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

ARTICLE 5: PARTY B'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

5.1 Bên B có các quyền sau:

Party B shall have the following rights:

- 5.1.1 Nhận và sử dụng Các Dịch vụ TNXLNTCN do Bên A cung cấp phù hợp với Luật Bảo vệ Môi trường;
To receive and use of the IWWDT Services as provided by Party A and in accordance to the Law on Environmental Protection;
- 5.1.2 Đề nghị Bên A khắc phục mọi vấn đề của HTTNT mà có thể đã làm ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của NTCN của Bên B đến HTTNT;
To request Party A to repair any problem in the WWDS which may have affected the free flow of Party B's IWW into the WWDS;
- 5.1.3 Nhận thông tin về các hoạt động của HTTNT bằng văn bản trong trường hợp cần thiết;
To receive information on the WWDS activities in writing in necessary cases;
- 5.1.4 Yêu cầu Bên A xuất hóa đơn thuế GTGT đối với Các Dịch vụ TNXLNTCN mà Bên A cung cấp.
To require Party A to issue VAT invoice for the IWWDT Services provided by Party A.

5.2 Bên B có những trách nhiệm sau:

Party B shall have the following obligations:

- 5.2.1 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn phí Các Dịch vụ TNXLNTCN sau khi nhận được hóa đơn thuế GTGT hợp lệ từ Bên A;
To pay in full and on time for the IWWDT Services' fee after receiving the valid VAT invoice from Party A;
- 5.2.2 Xả NTCN đã qua xử lý của Bên B vào HTTNT phù hợp với tất cả các điều khoản và điều kiện trong Hợp đồng này, đặc biệt là đáp ứng và tuân thủ Tiêu chuẩn KCN Nội Bài;

To discharge its treated IWW into the WWDS in accordance with all the terms and conditions in this Agreement particularly on meeting and complying with NBIZ Standard;

- 5.2.3 Có trách nhiệm quan trắc NTCN của Bên B theo tần suất Bên B cam kết và đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại các Điểm Đầu nối NTCN đối với các thành phần ô nhiễm đã thỏa thuận trong Tiêu chuẩn KCN Nội Bài;

To have responsibility for monitoring Party B's IWW in accordance with frequency committed by Party B and approved by authorities at the IWW Connection Points for the agreed pollutant parameters in NBIZ Standard;

- 5.2.3.1 Các công việc quan trắc – lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm – phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm được cơ quan quản lý Nhà nước cấp phép phù hợp (sau đây được gọi là “Phòng thí nghiệm”);

The monitoring works – sampling and laboratory testing - must be done by a laboratory duly licensed by competent authorities (hereinafter referred to as the “Laboratory”);

- 5.2.3.2 Kết quả thí nghiệm phải được gửi đến Bên A theo tần suất được nêu tại khoản 5.2.3 của Điều này, trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc;

The test results must be sent to Party A in accordance with the frequency mentioned at clause 5.2.3 of this Article, within 30 days from the date of completion of monitoring;

- 5.2.3.3 Nếu Bên A không nhận được từ Bên B báo cáo do Phòng thí nghiệm thực hiện trong khung thời gian nêu trên, Bên A có quyền thuê Phòng thí nghiệm thực hiện việc quan trắc và Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí liên quan đến các công việc quan trắc.

If Party A does not receive the Laboratory report from Party B within the stipulated timeframe, Party A has the rights to conduct the monitoring works by hiring the Laboratory and Party B shall bear all the cost relating to the monitoring works.

- 5.2.4 Trang bị các thiết bị phân tích tại chỗ sẽ được các Bên thống nhất để chủ động kiểm tra và kiểm soát các thành phần ô nhiễm chính;

To procure in-house testing equipment to be agreed by the Parties for key pollutants' checking and monitoring;

- 5.2.5 Có sự sắp xếp phù hợp để giải quyết việc vận chuyển và tiêu hủy toàn bộ các chất thải lỏng như chất thải nguy hại, bùn vệ sinh bởi nhà thầu có giấy phép hành nghề, bao gồm nhưng không giới hạn ở những chất thải lỏng sau:

To make suitable arrangements for the handling of removal and disposal by licensed contractor, of any type of liquid waste such as hazardous waste, cleaning sludge, including but not limited to the following liquid waste:

- 5.2.5.1 Cặn sơn và sơn pha loãng;

Residual paints and paint thinner;

- 5.2.5.2 Nước thải có dầu, mỡ sau khi vệ sinh sàn khu vực sản xuất;

Grease or oily wastewater after washing production floor;

- 5.2.5.3 Hỗn hợp dầu hoặc các chất hòa tan dễ cháy;

Petroleum spirit or any inflammable solvents;

5.2.5.4 Các chất phóng xạ, dễ nổ và dễ cháy;

Inflammable, explosives or radioactive substances;

5.2.5.5 Chất nhuộm không thể phân hủy sinh học;

Non-biodegradable pigments;

5.2.5.6 Thuốc trừ sâu và/ hoặc thuốc diệt nấm;

Insecticides and/or fungicides;

5.2.5.7 Các chất có thể làm hỏng HTTNT hoặc cản trở dòng chảy tự nhiên của NTCN hoặc là nguyên nhân gây thiệt hại đến TXLNNTT.

Substances liable to damage WWDS or interfere with the free flow of IWW or cause damage to the CWWTP.

Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi của nhà thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ của Bên B nếu chất thải lỏng bị nghiêm cấm, được liệt kê ở trên, được xả thải vào HTTNT hay hệ thống thoát nước mưa hờ của KCN Nội Bài;

Party B shall be fully responsible for the action by its contractor and service provider if the prohibited liquid waste listed above is discharged into the WWDS or the open rainwater drainage systems in NBIZ;

5.2.6 Thông báo đến Bên A trong thời gian sớm nhất có thể được về bất cứ hiện tượng bất thường nào có thể là nguyên nhân của việc không tuân thủ về các tiêu chuẩn NTCN và có thể là nguyên nhân gây ra các vấn đề đối với HTTNT và TXLNNTT;

To inform Party A at soonest time possible of any irregular phenomenon which may cause the non-compliance of IWW standards that may cause problem to the WWDS and CWWTP;

5.2.7 Thông báo đến Bên A về sự thay đổi khối lượng (nếu có mức tăng từ 25% so với NTCN trung bình trong 03 tháng liền kề trước đó), chất lượng và dạng NTCN của Bên B để thảo luận về dịch vụ và phí thoát nước, xử lý nước thải mới;

To inform Party A of the change of volume (if the increase is from 25% in comparison with the IWW previous 3-months average), quality and type of Party B's IWW for discussion on new service and fee of drainage and treatment;

5.2.8 Thực hiện việc bồi thường đến Bên A hoặc một bên thứ ba bất kỳ có liên quan, đối với những thiệt hại do lỗi của Bên B phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;

To pay compensation to Party A or any related third party, for any damage caused by Party B's failure to comply the terms and conditions of this Agreement;

5.2.9 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

To comply with all the obligations in accordance to the regulations of the Law on Environmental Protection.

ĐIỀU 6: PHÍ THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NTCN VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN **ARTICLE 6: IWW DRAINAGE & TREATMENT FEE AND PAYMENT TERMS**

6.1 Theo như Nghị định 80/2014/NĐ-CP, Điều 4, khoản 4.2, tất cả các doanh nghiệp trong KCN Nội Bài phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn KCN Nội Bài;

All NBIZ tenants must comply with NBIZ Standard in accordance to Decree 80/2014/ND-CP under Article 4 clause 4.2;

- 6.2 Phí thoát nước và xử lý NTCN là 4.832 VNĐ/m³, chưa bao gồm thuế GTGT (“Đơn giá”) với điều kiện NTCN của Bên B được xả thải tuân thủ theo Tiêu chuẩn KCN Nội Bài;
The IWW drainage and treatment fee is VND 4,832/m³ excluding VAT (“Unit Fee”) as long as Party B's discharged IWW complies with NBIZ Standard;
- 6.3 Khối lượng NTCN (“Khối lượng”) được sử dụng để xác định phí tổng thể đã được xác định rõ trong Điều 3 của Hợp đồng này;
The volume of IWW (“Volume”) used to determine the total fee is defined in Article 3 in this Agreement;
- 6.4 Phí thoát nước và xử lý NTCN (“Phí TNXLNT”) được tính là: $\text{Phí TNXLNT} = \text{Khối lượng} \times \text{Đơn giá}$;
The IWW drainage and treatment fee (“DTF”) is calculated as: $\text{DTF} = \text{Volume} \times \text{Unit Fee}$;
- 6.5 Nếu Bên B không thể xử lý NTCN của Bên B để đáp ứng và tuân thủ Tiêu chuẩn KCN Nội Bài, Bên B có thể có phương án đề nghị Bên A tiếp tục xử lý NTCN của Bên B để đạt Tiêu chuẩn KCN Nội Bài với một mức phí xử lý bổ sung như được nêu trong Điều 3 khoản 3.4 và được xác định rõ trong Thỏa thuận bổ sung tại Phụ lục C;
If Party B is unable to treat its IWW to meet and comply with NBIZ Standard, Party B can have an option to request Party A to further treat its IWW up to NBIZ Standard with additional treatment fee as mentioned in Article 3 clause 3.4 and defined in the Annex in Appendix C;
- 6.6 Phí TNXLNT sẽ được điều chỉnh trong trường hợp có sự tăng chi phí từ 3% về nhân công, hóa chất, điện hoặc sự đầu tư, nâng cấp công nghệ xử lý nước thải, yêu cầu cao hơn bởi các quy định của pháp luật về chất lượng nước thải của KCN Nội Bài xả thải ra môi trường cũng như sự tăng về phí và lệ phí của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc xả thải và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp điều chỉnh Phí TNXLNT, các Bên sẽ tiến hành bàn bạc, thương thảo và thống nhất bằng văn bản;
The DTF shall be adjusted in case of increasing costs at least 3% in labor, chemical, power or upgrade/investment in wastewater treatment technology, higher requirement by regulations of laws about the wastewater quality of NBIZ discharged into the environment as well as the increase of fees and charges applied by authorities to discharge and other factors required by laws. In the case of the adjustment of the DTF, the Parties shall discuss, negotiate and agree in writing;
- 6.7 Trong trường hợp các Bên không thể đạt được một thỏa thuận chung về Phí TNXLNT mới, Bên A không có trách nhiệm tiếp tục cung cấp Các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B và Bên B có quyền đề nghị Bên A ký một thỏa thuận tách đấu nối;
In the event that the Parties cannot reach a common agreement on the new DTF, Party A has no responsibility for continuing the IWWDT Services to Party B and Party B has right to request Party A to sign a disconnection agreement;
- 6.8 Điều kiện thanh toán:
Payment Terms:
- 6.8.1 Bên B sẽ thanh toán đến Bên A Phí TNXLNT trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn thuế GTGT đến Bên B;
Party B shall pay to Party A the DTF within thirty (30) days from the date Party A issues the VAT invoice to Party B;

- 6.8.2 Lãi suất thanh toán chậm sẽ là 1%/ tháng và được tính từ ngày đáo hạn đến ngày thanh toán thực tế;

The late payment interests shall be 1% per month and calculated from the due date to the date of the actual payment;

- 6.8.3 Trong trường hợp Bên B không thanh toán đến Bên A trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày Bên A phát hành hóa đơn thuế GTGT đến Bên B, Bên A có quyền tạm dừng Các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B bằng việc đóng các Điểm Đầu nổi Nước thải Công nghiệp và/ hoặc tạm dừng việc cung cấp nước sạch đến Bên B, sau khi gửi một thông báo bằng văn bản đến Bên B.

In the event that Party B doesn't make payment to Party A within two (02) months from the date Party A issues the VAT invoice to Party B, Party A has right to suspend the IWWDT Services to Party B by closing the IWW Connection Points and/or to suspend the supply of the clean water to Party B, after sending a written notice to Party B.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM

ARTICLE 7: SETTLEMENT OF VIOLATIONS

- 7.1 Để giám sát sự tuân thủ của Bên B về chất lượng NTCN của Bên B được xả vào HTTNT và TXLNNTT, Bên A có quyền lấy mẫu NTCN của Bên B tại Các Điểm Đầu nổi Nước thải Công nghiệp tại mọi thời điểm để phân tích bằng việc sử dụng thiết bị phân tích sẵn có.

In order to supervise Party B's compliance on the IWW quality discharged by Party B into the WWDS and CWWTP, Party A has the rights to take sample of Party B's IWW at the IWW Connection Points for testing using the in-house testing equipment at any time.

- 7.2 Trong trường hợp sự không tuân thủ được phát hiện tại Các Điểm Đầu nổi NTCN hoặc tại điểm đầu vào NTCN của Bên B tại TXLNNTT, Bên A sẽ thông báo ngay đến Bên B để có biện pháp dừng, khắc phục và dự phòng việc không tuân thủ như vậy:

In case of non-compliance detected at the IWW Connection Points or at inlet point of Party B's IWW at the CWWTP, Party A shall immediately inform Party B for countermeasure to stop, correct and prevent such non-compliance:

- 7.2.1 Các Bên sẽ thực hiện buổi lấy mẫu thứ hai tại vị trí vi phạm để khẳng định sự không tuân thủ;

The Parties shall perform a second sampling session at the violation location to confirm the non-compliance;

- 7.2.2 Bên A sẽ chụp ảnh hoặc quay phim việc lấy mẫu NTCN để có tư liệu;

Party A shall take photos or video of the IWW sampling for reference;

- 7.2.3 Bên B sẽ cập nhật kế hoạch hành động khắc phục của mình và thông tin đến Bên A trong vòng 24 giờ kể từ khi sự không tuân thủ bị phát hiện.

Party B shall update of its countermeasure action plan and inform Party A within 24 hours from time of detection.

- 7.3 Trong trường hợp Bên B từ chối tham gia buổi lấy mẫu NTCN và/ hoặc từ chối ký bất kỳ Biên bản nào mà không có lý do hợp lệ và sự đồng ý của Bên A, Bên A có quyền mà không bị tổn hại:

In the event Party B refuses to attend the IWW sampling session and/or refuses to settle the non-compliance without giving any valid reasons acceptable by Party A, without prejudice, Party A reserves the rights:

7.3.1 Gửi các mẫu NTCN không tuân thủ đến Phòng thí nghiệm và toàn bộ các chi phí liên quan đến việc lấy mẫu và công việc phân tích của phòng thí nghiệm sẽ do Bên B thanh toán;

To send the non-compliance IWW samples to the Laboratory and all the costs related to the sampling and laboratory testing works shall be borne by Party B;

7.3.2 Thực hiện toàn bộ các quyền của Bên A như được nêu trong Hợp đồng này, đặc biệt là Điều 4 khoản 4.1.4, khoản 4.1.5, khoản 4.1.6 và Điều 7 khoản 7.5;

To enforce all its rights as provided for in this Agreement in particular Article 4 clause 4.1.4, clause 4.1.5, clause 4.1.6 and Article 7 clause 7.5;

7.3.3 Thông báo và công bố rộng rãi việc không tuân thủ được khẳng định bởi Phòng thí nghiệm đến toàn thể các doanh nghiệp trong KCN Nội Bài và đưa sự việc đến Cảnh sát Môi trường, các cơ quan quản lý Nhà nước khác cho các hành động tiếp theo.

To announce and publicize the non-compliance proven by the Laboratory to all tenants in NBIZ and to refer the incident to Environmental Police and other authorities for further actions.

7.4 Trong trường hợp mà chất lượng NTCN của Bên B vượt quá (các) tiêu chuẩn đã thỏa thuận, theo báo cáo chính thức của Phòng thí nghiệm (sau đây được gọi là sự “Vi phạm”), Bên B sẽ phải thanh toán phí xử lý bổ sung là 2 x Phí TNXLNT/m³, chưa bao gồm thuế GTGT. Khối lượng được áp dụng sẽ tính từ khối lượng nước được thể hiện trên chỉ số đồng hồ đo lưu lượng NTCN tại thời điểm phát hiện Vi phạm đến ngày Vi phạm được khắc phục hoàn toàn (theo thời gian lấy mẫu gửi Phòng thí nghiệm để phân tích);

In the event that Party B's IWW quality exceeds the agreed standard(s) based on the official Laboratory report (hereinafter referred to as the "Violation"), Party B shall pay additional treatment fee of 2 x DTF/m³ excluding VAT. The volume applied shall be the volume indicated in the IWW meter reading at the time of detecting the Violation up to the date of fully correcting the Violation (based on the time of taking samples to send them to the Laboratory to analyse);

7.5 Bên A sẽ chuẩn bị và phát hành một yêu cầu thanh toán cho việc xử lý NTCN bổ sung trong vòng 14 ngày kể từ ngày Vi phạm và Bên B sẽ thanh toán đến Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành yêu cầu thanh toán;

Party A shall prepare and issue a debit note for such IWW additional treatment fee within 14 days from the date of Violation and Party B shall make payment to Party A within 30 days from date of the debit note;

7.6 Nếu Bên B vi phạm hoặc không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào trong các Điều 2 khoản 2.2, Điều 5 khoản 5.2.2, khoản 5.2.5, khoản 5.2.6, khoản 5.2.7, khoản 5.2.8 và Điều 7 khoản 7.3 trong Hợp đồng này, bên cạnh việc Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường đối với những mất mát, các khoản tiền phạt do luật pháp quy định hay thiệt hại xảy ra đối với HTTN, bao gồm cả TXLN, như là hậu quả của việc vi phạm và không tuân thủ nêu trên, Bên A sẽ có quyền không cho phép Bên B xả NTCN của Bên B vào HTTN và TXLN. Không có sự tổn hại đến các quyền của Bên A khi chấm dứt Hợp đồng này, Bên A cũng có quyền chấm dứt việc cung cấp nước sạch đến Bên B. Bên B cũng sẽ có trách nhiệm pháp lý đối với những thiệt hại về môi trường hay khiếu kiện bởi một bên thứ

ba bất kỳ, nhưng không giới hạn là những người thuê bên cạnh, khu vực thuê bên cạnh, cư dân ở các khu vực xung quanh và/ hoặc các cấp chính quyền có liên quan;

If Party B breaches or fails to comply with any of the provisions in Articles 2 clause 2.2, Article 5 clause 5.2.2, clause 5.2.5, clause 5.2.6, clause 5.2.7, clause 5.2.8 and Article 7 clause 7.3 in this Agreement, in addition to Party A's rights to claim compensation from Party B for any loss, statutory penalties or damage incurred on the WWDS including the CWWTP as a result of such breach or failure, Party A shall be entitled to prohibit Party B from discharging its IWW into the WWDS and CWWTP. Without prejudice to any rights of Party A to terminate this Agreement, Party A shall also have the rights to stop the supply of clean water to Party B. Party B shall also be held liable for any environmental damage or claims by any third party including, but not limited to neighbors, neighboring premises, the residents in surrounding areas and/or the relevant authorities;

- 7.7 Trong trường hợp NTCN của Bên B chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa hồ hoặc vi phạm Điều 5 khoản 5.2.5 là chất thải lỏng bị cấm, được xả thải vào hệ thống thoát nước mưa hồ, Bên A có quyền đề nghị Bên B thanh toán các chi phí phát hiện vi phạm, chi phí phân tích nội bộ, chuẩn bị báo cáo và các chi phí hành chính khác là 2.000.000 VNĐ/ sự việc, với mức tăng thêm 5% mỗi năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Bên B cũng có trách nhiệm thu gom và vệ sinh việc xả thải bất hợp pháp của Bên B từ hệ thống thoát nước mưa hồ cho đến mương chính của KCN Nội Bài (xem Phụ lục D). Không có sự tổn hại đến Bên A, Bên A có quyền thông báo và công bố rộng rãi sự vi phạm đến toàn thể các doanh nghiệp trong KCN Nội Bài và đưa sự việc không tuân thủ đến Cảnh sát Môi trường, các cơ quan quản lý Nhà nước khác cho các hành động tiếp theo nếu có việc xả thải bất hợp pháp ra bên ngoài KCN Nội Bài và trên đất của người dân;

In the event that Party B's IWW overflow to open rainwater drainage or violates Article 5 clause 5.2.5 where the prohibited liquid waste discharged into the open rainwater drainage systems, Party A shall be entitled to request Party B to pay for violation detection expenses, internal laboratory charges, making reports and administrative fees of VND 2,000,000 per incident, with annual increase of 5% from the date of signing this Agreement. Party B is also responsible to remove and clean up all its illegal discharges in the open rainwater drainage systems up to the main canal of NBIZ (see Appendix D). Without prejudice, Party A reserves its rights to announce and publicize the violation to all tenants in NBIZ and to refer the non-compliance incident to Environment Police and other authorities for further actions if the illegal discharges flowed outside NBIZ and into the farmers' lands;

- 7.8 Các yêu cầu về sự tuân thủ bảo vệ môi trường được thỏa thuận giữa các Bên sẽ được điều chỉnh theo thời gian phù hợp với các luật mới do chính phủ quy định.

The requirement of compliance on environmental protection agreed between the Parties shall be adjusted from time to time in accordance with the new laws as promulgated by the government.

ĐIỀU 8: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT **ARTICLE 8: DISPUTES AND RESOLUTION**

- 8.1 Trong trường hợp có sự tranh chấp, các Bên trước tiên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hòa giải, bao gồm việc tìm kiếm ý kiến và hướng dẫn từ các cơ

quan quản lý Nhà nước như Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà nội và/ hoặc Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội;

In the case a dispute arises, the Parties shall attempt in the first instance to resolve such dispute through friendly consultations including seeking opinions and guidance from authorities such as Hanoi Industrial and Export Processing Zones Authority and/or Hanoi Department of Natural Resources and Environment;

- 8.2 Nếu sự tranh chấp không được giải quyết theo cách như vậy, một trong các bên có thể đưa sự việc tranh chấp đến tòa kinh tế có thẩm quyền ở Hà Nội để có quyết định cuối cùng theo các điều khoản nguyên tắc của tòa;

If the dispute is not resolved in this manner, then either party may submit the dispute to the competent economic court in Hanoi for final decision pursuant to the provisions of its rules;

- 8.3 Toàn bộ các chi phí liên quan đến công việc pháp lý sẽ được thanh toán bởi mỗi Bên, nhưng một trong các Bên có quyền đòi lại toàn bộ các chi phí pháp lý và/ hay chi phí tòa án từ Bên vi phạm Hợp đồng.

All the cost relating to the legal works shall be borned by the each Party but either Party reserves the rights to claim all the court and/or legal expenses from the violating Party.

ĐIỀU 9: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG **ARTICLE 9: GENERAL PROVISIONS**

- 9.1 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

The Parties commit to strictly implement the agreed terms and conditions under this Agreement;

- 9.2 Nếu bất kỳ Bên nào vi phạm, Bên đó sẽ phải bồi thường đến Bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

If any party violates, it shall compensate to the other party and take responsibility before the law;

- 9.3 Nếu có bất kỳ điểm nào trong Hợp đồng này không có hiệu lực pháp lý, các điểm khác vẫn có nguyên hiệu lực và ràng buộc các Bên;

If there is any point in this Agreement has not taken legal effect, the rest still remains in force binding the Parties;

- 9.4 Mọi sửa đổi của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện bằng văn bản và được ký thông qua bởi các đại diện hợp pháp của các Bên. Các điều khoản bổ sung sẽ được xem là một phần không tách rời của Hợp đồng này và có hiệu lực kể từ ngày ký bởi các Bên;

All amendments to this Agreement are only valid if it made in writing and signed by authorized representatives of the Parties. Additional revisions will be considered as an integral part of this Agreement and take effect from the date of signing by the Parties.

- 9.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc hiệu lực theo thời hạn của Hợp đồng thuê đất đã ký giữa các Bên; hoặc trong vòng 30 ngày lịch đối với các trường hợp chấm dứt nêu trong Hợp đồng này; hoặc Bên B có thông báo bằng văn bản đến Bên A về việc không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ TNXLNTCN của Bên A;

This Agreement is effective from the date of signing and terminates its effect in accordance with the term of the Sub-Lease Agreement signed between the Parties; or within 30

calendar days for the cases of termination mentioned in this Agreement; or Party B informs in writing Party A of no longer demand of using Party A's IWWDT Services;

9.6 Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản gốc, mỗi Bên giữ một (01) bản. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Việt và tiếng Anh, thì tiếng Anh sẽ ưu tiên được áp dụng và sự mâu thuẫn sẽ được xem là lỗi dịch thuật.

This Agreement is made in two (02) original documents with each Party retains one (01) original. In the event of contradiction between Vietnamese and English version, the English shall prevail and the contradiction shall be treated as translation errors.

ĐỂ XÁC NHẬN, các Bên cùng thực hiện Hợp đồng này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.
IN WITNESS WHEREOF the Parties have executed this Agreement the day and year first herein above written.

ĐẠI DIỆN BÊN A
For and on behalf of Party A



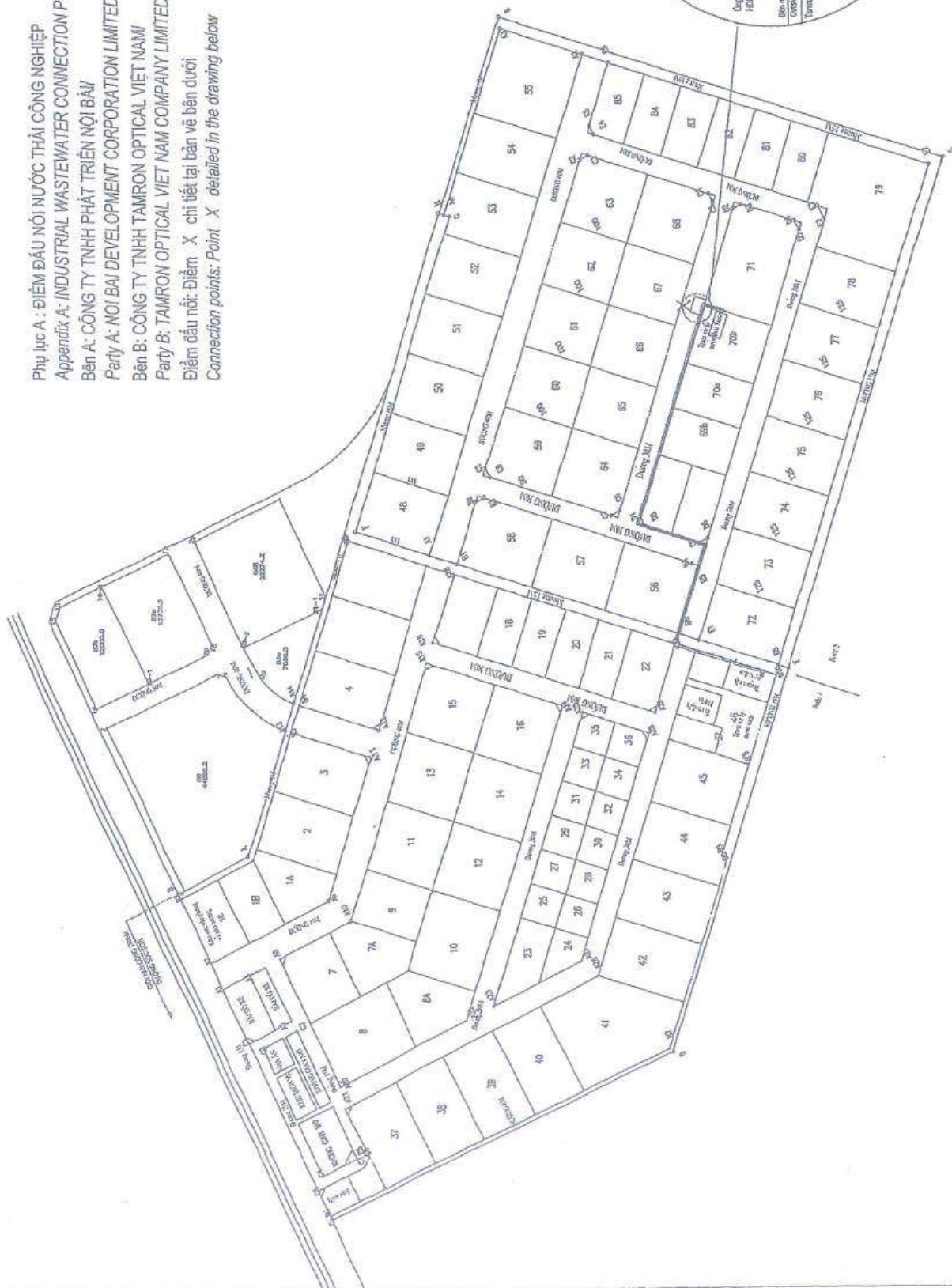
Mr. Au Sing Choy
Tổng Giám đốc
General Director

ĐẠI DIỆN BÊN B
For and on behalf of Party B



Mr. Rudo Tetsuaki
Tổng Giám đốc
General Director

Phụ lục A : ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP
 Appendix A : INDUSTRIAL WASTEWATER CONNECTION POINTS
 Bên A : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
 Party A : NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED
 Bên B : CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL VIỆT NAM
 Party B : TAMRON OPTICAL VIET NAM COMPANY LIMITED
 Điểm đầu nối: Điểm X chỉ tiết tại bản vẽ bên dưới
 Connection points: Point X detailed in the drawing below



2

PHỤ LỤC B: TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP ĐẦU VÀO
KHU CÔNG NGHIỆP NỘI BÀI
“TIÊU CHUẨN KHU CÔNG NGHIỆP NỘI BÀI”
APPENDIX B: NBIZ INDUSTRIAL WASTEWATER INPUT STANDARD
“NBIZ STANDARD”

STT No.	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	QCTĐ HN 02:2014 Cột B Column B	Giấy phép xả thải Nội Bài NBIZ's discharge license	Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Nội Bài NBIZ standard
1	Nhiệt độ Temperature	°C	40	40	40
2	Màu Color	Pt-Co	150	150	150
3	pH	mg/l	5.5 - 9.0	5.5-9.0	5.5 - 9.0
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	45	240
5	COD	mg/l	150	135	350
6	Tổng chất rắn lơ lửng Total suspended solids (TSS)	mg/l	100	90	200
7	Asen (As) Arsenic (As)	mg/l	0.1	0.09	0.1
8	Thủy ngân Mercury	mg/l	0.01	0.009	0.01
9	Chì (Pb) Lead (Pb)	mg/l	0.5	0.45	0.5
10	Cadimi (Cd) Cadmium (Cd)	mg/l	0.1	0.09	0.1
11	Crom (VI) Chromium (VI)	mg/l	0.1	0.09	0.1
12	Crom (III) Chromium (III)	mg/l	1	0.9	1
13	Đồng (Cu) Copper (Cu)	mg/l	2	1.8	2
14	Kẽm (Zn) Zinc (Zn)	mg/l	3	2.7	3
15	Niken (Ni) Nickel (Ni)	mg/l	0.5	0.45	0.5
16	Mangan (Mn) Manganese (Mn)	mg/l	1	0.9	1
17	Sắt (Fe) Iron	mg/l	5	4.5	5
18	Tổng xianua (CN) Total cyanide	mg/l	0.1	0.09	0.1
19	Tổng phenol (C ₆ H ₅ OH) Total phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	0.5	0.45	0.5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	9	10

2

	<i>Total mineral oil</i>				
21	Sunfua (S ⁻) <i>Sulfur (S)</i>	mg/l	0.5	0.45	0.5
22	Florua (F ⁻) <i>Fluoride (F⁻)</i>	mg/l	10	9	10
23	Amoni (tính theo N) <i>Ammonium (in N)</i>	mg/l	10	9	10
24	Tổng nitơ (N) <i>Total nitrogen (N)</i>	mg/l	40	36	50
25	Tổng photpho (tính theo P) <i>Total phosphorus (in P)</i>	mg/l	6	5.4	7
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ) <i>Chloride (does not apply when discharging into salty water, brackish water)</i>	mg/l	1000	900	700
27	Clo dư <i>Residual chlorine</i>	mg/l	2	1.8	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ <i>The total crop protection chemicals organochlorine</i>	mg/l	0.1	0.09	0.1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ <i>The total crop protection chemicals rganophosphorus</i>	mg/l	1	0.9	1
30	Tổng PCB <i>Total PCB</i>	mg/l	0.01	0.009	0.01
31	Coliform	MPN/100ml	5000	-	<10 ⁹
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α <i>Total radioactivity α</i>	mg/l	0.1	-	0.1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β <i>Total radioactivity β</i>	mg/l	1	-	1
34	Dầu mỡ động, thực vật <i>Grease/oil animals and plants</i>	mg/l	-	-	20

BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI SINH HOẠT
MINUTES OF CONFIRMATION FOR THE CONNECTION POINT OF DOMESTIC WASTE WATER

Hôm nay, ngày 5 tháng 11 năm 2013, chúng tôi gồm:
Today is 5. November 2013, we are including:

BÊN A : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
PARTY A : NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD

Địa chỉ : Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Registered Address : NBIZ, Quang Tien Commune, Soc Son District, Hanoi
Đại diện bởi : Ông Au Sing Choy Chức vụ : Tổng Giám đốc
Represented by : Mr. Au Sing Choy Title : General Director
Điện thoại/Tel : 04-3582 0333 Fax : 04-3582 0330

BÊN B : CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
PARTY B : TAMRON OPTICAL VIETNAM CO., LTD

Địa chỉ : Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Registered Address : NBIZ, Mai Dinh Commune, Soc Son District, Hanoi
Đại diện bởi : Ông Yasuo Otsuka Chức vụ : Tổng Giám đốc
Represented by : Mr. Yasuo Otsuka Title : General Director
Điện thoại/ Tel : 04 3721759 Fax : 04 37621758

Cả Bên A và Bên B sau đây được gọi là "các Bên".
Both Party A and Party B are hereinafter referred to as the "Parties".

Căn cứ vào/ Pursuant to the:

- Hợp đồng thuê đất ký ngày 04/05/2012
The Sub-Lease Agreement dated 04/05/2012
- Bản vẽ hệ thống nước thải của KCN Nội Bài và bản vẽ hệ thống nước thải nhà máy của Bên B;
The NBIZ sewage system drawing and the drawings of sewage system of Party B's factory;
- Việc kiểm tra thực tế của các Bên.
The actual inspection of both Parties.

I. Hiện trạng/ Status

- Hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy Bên B gồm có:
The domestic waste water system of Party B's factory included:
 - + 03 khu nhà vệ sinh
03 toilet areas
 - + 01 bể tự hoại của nhà vệ sinh, 01 bể tách mỡ
01 septic tanks of toilets, 01 separated oil tanks
 - + 01 bếp ăn (nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp)
01 kitchen (domestic wastewater sources arises from this kitchen)



- + Hệ thống đường ống nước thải kín thu gom từ nhà vệ sinh và bếp ăn ra hố ga, qua hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, sau đó chảy ra hố thu gom của KCN.
The closed sewage pipeline system connected from toilets and kitchen to the manhole, go through factory's wastewater treatment system and then discharge to NBIZ manhole.

- Tại thời điểm kiểm tra nước thải không có mùi hôi và bùn.
There's no smell at the checking time.

2. Vị trí đầu nối/ *Connection point*

Sau đây Bên A và Bên B cùng nhau xác nhận các điểm đầu nối nước thải sinh hoạt của nhà máy Bên B như sau:

Party A and Party B hereby confirm the connection of domestic waste water points of Party B's factory as follows:

- Vị trí đầu nối tại hố thu gom nước thải của KCN Nội Bài, tại ranh giới lô số 70b (xem bản vẽ đính kèm).
The connection point is at the NBIZ manhole, at the boundary of the lot No 70b (see attached drawing).

3. Trách nhiệm của Bên A/ *Party A's Responsibilities*

- Bên A có trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của Bên B theo các tiêu chuẩn Việt Nam trước khi thải ra môi trường.

Party A is responsible for treatment of the Party B's domestic waste water in accordance with the Vietnamese standards before being discharged into the environment.

- Định kỳ kiểm tra tình trạng và chất lượng xả thải của Bên B tại điểm đầu nối trước khi thải vào hệ thống cống ngầm của KCN Nội Bài.

Periodically check the status and quality of the Party B's discharges at connection point before discharging into NBIZ's underground sewage systems.

4. Trách nhiệm của Bên B/ *Party B's Responsibilities*

- Đảm bảo bể phốt đủ công suất để tái xử lý nước thải sinh hoạt thải ra theo Tiêu chuẩn B theo luật môi trường Việt Nam.

To ensure the septic tank has sufficient capacity to pre-treat the domestic waste discharges to Standard B under the Vietnamese environment laws.

- Không được thải nước thải có chất thải rắn, nước thải nhiễm độc, cặn dầu hoặc dung môi, các loại rác thải không thể phân hủy vì các chất thải này có thể làm hỏng hệ thống nước thải của KCN.

Do not discharge the domestic waste water with solid waste, toxic waste water, oil residue or solvent, non-biodegradable waste because these wastes can damage NBIZ's sewage system and

- Định kỳ hút bể phốt/hố ga để đảm bảo điều kiện xử lý tốt.

Periodically suck the septic tanks to ensure that it is not full.

- Định kỳ vệ sinh hố tách mỡ, hố ga.

Periodically clean the separated grease/oil chamber and manhole.

- Đồng ý để nhân viên của Bên A vào kiểm tra hố ga tại mọi thời điểm.

0009:
NG T
CHiếm H
AT TRI
NỘI B
SON-T

5. Không tuân thủ/ Non-Compliance

Trong trường hợp Bên A phát hiện Bên B xả nước thải không phải là nước thải sinh hoạt (tức là nước thải công nghiệp) ra điểm xả nước thải sinh hoạt hoặc nước thải sinh hoạt không lọc qua bể phốt/hố ga hoặc thải trực tiếp ra bất kỳ điểm xả không được phê duyệt nào khác, một khoản phí hành chính sẽ bị thu cho các nguyên liệu xử lý bổ sung tại trạm xử lý nước thải của KCN Nội Bài. Bên B phải có biện pháp khắc phục tình trạng đó hoặc Bên A sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho các cơ quan chức năng liên quan.

In case Party A detected that Party B discharges other than domestic waste water (i.e. industrial waste water) into the domestic waste water discharge point or discharges domestic waste water without filtering through the septic tanks/manhole or discharging directly into any other unapproved discharging point, an administrative fee will be charged for additional treatment materials at NBIZ sewage treatment plant. Party B shall have countermeasure to make good/repair or Party A will send the written notice to the relevant authorities.

Biên bản này được lập thành hai (2) bản. Mỗi Bên giữ một (1) bản.

This Minutes is made in two (2) copies. Each Party keeps one (1) copy.

ĐẠI DIỆN BÊN A
FOR PARTY A



Au Sing Choy

Tổng Giám đốc/ General Director

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR PARTY B



Yasuo Otsuka

Tổng Giám đốc/ General Director



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 524 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 168/NBD/2023 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH Phát triển Nội Bài giải trình và đề nghị cấp giấy phép môi trường tại cơ sở Khu công nghiệp Nội Bài và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Phát triển Nội Bài, địa chỉ Văn phòng tại Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Nội Bài tại xã Quang Tiến, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp (KCN) Nội Bài.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Quang Tiến, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113991, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2022. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án phát triển Khu công nghiệp Nội Bài mã số dự án 2185608653 do Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2008, thay đổi lần thứ sáu ngày 28/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 0100113991.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Dệt (không nhuộm)	C13

2	Sản xuất trang phục	C14
3	Sản xuất da và các sản phẩm khác có liên quan (không thuộc da)	C15
4	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C20
5	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
6	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
7	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
8	Sản xuất kim loại	C24
9	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (Trừ máy móc, thiết bị)	C25
10	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
11	Sản xuất thiết bị điện	C27
12	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
13	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
14	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
15	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
16	Vận tải đường bộ khác	H493
17	Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	G463

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích của cơ sở: 114,1069 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Phát triển Nội Bài có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại

Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày 21... tháng 12... năm 2023 đến ngày 20... tháng 12... năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần (bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 20/GXN-STNMT ngày 07/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 13/GP-UBND ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (điều chỉnh giấy phép lần 1) số 176/GP-UBND ngày 11/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội;
- Ban Quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Phát triển Nội Bài;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, NT.15.



Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 01: Khu vực Văn phòng của KCN Nội Bài.
- Nguồn số 02: Khu Dịch vụ trong KCN Nội Bài.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Nội Bài.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 04: Quá trình rửa dụng cụ, thiết bị tại phòng thí nghiệm của hệ thống xử lý nước thải tập trung (XLNTTT).

- Nguồn số 05: Nước thải công nghiệp từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Nội Bài.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Bắc Thượng, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (cuối cùng đổ ra sông Cà Lồ).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh tiêu Bắc Thượng, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2348514.22; Y = 583940.70 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

- Điểm xả thải có biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.800 m³/ngày đêm; lưu lượng xả thải tức thời lớn nhất là 180 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đưa qua bể lấy mẫu, sau đó được quan trắc tự động, liên tục trước khi chảy vào đường ống thoát nước thải, tự chảy ra kênh tiêu Bắc Thượng.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn theo chu kỳ xử lý nước thải.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,0); riêng thông số Dầu mỡ động, thực vật áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số K = 1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40		Đã lắp đặt
2	pH	-	5,5 – 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90		
4	COD	mg/l	135		

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,0	03 tháng/lần	Không áp dụng
6	Màu	Pt/Co	150		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	45		
8	Asen	mg/l	0,09		
9	Thủy ngân	mg/l	0,009		
10	Chì	mg/l	0,45		
11	Cadimi	mg/l	0,09		
12	Crom hóa trị VI	mg/l	0,09		
13	Crom hóa trị III	mg/l	0,9		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Kẽm	mg/l	2,7		
16	Niken	mg/l	0,45		
17	Mangan	mg/l	0,9		
18	Sắt	mg/l	4,5		
19	Tổng xianua	mg/l	0,09		
20	Tổng phenol	mg/l	0,45		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,0		
22	Sunfua	mg/l	0,45		
23	Florua	mg/l	9,0		
24	Tổng nitơ	mg/l	36		
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,4		
26	Clorua	mg/l	900		
27	Clo dư	mg/l	1,8		
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000		
29	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,09	01 năm/lần	
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,9		
34	Tổng PCB	mg/l	0,009		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 01 và số 02: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống về các bể tự hoại tương ứng để xử lý sơ bộ trước khi đưa về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Sau khi được các doanh nghiệp thứ cấp xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu

nồi nước thải sinh hoạt của KCN Nội Bài được đầu nối về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Được thu gom bằng các đường ống về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Được các doanh nghiệp thứ cấp xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải công nghiệp của KCN Nội Bài. Sau đó nước thải công nghiệp của từng doanh nghiệp được thu gom riêng biệt nhau và riêng biệt với nước thải sinh hoạt về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01 và số 02) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài để xử lý.

- Số lượng, dung tích thiết kế: 04 bể.

+ Khu vực Văn phòng của KCN Nội Bài: 01 bể có dung tích là 3 m³

+ Khu dịch vụ của KCN Nội Bài: 02 bể có dung tích 4 m³/bể và 01 bể có dung tích 7 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Đã xây dựng hệ thống XLNTTT với tổng công suất 2.800 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể chứa 1 (T-01) → Hồ thu bơm đầu vào (T-02) → Máy tách rác (DF-01) → Bể lắng cát (T-03) → Bể thiếu khí A (T-04A) → Bể thiếu khí B (T-04B) → Bể thiếu khí C (T-04C) → Bể hiếu khí D (T-04D) → Bể hiếu khí E (T-04E) → Bể lắng sinh học (T-07A) → Bể đông tụ (T-05) → Bể keo tụ (T-06) → Bể lắng hoá lý (T-07B/C/D/E) → Bể chứa 2B (T-08B) → Bể lọc cát (T-09A/B/C/D/E/F) → Bể lấy mẫu (T-10) → Nguồn tiếp nhận.

Trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom đưa về Bể chứa 1 (T-01) của hệ thống XLNTTT để xử lý.

+ Nước thải công nghiệp được thu gom riêng biệt với nước thải sinh hoạt bằng các hệ thống đường ống riêng biệt đưa về Bể đông tụ (T-05) của hệ thống XLNTTT để xử lý.

(Riêng nước thải công nghiệp của Công ty TNHH Công nghiệp Spindex Hà Nội hiện nay đưa về Bể lắng cát (T-03) của hệ thống XLNTTT để xử lý).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, PAA, Javel, bột than hoạt tính và hoá chất phá bọt (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Bể lấy mẫu, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 02 bộ (tại vị trí của hệ thống quan trắc tự động liên tục và vị trí điểm xả nước thải)

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định (được Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội xác nhận tại Văn bản số 650/CCBVMT-TH ngày 29/5/2019).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp từ các doanh nghiệp thứ cấp được thu gom riêng biệt nhau để đưa về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài. Nước thải công nghiệp được thu gom riêng biệt đối với từng doanh nghiệp thứ cấp để đưa về hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài.

- Lắp đặt thiết bị đo pH tự động, đèn, chuông cảnh báo tại các vị trí: (1) sau máy tách rác để kiểm soát chất lượng nước thải sinh hoạt đầu vào; (2) bể đồng tụ T – 05 để kiểm soát chất lượng nước thải công nghiệp đầu vào.

- Lắp đặt thiết bị cảnh báo tình trạng hoạt động của máy thổi khí.

- Lắp đặt thiết bị dự phòng cho các thiết bị lắp đặt tại hệ thống XLNTTT, 01 thiết bị chạy và 01 thiết bị dự phòng. Bố trí 01 kho chứa thiết bị dự phòng với diện tích khoảng 336 m² để thay thế, sửa chữa kịp thời khi trong trường hợp thiết bị gặp sự cố.

- Đối với thiết bị quan trắc tự động, liên tục thực hiện cài đặt ngưỡng cảnh báo sớm khi các chỉ tiêu vượt ngưỡng an toàn, cụ thể:

Ngưỡng cảnh báo sớm			
Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B	Chuông, đèn cảnh báo kêu
pH	-	5,5 – 9	< 6 và > 8,5
Amoni	mg/L	9	5
COD	mg/L	135	80
TSS	mg/L	90	70

Trường hợp hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt ngưỡng cảnh báo sớm thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải đầu vào được lưu chứa như sau: Nước thải sinh hoạt đầu vào thực hiện lưu chứa tại các hố thu gom, trên đường ống, bể chứa 1 (T – 01) và hố thu gom T – 02, thời gian lưu chứa tối đa 7 giờ; nước thải công nghiệp đầu vào thực hiện lưu chứa tại bể chứa T – 08A và trên đường ống thu gom nước thải công nghiệp, thời gian lưu chứa tối đa 2 giờ. Trong trường hợp chất lượng nước thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn đưa quay trở lại bể chứa 1 (T – 01) để xử lý. Công ty TNHH Phát triển Nội Bài cam kết thời gian khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống XLNTTT trong thời gian 1 giờ.

- Đối với nước thải công nghiệp: Lắp đặt van khóa chế đối với từng doanh nghiệp thứ cấp, trong trường hợp nước thải công nghiệp đầu vào không đạt thì tiến hành khóa van đầu nối và yêu cầu xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Trong trường hợp nước đầu vào không đạt tiêu chuẩn đầu nối thì tiến hành chặn tiếp nhận tại điểm đầu nối và yêu cầu xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối.

- Lắp đặt máy phát điện dự phòng dành riêng cho hệ thống XLNTTT.

- Thường xuyên giám sát hiệu quả xử lý tại từng công đoạn xử lý của hệ thống XLNTTT bằng cách lấy mẫu và thực hiện phân tích tại phòng thí nghiệm nội bộ.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành

hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài, ứng phó sự cố.

- Cán bộ vận hành kiểm tra, theo dõi, giám sát chất lượng nước thải đầu vào và tình trạng vận hành của hệ thống XLNTTT tại từng ca vận hành.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT của KCN Nội Bài:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống	
			Nước thải sinh hoạt	Nước thải công nghiệp
1	Nhiệt độ	°C	-	40
2	Màu	Pt/Co	-	150
3	pH	-	5,5 – 9	5,5 – 9
4	BOD ₅	mg/l	240	240
5	COD	mg/l	-	350
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200	200
7	Tổng chất rắn hoà tan TDS	mg/l	1.200	-
8	Asen	mg/l	-	0,1
9	Thủy ngân	mg/l	-	0,01
10	Chì	mg/l	-	0,5
11	Cadimi	mg/l	-	0,1
12	Crom (VI)	mg/l	-	0,1
13	Crom (III)	mg/l	-	1
14	Đồng	mg/l	-	2
15	Kẽm	mg/l	-	3
16	Niken	mg/l	-	0,5
17	Mangan	mg/l	-	1
18	Sắt	mg/l	-	5
19	Tổng Xianua	mg/l	-	0,1
20	Tổng Phenol	mg/l	-	0,5
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10
22	Sunfua	mg/l	4	0,5
23	Florua	mg/l	-	10
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	200	10
25	NO ₃ ⁻	mg/l	60	-
26	PO ₄ ³⁻	mg/l	20	-
27	Tổng Nitơ	mg/l	-	50
28	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	-	7

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống	
			Nước thải sinh hoạt	Nước thải công nghiệp
29	Clorua	mg/l	-	700
30	Clo dư	mg/l	-	2
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	-	0,1
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	mg/l	-	1
33	Tổng PCB	mg/l	-	0,01
34	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	$<10^6$	$<10^9$
35	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	-	0,1
36	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	-	1
37	Dầu mỡ động, thực vật (*)	mg/l	20	20
38	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	20	-

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN Nội Bài bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống XLNTTT phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

- Không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của kênh mương thủy lợi.
- Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành công trình thủy lợi trong việc nạo vét công trình thủy lợi tiếp nhận theo quy định.
- Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và

quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống XLNTTT.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước cấp.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy nén khí của hệ thống XLNTTT và hệ thống xử lý nước cấp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2348489, Y = 584198.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2348497, Y = 584122.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2348464, Y = 584172.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán.
- Thường xuyên theo dõi, bảo trì máy móc (kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).
- Máy móc phát sinh tiếng ồn được lắp đặt chìm hoặc lắp đặt trong nhà chứa riêng kín.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chỉnh đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có chứa thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp,..)	07 03 10	1,2
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	0,2
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	14.500
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
5	Dầu bôi trơn động cơ, hộp số, dầu bôi trơn, dầu tổng hợp thải	17 02 03	20
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	124
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	1
8	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác	18 01 04	60
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	45
Tổng khối lượng			14.756,4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn nạo vét từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hồ ga,...	12 06 13	33.000
2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp phục vụ sinh hoạt và công nghiệp	12 06 09	72.000
Tổng khối lượng			105.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến: 63 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy được dán nhãn cảnh báo nguy hại và bao bì.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa CTNH:

+ Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 50 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, cửa sắt; có thiết bị thu gom chất lỏng trong trường hợp rò rỉ ra bên ngoài thiết bị lưu chứa, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định, trang bị dụng cụ, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Kho lưu chứa bùn thải.

+ Diện tích khoảng 12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, có rãnh và hố thu gom nước thải về hệ thống XLNTTT để xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 01 thùng chứa (container) bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu chứa có diện tích khoảng 15 m², nền cứng, có mái tôn che, bên trong có hố thu nước thải phát sinh trong quá trình lưu chứa để bơm vào bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước cấp.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu chứa có diện tích khoảng 12 m², có mái tôn, tường bao quanh, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các công trình và hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 535/QĐ-MTg ngày 9/5/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nội Bài” và tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng mở rộng khu công nghiệp Nội Bài”; không còn hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện các yêu cầu của pháp luật về thủy lợi và các nội dung theo văn bản thỏa thuận với cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

4. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế về bảo vệ môi trường của KCN Nội Bài theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./..

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 01.001321.T
(Cấp lần: 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Tamron Optical (VIỆT NAM)

Địa chỉ văn phòng: Lô 69A&70B, khu công nghiệp Nội Bài, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Điện thoại: 043 7621759

Fax: 043 7621758

Tài khoản số: 19026024230015

Tại: Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Ba Đình

Giấy chứng nhận đầu tư số: 012043000434

Chứng nhận lần đầu, ngày 04/5/2012

Nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Các trách nhiệm khác:
 - Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động/.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCMT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.001321.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2, ngày 02 tháng 6 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH Tamron Optical (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lô 69A&70B, khu công nghiệp Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Điện thoại: 043 7621759

Fax: 043 7621758

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/ lỏng/bùn)	Số lượng TB (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	400	07 03 05
2	Nhũ tương, dung dịch thải từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	16.815	07 03 04
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	210	18 01 02
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	250	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang, thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	703	16 01 06
6	Vật liệu lọc (tấm lọc; khẩu trang; than hoạt tính; giấy thấm, bông thấm dầu); giẻ lau, vải bảo vệ, găng tay dính dầu	Rắn	13.828	18 02 01
7	Hộp mực in thải	Rắn	650	08 02 04
8	Linh kiện điện tử thải	Rắn	120	16 01 13
9	Vật liệu mài đã qua sử dụng có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	14.200	07 03 10
10	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại	Rắn	16.800	07 03 08
11	Phoi kim loại dính dầu từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	200	07 03 11
12	Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Lỏng	25.760	19 10 01
13	Mực in thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	950	08 02 01
14	Các loại chất thải vô cơ, hữu cơ nhiễm thành phần nguy hại (bìa carton, găng tay cao su, bút lông, xi lanh, khay nhựa dính dầu, mực)	Rắn	430	19 12 03
15	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Bùn	12.000	07 03 07
	Tổng số lượng		103.316	

PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.001321.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2, ngày 02 tháng 6 năm 2014)

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt, văn phòng, sản xuất thông thường (giấy, bìa, nilon, thủy tinh, nhựa, sắt, gỗ...)	Rắn	45.920
	Tổng số lượng		45.920

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: không có.**5. Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ Hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang
bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----000-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ / CONTRACT

Số/No:20260195/HĐPL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005
- Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14
- Pursuant to Environment Protection Law No: 72/2020/QH14
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Pursuant to Circular No 02/2022/TT – BTNMT of regulations on Hazardous Waste Management of the Ministry of Natural Resources and Environment.

Hôm nay, ngày 06/05/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, chúng tôi gồm có:

Today, on May 06th, 2026, at head office of Thuan Thanh Environment JSC, we are:

BÊN A/ PARTY A

: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

WASTE GENERATOR

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD

Địa chỉ/ Address

: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam/ Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam

Mã số thuế/ Tax code

: 0105885582

Điện thoại/ Phone

: 024-3762-1759

Fax: 024-3762-1758

Người đại diện/ Represented by

: Ông/Mr. LUO QIANG

Chức vụ/Title

: Tổng Giám đốc / General Director

Tài khoản/ Account No

: 19026024230015 Tại ngân hàng Techcombank – CN Ba Đình – Hà Nội. / At Techcombank, Ba Dinh Branch, Ha Noi

Loại hình doanh nghiệp/ Type of business

: Doanh nghiệp chế xuất/Enterprise Processing Export (EPE)

BÊN B/ PARTY B

: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

THUAN THANH ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ/ Address

: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam./ CN6 street, Thuan Thanh 3

Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province,
Vietnam

Mã số thuế/ Tax code : 2300426314

Điện thoại/ Phone : 0222.3952.383

Fax: 02223.952.555

Người đại diện/ Represented by : Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU

Chức vụ/Title : Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Manager

Đại diện theo giấy ủy quyền số 25/GUQ-MTTT ký ngày 12/03/2026

Representative under Power of Attorney No. 25/GUQ-MTTT signed on 12/03/2026

Tài khoản/ Account No : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà
Thành / 0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thanh Branch

**Hai bên cùng nhau thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau / Both side have discussed &
agreed terms & conditions as the followings:**

Điều 1 / Article 1: Quy định về hàng hoá / Term of Goods

Bên B mua lại phế liệu có thể tái chế được của bên A, nếu bên A có nhu cầu bán, theo danh mục
trong phụ lục số No. 01 kèm theo.

*Party B buys waste / scrap materials which can be recycled from party A, if party A wants to sell,
as mentioned in the attached annex No. 01*

**Điều 2 / Article 2: Thủ tục thu mua và trách nhiệm chung của hai bên / Responsibility of two
Parties:**

●Trách nhiệm của bên A:

- Bên A sẽ bán cho bên B những chủng loại phế liệu đã nêu tại điều 1 của hợp đồng.
- Tập trung phế liệu đúng nơi quy định tại kho bãi của Công ty.
- Làm thủ tục cho bên B vào lấy hàng. Hai bên sẽ thống nhất lịch lấy hàng hoặc khi muốn bán sẽ thông báo trước cho bên B.
- Tạo điều kiện cho bên B sắp xếp và nhận hàng đúng thời gian thoả thuận.
- Cử người giám sát khối lượng để làm cơ sở thanh toán.
- Biên bản giao nhận hàng được lập thành hai bản (02 bản) có chữ ký xác nhận của nhân viên phụ trách của 2 bên, mỗi bên nhận một bản để làm cơ sở vận chuyển và thanh toán.

●For party A:

- *Party A will sell scrap materials for party B as notified in this contract.*
- *Containing all scrap materials in the store of the company.*
- *Make the procedure for Party B to enter the Party A's premises. Party A will discuss with Party B on schedule to take scrap material out or will inform to the party B when Party A needs to sell scrap material.*
- *Create good conditions for party B to sort up & to receive goods on agreed time.*
- *Appoint staff to control & to record the scrap quantity for making basis of payment*



Quantity record will be made into 2 equally authentic copies with signatures by both sides representative staffs and will be sent each to party for basic of transportation & payment

● Trách nhiệm của bên B:

- Thu mua phế liệu của bên A đúng theo chủng loại có trong hợp đồng.
- Tuỳ theo lượng phế liệu phát sinh tại bên A mà bên B có trách nhiệm cử nhân viên thu xếp tại khu vực để phế liệu của bên A.
- Sau khi nhận được thông báo bán hàng từ bên A, bên B tự sắp xếp, bố trí người bốc xếp và phương tiện vận chuyển. Khi lấy hàng phải nhanh gọn, đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Khi xe vào và ra khỏi công ty, bên B phải có trách nhiệm cùng bên A lập, trình, ký xác nhận các giấy tờ theo quy định ra vào của Công ty.
- Bên B cam kết không tiết lộ thông tin kỹ thuật về sản phẩm của bên A cho bên thứ 3. Bên B cam kết hủy các sản phẩm lỗi trước khi tái xuất cho công ty khác

● For party B:

- *Buy the waste materials of Party A following the description notified in this contract. Do not take any other goods from the company.*
- *Based on the quantity of scrap materials generated from Party A, Party B is responsible to discuss with Party B to arrange manpower for sorting up at scrap storage within party A premises.*
- *After receiving the selling announcement, Party B will arrange manpower, means of transport by oneself. During taking service within Party A premises, must follow Party A's rules & regulation on the environmental & hygiene management.*
- *When check in and check out, under requested by Party A, Party B have to declare, make and sign documents following the party A's regulation if any*
- *Not disclose the Party A's product spec & technology to the third party & committ to dispose them all before recycling*

Điều 3 / Article 3: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển / Location, Time & Means of transportation for scrap collecting.

- Địa điểm giao phế liệu: Tại CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) - địa chỉ: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam và tại CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC - địa chỉ: Lô số B-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
- *Address to collect: At TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD. - Address: Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Park, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam and at TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD. - VINH PHUC BRANCH - Address: Lot B-9, Thang Long Vinh Phuc Industrial Park, Binh Xuyen Commune, Phu Tho Province, Vietnam.*
- Địa điểm xử lý phế liệu: Tại Nhà máy xử lý chất thải và tái chế phế liệu – Đường CN6 KCN

Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

- *Address for processing: Thuan Thanh Factory, CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam*

- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển và bố trí nhân lực bốc xếp phế liệu lên xe của mình tuân theo quy định quản lý môi trường của bên A

- *Means of transport: Party B is responsible to arrange means of transport and to arrange manpower for loading. During taking service within Party A premises, must follow Party B's rules & regulation on the environmental & hygiene management*

- Hàng được giao ngay sau khi bên B làm xong thủ tục bàn giao theo quy định.

- *Scrap materials will be delivered whenever Party B finish the checking clearance*

Điều 4 / Article 4: Phương thức và thời gian thanh toán / Payment term

- Phương thức thanh toán: (theo yêu cầu của bên A)

- *Method of payment: As of Party A inquiry*

- Cơ sở & Thời gian thanh toán: Phiếu yêu cầu thanh toán sẽ được bên A gửi cho bên B sau ngày làm việc thứ 5 của một tháng, ngay sau khi nhận được phiếu yêu cầu thanh toán từ bên A, bên B phải có trách nhiệm kiểm tra và phúc đáp cho bên A nếu phát hiện bất kể điểm gì không khớp, nếu không có vấn đề gì, bên B phải hoàn tất việc thanh toán cho bên A trong vòng 30 ngày làm việc sau đó.

- *Basic & Time of payment: Party A will issue payment request based on collected quantity records time of payment: Party A will issue Payment request to Party B after the 5th working day of new working month calendar, Party B is responsible to check for correction & response to Party A. If all Payment request is correct, party B will settle up payment to Party A within the next 30 working days*

Điều 5 / Article 5: Cam kết chung / General terms

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào không thực hiện theo đúng cam kết thì bên đó chịu hoàn toàn trách nhiệm và phải bồi thường các khoản tổn thất đã gây ra. Một trong hai bên có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi gửi văn bản chính thức trước 30 ngày nếu bên kia không tuân thủ hoặc không có các hành động khắc phục và/hoặc cải thiện khi đã nhận được các nhắc nhở và/hoặc yêu cầu chính thức từ bên kia.

- *Two Parties pledge to implement all articles in this contract. If one of two Parties does not follow the commitment; it will bear all responsibility and compensate all damages caused by oneself. One of two Parties have the right to terminate the contact in next 30 days from the time of sending official document if the another side not following the terms in the contract and/or not improving / taking countermeasure after receiving remind and/or request to follow the terms in the contact.*

- Nếu bên B không thực hiện thanh toán theo đúng thời gian đã thoả thuận thì bên B phải chịu

582
GTY
HH
OPTII
NAM)
HÀ N

ƯƠNG TH
1426314

thêm lãi suất ngân hàng cho những ngày chậm thanh toán theo tỷ suất ngân hàng hiện hành.

- *If party B does not pay in time, party B should pay the interest as current rates issues by Vietnam banks for the number of delayed days.*

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A không được phép bán bất kể dạng phế liệu nào cho một đơn vị khác.

- *Party A will not sell these materials to 3rd party during the time of the contact*

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn hay thay đổi ngoài dự tính, hai bên phải thông báo cho nhau kịp thời, cùng bàn bạc giải quyết.

- *During the time of contract, If there is any difficulty or change subjected, two Parties should inform to each other in time for mutual understanding discussion*

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có thể yêu cầu thương thảo lại giá nếu có sự biến động giá trên thị trường trong thời gian dài. Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động lớn gây tổn thất lớn cho một trong 2 bên, một trong hai bên có quyền gửi văn bản đề nghị điều chỉnh bất thường.

- *During the time of contract, if there is price fluctuation by market in long lasting, both sides will discuss to adjust the price on the view point of mutual benefit. In case of any big price fluctuation by market can lead to huge lost to any party, one of 2 Parties have right to send official documents to ask for urgent discussion or price adjustment*

Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 01 năm (một năm) kể từ ngày ký. Trước ngày 05 tháng 05 năm 2027 (ngày hết hạn hợp đồng) nếu hai bên không có thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản thì hợp đồng tự động gia hạn mỗi lần 12 tháng qua các năm tiếp theo.

Hợp đồng được lập thành 02 bản tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản (bằng tiếng Anh và tiếng Việt)

This contract comes into effect within 01 years (one year) from the signing date. Before May 05th, 2027 (contract expiration date), if both parties do not notify in writing to terminate the contract, the contract will automatically renew for 12 months each time for the following years.

This contract made into 02 copies - in Vietnamese & English - each side keeps 01 copy (in Vietnamese and English).

- Hợp đồng này chỉ quy định các điều khoản chung như trên, các điều khoản về giá sẽ được đề cập trong các phụ lục kèm theo.

- *The general terms are listed / regulated in this contract body, the term of price is in the attached annex(s)*



ĐẠI DIỆN BÊN A / Party A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Qiang

ĐẠI DIỆN BÊN B / Party B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----***-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG / ANNEX CONTRACT

NO. 01

Căn cứ hợp đồng số: 20261095/HĐPL ngày 06 tháng 05 năm 2026/ *Based on the CONTRACT*

NO: 20261095/HĐPL dated: May 06th, 2026

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên. / *Based on the ability and requirement of both parties*

Hôm nay, ngày 06/05/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, chúng tôi gồm có:

Today, on May 06th, 2026, at head office of Thuan Thanh Environment JSC, we are:

BÊN A/ PARTY A

WASTE GENERATOR

Địa chỉ/ *Address*

Mã số thuế/ *Tax code*

Điện thoại/ *Phone*

Người đại diện/ *Represented by*

Chức vụ/ *Title*

Tài khoản/ *Account No*

Loại hình doanh nghiệp/ *Type of business*

BÊN B/ PARTY B

Địa chỉ/ *Address*

Mã số thuế/ *Tax code*

**: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD**

: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam/ *Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam*

: 0105885582

: 024-3762-1759

Fax: 024-3762-1758

: Ông/Mr. LUO QIANG

: Tổng Giám đốc / *General Director*

: 19026024230015 Tại ngân hàng Techcombank – CN Ba Đình – Hà Nội. / *At Techcombank, Ba Dinh Branch, Ha Noi*

: Doanh nghiệp chế xuất/ *Enterprise Processing Export (EPE)*

**: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
THUAN THANH ENVIRONMENT JSC**

: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ *CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam*

: 2300426314



Điện thoại/ Phone : 0222.3952.383 Fax: 02223.952.555

Người đại diện/ Represented by : Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU

Chức vụ/Title : Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Manager

Đại diện theo giấy ủy quyền số 25/GUQ-MTTT ký ngày 12/03/2026

Representative under Power of Attorney No. 25/GUQ-MTTT signed on 12/03/2026

Tài khoản/ Account No : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà
Thành / 0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thanh Branch

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo danh mục và đơn giá như bảng sau/

Both side agree to sign the annex contract with term & price list as the followings:

1- Danh mục phế liệu và giá cả / Scrap items and unit prices:

STT/ No	Danh mục / Items	ĐVT Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú/ Note
1	Phế liệu túi nilon/ Plastic Bag Scrap	Kg	7,500	
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)/ Plastic scrap, used plastic box trays scrap (brown)/	Kg	6,000	
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)/ Plastic scrap, used plastic box tray scrap (white)	Kg	16,500	
4	Phế liệu gỗ/ Woods scrap	Kg	1,000	
5	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý/ Aluminium shavings scrap after treatment of hazardous ingredients	Kg	28,000	
6	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy/ Scrap carton box, paper	Kg	3,200	
7	Phế liệu nhựa đen/ Black plastic scrap	Kg	4,500	
8	Phế liệu sắt/ Iron scrap	Kg	6,500	

2- Danh mục phế liệu hàng hủy và giá thu mua / List of scrap to be destroyed and Purchase price:

STT/ No	Danh mục / Items	ĐVT / Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú/ Note
1	Phế liệu nhôm loại 2 / Aluminum scrap	Kg	12,000	
2	Phế liệu đồng loại 2/ Copper scrap	Kg	35,000	
3	Phế liệu sắt / Iron scrap	Kg	3,500	
4	Phế liệu nhựa / Plastics scrap	Kg	2,500	
5	Phế liệu vải/ Cloth scrap	Kg	200	

6	Phế liệu cao su / <i>Rubber scrap</i>	Kg	200	
7	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy/ <i>Scrap carton box, paper</i>	Kg	3,200	

• **Ghi Chú / Note:**

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT / *Price include VAT*
- Bên mua chịu trách nhiệm mở tờ khai hải quan hai đầu/ *Buyer is responsible for opening customs declarations either end*

2- Các điều khoản khác / Other Terms:

+ Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng No 20261095/HĐPL ngày 06 tháng 05 năm 2026. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi / *This Annex Contract is not detached itself from the original Contract NO. 20261095/HĐPL date: May 06th, 2026. The terms and conditions of the original contract shall remain in force and unchanged.*

+ Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 bản tiếng anh và tiếng Việt. Mỗi bên giữ 01 bản (bằng tiếng Anh và tiếng Việt)/ *This Annex Contract is effective from the date of signing and made into 02 copies in Vietnamese and English. Each party shall keep one original copy (in English and Vietnamese).*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Quang



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====&=====

HỢP ĐỒNG / CONTRACT

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP, NGUY HẠI

INDUSTRIAL WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION & TREATMENT

Số/ No:20260194/HĐXL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005
- Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14
- Pursuant to Environment Protection Law No: 72/2020/QH14
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Pursuant to Circular No 02/2022/TT – BTNMT of regulations on Hazardous Waste Management of the Ministry of Natural Resources and Environment.
- Căn cứ và khả năng và nhu cầu của hai bên.
- Pursuant to the demand of waste collection, transportation & treatment from both sides

Hôm nay, ngày 06/05/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, chúng tôi gồm có:
Today, on May 06th, 2026, at head office of Thuan Thanh Environment JSC, we are:

BÊN A/ PARTY A

WASTE GENERATOR

Địa chỉ/ Address

Mã số thuế/ Tax code

Điện thoại/ Phone

Người đại diện/ Represented by

Chức vụ/Title

Tài khoản/ Account No

Loại hình doanh nghiệp/ Type of business

BÊN B/ PARTY B

Địa chỉ/ Address

Mã số thuế/ Tax code

Điện thoại/ Phone

Người đại diện/ Represented by

Chức vụ/Title

: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD

: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam/ Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam

: 0105885582

: 024-3762-1759

Fax: 024-3762-1758

: Ông/Mr. LUO QIANG

: Tổng Giám đốc / General Director

: 19026024230015 Tại ngân hàng Techcombank – CN Ba Đình – Hà Nội. / At Techcombank, Ba Dinh Branch, Ha Noi

: Doanh nghiệp chế xuất/Enterprise Processing Export (EPE)

: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

THUAN THANH ENVIRONMENT JSC

: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam./ CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam

: 2300426314

: 0222.3952.383

Fax: 02223.952.555

: Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU

: Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Manager

Đại diện theo giấy ủy quyền số 25/GUQ-MTTT ký ngày 12/03/2026

Representative under Power of Attorney No. 25/GUQ-MTTT signed on 12/03/2026

Tài khoản/ Account No : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà
Thành / 0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thanh Branch

Hai bên cùng nhau thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Both side have discussed & agreed terms & conditions as the followings:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau

Terms 1: Party A trusts party B and make contract to hire Party B do the following works:

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại từ kho chứa chất thải công nghiệp, nguy hại của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam.

Collection, transportation and disposal of domestic waste industrial waste, hazardous from the storage of Party to the place to storage or to treat the wastes following Vietnam regulations on waste treatment & environment protection.

ĐIỀU 2 : Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển.

Terms 2: Place & time for waste collection, mean of transportation:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại vị trí chứa chất thải của Bên A

1.1. CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM), địa chỉ: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam

1.2. CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC, địa chỉ: Lô số B-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Place to collect the waste: in/at the waste storage location of Party A,

1.1. TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD, address: Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Park, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam

1.2. TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD - VINH PHUC BRANCH, address: Lot B-9, Thang Long Vinh Phuc Industrial Park, Binh Xuyen Commune, Phu Tho Province, Vietnam.

2. Thời gian giao nhận: : Chậm nhất sau 48 tiếng kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax)

Transfer time: Latest by 48 hours after receiving request from Party A (by phone, fax or email)

3 Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.

Means of transportation: Party B takes responsibility to arrange registered standard truck(s) following Vietnam Law. The trucking must follow Party A's regulation.

ĐIỀU 3: Đơn giá và thể thức thanh toán:

Terms 3: Unit price and payment method:

1. Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá này có thể được điều chỉnh thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên.

Unit price of Collection, transportation treatment waste and purchasing scrap according to the Annex attached and that is an integral part of this contract. During implement, unit price may be adjusted with agreement of both parties.

2. Ngày 30 hàng tháng, Bên B sẽ lập bảng tổng hợp khối lượng chất thải (bao gồm đơn giá và số lượng cụ thể) để hai bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.

On the 30th of the month, Party B will make a Table of total waste quantity (including unit price and actual volume) to compare, confirm and make base of payment.

- Đối với số liệu chất thải phát sinh tại CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM), bên B xuất hoá đơn theo thông tin sau/ Regarding waste data generated at TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD., Party B issues invoices with the following information:

- CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)/ TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD

- Mã số thuế/ Tax code : 0105885582

- Địa chỉ/ Address: Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam / Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Park, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam

- Đối với số liệu chất thải phát sinh tại CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC, bên B xuất hoá đơn theo thông tin sau/ Regarding waste data generated at TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD - VINH PHUC BRANCH, Party B issues invoices with the following information:

- CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC/ TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD - VINH PHUC BRANCH

- Mã số thuế/ Tax code : 0105885582-001

- Địa chỉ/ Address: Lô số B-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam / Lot B-9, Thang Long Vinh Phuc Industrial Park, Binh Xuyen Commune, Phu Tho Province, Vietnam.

3. Phương thức và thời gian thanh toán: Sau khi ký biên bản nghiệm thu khối lượng, Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản vào cuối tháng của tháng kế tiếp sau tháng nhận Biên bản nghiệm thu khối lượng và Hóa đơn hợp lệ của Bên B. Trường hợp Bên A chậm thanh toán chi phí xử lý chất thải từ 05 (năm) ngày trở lên thì Bên B có quyền khấu trừ trực tiếp chi phí xử lý vào chi phí thanh toán phế liệu và/hoặc tạm dừng việc thanh toán chi phí thu mua phế liệu cho đến khi Bên A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản đến hạn.

Payment method: After signing the acceptance record volume, Party A will be paid by bank transfer at the end of next month after the month of May received volumes acceptance record and a valid bill of Party B. In case Party A delays payment of waste treatment costs for 05 (five) days or more, Party

058
CÔ
T
RON
IET
PHC

HÂN V
M.S.D

B has the right to directly deduct the processing costs from the scrap payment costs and/or suspend the payment of scrap purchasing costs until Party A completes its obligation to pay the due amounts.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của mỗi bên.

Terms 4: Responsibility of Party

Trách nhiệm của Bên A/ Responsibility of Party A:

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

Support to party B in collecting and putting in suitable are to pick up waste conveniently. Support fork lift during collecting waste in essential situation, and providing necessary document go in and out factory entrance.

- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

Make sure the components are same informed to Party B. Must not mix waste each other.

- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

Assign representative to guide and make Transfer volume report of waste to make base of payment

- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Confirm and transfer all hazardous waste documents to Party B after transport waste process in accordance with Circular 02/2022/TT-BTNMT.

- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

Party A has right to check and observe its process of transferring, weighing and measuring of hazardous/ non-hazardous waste. Party A makes sure that this observation does not cause any adverse affects on Party B's activities.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

Payment in full and on time to Party B.

Trách nhiệm của Bên B/ Responsibility of party B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.

Loading, transporting, storing and treating the harmful waste in right place, on time and with guaranteed quality; ensuring not to cause environmental pollution during the aforementioned process.

- Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

After hazardous waste of party A delivered to party B, if there are any occur (lost, effect hygienic environmental) during transporting process, handling, treating waste, party B wholly it.

- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Ensure that transportation, storage and treatment of waste in accordance with regulations of harmful waste treatment and environment protection of Vietnam.

- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.

Have the troubleshooting method to settle the incident of waste overflow, leak, fire and Party B takes responsibility for training the staff to settle that incident. Being responsible for improving technologies so as to obtain the best treatment result and reduce the treatment expense and guarantee the amicableness to the environment.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

If anything rises in the process of collection, transportation, treatment waste, Party B will inform Party A.

- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Confirm and transfer all hazardous waste documents to Party A after completion the treatment wastes process in accordance with Circular 02/2022/TT-BTNMT.

- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

Issue invoice to Party A basing on volume implemented monthly.

ĐIỀU 5: Điều khoản chung.

Terms 5: General Terms.

1. Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Apart from matters related to chemical technology and know-how, two parties pledge to discuss openly related information on industrial waste treatment.

2. Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.

If having any change or supplement of contract, document must be made with agreement of both parties and that is an integral part of this contract.

92-C.7
TY
ICAL

JONG

nh

2426

3. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền. .

Two parties need to inform to each other about rate of carrying out contract, if anything rises, the 2 parties must inform to each other and amicably discuss to find out the best solution. In case the dispute cannot be settled, it will be brought to competent course.

ĐIỀU 6: Hiệu lực hợp đồng.

Terms 6: Validity of the contract

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 06/05/2026 đến 05/05/2027 và được lập thành 02 bản tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý để làm căn cứ thực hiện. Trước ngày 05 tháng 05 năm 2027 (ngày hết hạn hợp đồng) nếu hai bên không có thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản thì hợp đồng tự động gia hạn mỗi lần 12 tháng qua các năm tiếp theo.

This contract is valid from 06/05/2026 to 05/05/2027 & made into 02 copies - in Vietnamese & English - each side keeps 01 copy of equal value. Before May 05th, 2027 (contract expiration date), if both parties do not notify in writing to terminate the contract, the contract will automatically renew for 12 months each time for the following years.

2. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai bên (A và B), không có hiệu lực với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

This contract is valid to the above 02 parties only, not valid to the third Party.



ĐẠI DIỆN BÊN A / Party A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Qiang



ĐẠI DIỆN BÊN B / Party B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG / ANNEX CONTRACT

Số: 01/ No: 01

- Căn cứ hợp đồng số 20260194/HĐXL ngày 06/05/2026.

Based on the Contract no 20260194/HĐXL dated: 06/05/2026.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên/*Based on the ability and requirement of both parties.*

Hôm nay, ngày 06/05/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, chúng tôi gồm có:
Today, on May 06th, 2026, at head office of Thuan Thanh Environment JSC, we are:

BÊN A/ PARTY A : **CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)**
WASTE GENERATOR : **TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO.,LTD**
Địa chỉ/ Address : Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam/ *Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam*

Mã số thuế/ Tax code : 0105885582

Điện thoại/ Phone : 024-3762-1759 Fax: 024-3762-1758

Người đại diện/ Represented by : **Ông/Mr. LUO QIANG**

Chức vụ/Title : **Tổng Giám đốc / General Director**

Tài khoản/ Account No : 19026024230015 Tại ngân hàng Techcombank – CN Ba Đình – Hà Nội. / *At Techcombank, Ba Dinh Branch, Ha Noi*

Loại hình doanh nghiệp/ Type of business : **Doanh nghiệp chế xuất/Enterprise Processing Export (EPE)**

BÊN B/ PARTY B : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**
THUAN THANH ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ/ Address : Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam./ *CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam*

Mã số thuế/ Tax code : 2300426314

Điện thoại/ Phone : 0222.3952.383 Fax: 02223.952.555

Người đại diện/ Represented by : **Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU**

Chức vụ/Title : **Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Manager**

Đại diện theo giấy ủy quyền số 25/GUQ-MTTT ký ngày 12/03/2026

Representative under Power of Attorney No. 25/GUQ-MTTT signed on 12/03/2026

Tài khoản/ Account No : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà Thành / *0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thanh Branch*

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo danh mục và đơn giá như bảng sau .

Both sides agree to sign the annex contract with terms & price lists as the followings:

1- Danh mục và giá / Waste items and prices:

I. Danh mục và đơn giá xử lý CTNH/ Items & Price unit hazardous waste treatment

STT /No.	Danh mục / Items	ĐVT Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú/ Note
1	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình/ <i>Synthetic oil from the shaping process</i>	Kg	2,000	
2	Nhũ tương, dung dịch thải/ <i>Emulsions and solvent waste.</i>	Kg	3,500	
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải/ <i>Packaging waste metal hardware</i>	Kg	1,500	
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải/ <i>packaging waste plastic hardware</i>	Kg	1,500	
5	Bóng đèn huỳnh quang/ <i>Spoiled fluorescent lamp</i>	Kg	3,000	
6	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu/ <i>Rag contaminated with oil.</i>	Kg	4,000	
7	Hộp mực in thải/ <i>Waste from dust collector</i>	Kg	4,500	
8	Linh kiện điện tử thải/ <i>Waste electronic</i>	Kg	2,000	
9	Vật liệu mài đã qua sử dụng có chứa các thành phần nguy hại (1)/ <i>Abrasive materials used contain hazardous components (1)</i>	Kg	3,000	
10	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại (2)/ <i>The abrasive granular have hazardous components (2)</i>	Kg	3,000	
11	Phoi kim loại dính dầu (phoi nhôm)/ <i>Oiled aluminium shavings</i>	Kg	1,500	
12	Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại/ <i>Water have hazard materials</i>	Kg	2,700	
13	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc vécni/ <i>Suspension of wastewater mixed with paint or varnish.</i>	Kg	2,700	
14	Mực in thải/ <i>Waste of printing ink</i>	Kg	3,500	
15	Các loại chất thải vô cơ, hữu cơ nhiễm thành phần nguy hại (xi lanh, khay nhựa...)/ <i>The inorganic, organic waste contaminated hazardous constituents (cylinder, plastic tray ...)</i>	Kg	3,000	
16	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình/ <i>Sludge with the hazardous constituents from the shaping process</i>	Kg	2,000	
17	Thủy tinh thải (Không nhiễm thành phần nguy hại)/ <i>Waste Glass (not contaminated hazardous constituents)</i>	Kg	1,500	
18	Bùn sinh học (Dạng bùn lỏng)/ (Tỷ lệ quy đổi 1m ³ = 1.100 kg) <i>Biological mud(Liquid sludge form)</i>	M3	800,000	
19	Xử lý bể phốt, bể mỡ / <i>Septic tank</i> (Tỷ lệ quy đổi 1m ³ = 1.100 kg)	M3	700,000	
20	Rác thải sinh hoạt thông thường/ <i>Domestic waste</i>	Kg	Miễn phí	
21	Rác công nghiệp thông thường/ <i>Ordinary industrial waste</i>	Kg	Miễn phí	

Ghi chú/Note:

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT / Price does not include VAT

II. Danh mục và đơn giá dịch vụ:

Service list and unit price:

STT /No.	Danh mục / Items	ĐVT/ Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú/ Note
1	Hút trung chuyển bùn <i>Suction and transfer of magnetic sludge</i>	M ³	450.000	tối thiểu 6 M ³ , nếu dưới 6M ³ vẫn tính là 6 M ³ <i>Minimum 6 M³, if less than 6 M³ still counted as 6 M³</i>

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT / Price does not include VAT
- Hút trung chuyển bùn từ CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) địa chỉ Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam lên CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM) – CHI NHÁNH VĨNH PHÚC, Lô số B-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- *Suction and transfer of magnetic sludge from TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD, Lots 69B and 70A, Noi Bai Industrial Park, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam to TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD – VINH PHUC BRANCH, Lot B-9, Thang Long Vinh Phuc Industrial Park, Binh Xuyen Commune, Phu Tho Province, Vietnam*

2- Các điều khoản khác / Other Terms:

- + Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 20260194/HĐXL ký ngày 06/05/2026. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi/ This Annex Contract is not detached itself from the original Contract NO. 20260194/HĐXL date: 06/05/2026 . The terms and conditions of the original contract shall remain in force and unchanged.
- + Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 bản tiếng anh và tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản (bằng tiếng Anh và tiếng Việt)./ This Annex Contract is effective from the date of signing and made into 02 copies in Vietnamese and English with the same legal validity. Each party shall keep one original copy (in English and Vietnamese).



ĐẠI DIỆN BÊN A / Party A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Qiang



ĐẠI DIỆN BÊN B / Party B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 024.37621759 Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

SALES INVOICE

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)

(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 00774234A2B25C48C58F2F9F4585555FBA

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00000052

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu phố Ngọc Khảm, phường Gia Đông, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phoi nhôm phế liệu	Kg	4,203	24,000	100,872,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng màu nâu	Kg	7,268	5,700	41,427,600
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng màu trắng	Kg	3,339	16,500	55,093,500
4	Nhựa đen phế liệu	Kg	10,752	4,500	48,384,000
5	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	13,106	3,200	41,939,200

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

287,716,300

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, ba trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid



Ký: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 23/01/2025 13:19:24

Signature Valid



Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 23/01/2025 13:19:15

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR52687171

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 024.37621759

Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

SALES INVOICE

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)

(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 006142C00C42F64AAA90F826677BE88F30

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00000416

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu phố Ngọc Khám, phường Gia Đông, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	3,493	24,000	83,832,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	2,399	16,500	39,583,500
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	5,550	5,700	31,635,000
4	Phế liệu nhựa đen	Kg	9,611	4,500	43,249,500
5	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	11,660	3,200	37,312,000

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

235,612,000

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid

Ký: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/04/2025 16:59:34

Signature Valid

Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 25/04/2025 16:59:29

Link tra cứu: <https://0105885582-tn78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR416575482

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 024.37621759 Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00000734

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)
(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 00E3E5D9A5111A402BBFCEFEF77EBAEB4C

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu phố Ngọc Khảm, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	2,906	20,000	58,120,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	2,199	15,000	32,985,000
3	Phế liệu nhựa đen	Kg	12,161	3,500	42,563,500

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount) 133,668,500

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Một trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid

Ký: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 15/07/2025 08:41:39

Signature Valid

Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 15/07/2025 08:41:31

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR734581268

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 024.37621759

Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00000735

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)
(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 0053614178252741BDB35D805C828CA9AA

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu phố Ngọc Khảm, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	5,552	4,700	26,094,400
2	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	13,042	3,200	41,734,400

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

67,828,800

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Sáu mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid

Ký: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 15/07/2025 08:42:02

Signature Valid

Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 15/07/2025 08:41:57

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR735260047

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 0988435618 Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00000858

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)

(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 004F8D6CD324024E88934D1E40D8128F79

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	1,323	20,000	26,460,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	1,602	4,700	7,529,400
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	727	15,000	10,905,000
4	Phế liệu sắt	Kg	650	6,000	3,900,000
5	Phế liệu nhựa đen	Kg	1,965	3,500	6,877,500
6	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	5,176	3,200	16,563,200

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

72,235,100

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Bảy mươi hai triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 08/08/2025 15:51:19

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 08/08/2025 15:51:13

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR858915683

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông- VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 0988435618

Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00001079

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)

(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 005AD480268CD44AA184F690E53911E6AE

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	1,369	20,000	27,380,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	2,131	4,700	10,015,700
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	890	15,000	13,350,000
4	Phế liệu nhựa đen	Kg	2,652	3,500	9,282,000
5	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	4,607	3,200	14,742,400

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

74,770,100

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, một trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid

Ký: CN=CỤC THUẾ O-BỘ TÀI
MINHLL=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 17/09/2025 08:05:21

Signature Valid

Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 17/09/2025 08:05:10

Link tra cứu: <https://0105885582-ti78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR1079312957

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 0988435618

Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00001185

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)

(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 0007FEA08FC45D43A996B63457635BAC5E

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	1,319	20,000	26,380,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	2,214	4,700	10,405,800
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	1,227	15,000	18,405,000
4	Phế liệu nhựa đen	Kg	3,229	3,500	11,301,500
5	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	4,724	3,200	15,116,800

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

81,609,100

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Tám mươi một triệu, sáu trăm linh chín nghìn, một trăm đồng

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid
Ký: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 07/10/2025 11:59:05

Signature Valid
Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 07/10/2025 11:58:54

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR1185314085

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 0988435618 Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00001407

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)
(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 0077EFAB29EEEE4BDD9BE0F6E9D1C50066

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	1,204	20,000	24,080,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	2,319	4,700	10,899,300
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	1,848	15,000	27,720,000
4	Phế liệu nhựa đen	Kg	2,953	3,500	10,335,500
5	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	5,427	3,200	17,366,400

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount) 90,401,200

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Chín mươi triệu, bốn trăm linh một nghìn, hai trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid
Ký: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
MINH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 18/11/2025 08:13:37

Signature Valid
Ký: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 18/11/2025 08:13:29

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR1407262701

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

TAMRON

CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
TAMRON OPTICAL (VIET NAM) CO., LTD

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu Công Nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Plot 69B & 70A Noi Bai Industrial Zone, Soc Son commune, Ha Noi city, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Điện thoại(Tel): 0988435618

Fax: 024.37621758

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG
SALES INVOICE

Ký hiệu/Serial: 2C25TTR

Số/Inv.No: 00001540

(Dùng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan)
(For those who is organisation, individual in free duty zone)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 00FC663C6DE4CB4780AFE7E2391FD43B88

Họ tên người mua hàng (Customer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản

Loại tiền (Currency Unit): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phế liệu thu được từ sản xuất				
1	Phế liệu phoi nhôm đã qua xử lý	Kg	1,143	20,000	22,860,000
2	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu nâu)	Kg	1,520	4,700	7,144,000
3	Phế liệu nhựa, khay hộp nhựa đã qua sử dụng (màu trắng)	Kg	1,647	15,000	24,705,000
4	Phế liệu gỗ	Kg	100	1,000	100,000
5	Phế liệu nhựa đen	Kg	3,145	3,500	11,007,500
6	Phế liệu vỏ hộp thùng carton, giấy	Kg	4,626	3,200	14,803,200

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ (Total selling amount)

80,619,700

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Tám mươi triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm đồng.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Sign, full name)

Signature Valid
Ký bởi: CN=CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
Ký ngày: 16/12/2025 10:55:28

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)
Ký ngày: 16/12/2025 10:55:19

Link tra cứu: <https://0105885582-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 127642001C25TTR1540537951

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông- VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 24 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0046629B1981914356BC76D95D17036298

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00000453

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải chứa TPNH từ quá trình gia công tạo hình	Kg	21.500,000	2.200	47.300.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý mực in thải	Kg	200,000	4.500	900.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải nhiễm TPNH	Kg	23.600,000	3.000	70.800.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý bể phốt, bể mỡ	Kg	5,000	700.000	3.500.000
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					122.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					122.500.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH

Ký ngày: 24/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): GDH6I88129AM

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Ký hiệu (*Sign*): 1C25TTP

Số (No): 00001110

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Ngày (Date) 28 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00F24A514AF74A4244A4A01CB2AB0309C7

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Ho tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản Số tài khoản (*Bank account*):

[illegible]

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): JPH2TD10ZLXR

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 3 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 007825187297774279A51086A54022EFE5

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00001834

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khảm, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69 B và 70A Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Linh kiện điện tử thải	Kg	8,710	3.000	26.130
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Kg	31.500,000	2.200	69.300.000
3	Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	37.000,000	3.000	111.000.000
4	Thủy tinh thải (không nhiễm thành phần nguy hại)	Kg	1.344,220	1.800	2.419.596
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					182.745.726
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					182.745.726
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Ký ngày: 31/03/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 7ZHXCOA8W20Q

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Ký hiệu (*Sign*): 1C25TTP

Số (No): 00002496

Ngày (Date) 29 tháng (month) 4 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 008931E0CCA9DA443B8366F032035CB64D

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (*Bank account*): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (*Buyer*):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản Số tài khoản (*Bank account*):

[illegible]



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00002496

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Ngày (Date) 29 tháng (month) 4 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 008931E0CCA9DA443B8366F032035CB64D

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[illegible]

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH

Ký ngày: 29/04/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00003212

Ngày (Date) 31 tháng (month) 5 năm (year) 2025

Mã CQT (Code):

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình phát sinh ngày 05/05/2025 theo hợp đồng số 20246117/HĐXL ký ngày 06/05/2024	Kg	3.500,000	2.200	7.700.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình phát sinh từ ngày 06/05/2025 đến ngày 30/05/2025 theo hợp đồng số 20250163/HĐXL ký ngày 06/05/2025	Kg	21.500,000	2.000	43.000.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý mực in thải	Kg	200,000	4.500	900.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại phát sinh ngày 05/05/2025 theo hợp đồng số 20246117/HĐXL ký ngày 06/05/2024	Kg	2.600,000	3.000	7.800.000
5	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại phát sinh từ ngày 06/05/2025 đến ngày 30/05/2025 theo hợp đồng số 20250163/HĐXL ký ngày 06/05/2025	Kg	27.000,000	2.800	75.600.000

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Số (No): 00003212

Ngày (Date) 31 tháng (month) 5 năm (year) 2025

Mã CQT (Code):

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[illegible]

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH

Ký ngày: 31/05/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 6 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0025E629AEDC9B4A16AE63D974C85028AD

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00003919

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Kg	34.500,000	2.000	69.000.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý mực in thải	Kg	500,000	4.500	2.250.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	35.800,000	2.800	100.240.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý thủy tinh thải (không nhiễm TPNH)	Kg	754,920	1.800	1.358.856
Cộng tiền hàng:			(Total before VAT):		172.848.856
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0
Tổng tiền thanh toán			(Total amount):		172.848.856
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH

Ký ngày: 30/06/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): E4H8S96EL92Z

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(*VAT Invoice*)

Ký hiệu (*Sign*): 1C25TTP

SỐ (No): 00004712

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Ngày (Date) 31 tháng (month) 7 năm (year) 2025

Mã COT (Code): 007C9969CF8D4743D58C4E9E1B7DE99BA1

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (*Bank account*): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản Số tài khoản (*Bank account*):

[illegible]

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 23HKUPAIR36B

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Moran Ranch

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Số (No): 00004712

Mã CQT (Code): 007C9969CF8D4743D58C4E9E1B7DE99BA1

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

[illegible]

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký ngày: 31/07/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00005466

Ngày (Date) 30 tháng (month) 8 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 008AC4F6B2B8EE44B497A72B9B5ED328B5

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)**

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Kg	20.250,000	2.000	40.500.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý mục in thải	Kg	800,000	4.500	3.600.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	25.400,000	2.800	71.120.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý thủy tinh thải (không nhiễm TPH)	Kg	850,480	1.800	1.530.864
Cộng tiền hàng:			(Total before VAT):		116.750.864
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0
Tổng tiền thanh toán			(Total amount):		116.750.864
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Một trăm mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: 30/08/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): QSHEI5NDBMGX

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 9 năm (year) 2025

Mã QCT (Code): 004BDFAE30BDE946729259F4E918C2A376

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00006228

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Kg	25.250,000	2.000	50.500.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý mực in thải	Kg	200,000	4.500	900.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	30.600,000	2.800	85.680.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý linh kiện điện tử thải	Kg	8,360	3.000	25.080
Cộng tiền hàng:			(Total before VAT):		137.105.080
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0
			Tổng tiền thanh toán (Total amount):		137.105.080
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):			Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm linh năm nghìn không trăm tám mươi đồng.		

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH

Ký ngày: 30/09/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 6XHKT7RZRRD8

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Ký hiệu (*Sign*): 1C25TTP

SỐ (No): 00007030

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00801750479BB64EB092FA806BD57F12EE

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): 2300426314

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (*Bank account*): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (*Buyer*):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản Số tài khoản (*Bank account*):

[illegible]

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): ZLHDCE90723Z

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

 Kuran Kank

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

SỐ (No): 00007030

Mã CQT (Code): 00801750479BB64EB092FA806BD57F12EE

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

2/2

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00007913

Ngày (Date) 29 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 002D412A69805746D8BD8140AA0C5390DA

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)**

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Kg	33.000,000	2.000	66.000.000
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý mực in thải	Kg	400,000	4.500	1.800.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý Nước thải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	34.400,000	2.800	96.320.000
4	Thu gom, vận chuyển và xử lý thủy tinh thải (không nhiễm thành phần nguy hại)	Kg	988,250	1.800	1.778.850
Cộng tiền hàng:			(Total before VAT):		165.898.850
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0
Tổng tiền thanh toán			(Total amount):		165.898.850
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Một trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: 29/11/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): Q5HXXH5BJNLD

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

SỐ (No): 00008939

Ngày (Date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 006D71C5500A344E04A02817FBF2C27A58

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0105885582

Địa chỉ (Address): Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

[illegible]

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

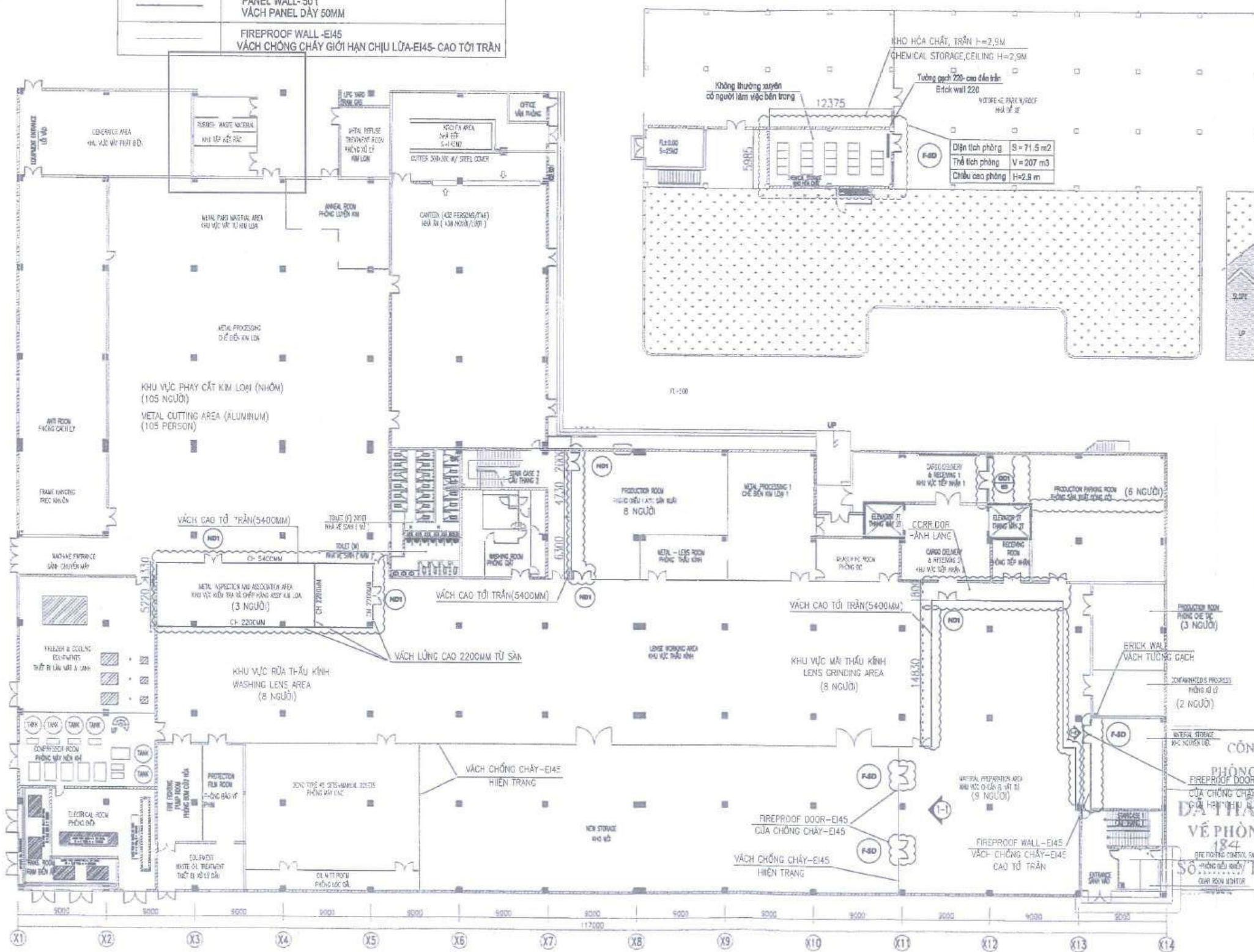
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký ngày: 31/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

LEGEND / GHI CHÚ

	BRICK WALL - 220 TƯỜNG GẠCH DÀY 220MM
	PANEL WALL - 50 VÁCH PANEL DÀY 50MM
	FIREPROOF WALL - E145 VÁCH CHỐNG CHÁY GIỚI HẠN CHỊU LỬA E145 CAO TỐI TRẦN



Tên công trình:

DỰ ÁN CẢI TẠO NHÀ MÁY
TAMRON OPTICAL VIỆT NAM

Địa điểm xây dựng

KHU CÔNG NGHIỆP NỘI BÀI, HUYỆN SÓC
SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Hạng mục:

PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Đơn vị thiết kế:

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
VÀ AN TOÀN ĐÔNG ĐÔ



Địa chỉ: Số 150675,
Ngọc Khánh - Giảng Ng - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 0437834116 Fax: 0437475202
E-mail: dongdodt@gmail.com

Giám đốc:

TRẦN VĂN YẾN

Kiểm:

NGUYỄN HỮU ĐẠT

Chủ trì thiết kế:

LÊ VIỆT TUÂN

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

ĐẠI THAM DUYỆT NGUYỄN HỮU QUÝ

VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

184

SỐ 184/TD-PCCC

ngày 05/03/2020

TÊN WALL' PLAN: RENOVATION

TẦNG T - MẶT BẰNG VÁCH SAU

CẢI TẠO

Ngày xuất bản:

Tháng 1-2020

Tỉ lệ:

1/400(A3)

Ký hiệu bản vẽ:

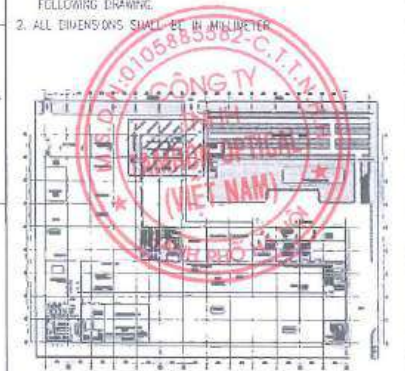
TOV-C-101

SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION

MAY 2013

NOTES:

1. THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH FOLLOWING DRAWING.
2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETER.



KEY PLAN

REV	DATE	DESCRIPTION	APPROVED

PROJECT: DVA AN

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) FACTORY PROJECT

LOCATION:

OWNER: CHỦ ĐẦU TƯ

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

APPROVED

DATE _____

MAN CONTRACTOR- NHÀ THẦU CHÍNH

SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED

DATE _____

SUB CONTRACTOR: HOW PRO



DIRECTOR

DRAWING TITLE: TÊN BẢN VẼ

LPG SYSTEM PLAN KITCHEN ROOM

SCALE	1/75
-------	------

DRAWING NO. KÝ HIỆU BẢN VẼ

STAGE	AS-BUILT
-------	----------

TOMP-KVC WA 11

DATE	APR-2013
------	----------

1040 JOURNAL OF POST KEYNESIAN ECONOMICS

SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION

1. THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH FOLLOWING DRAWING
2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETERS



SECTION A-A

(VIET NAM)

HÀ NỘI

METANOL TANK

FECL₃ TANK

NAOH TANK

NAOCL TANK

GROUND LEVEL

DETAIL 03

TO EQUALIZATION TANK

TO DISINFECTION TANK

NO. 1	1/50	DRAWING NO. 101 102 103 104
STAGE	AS-BUILT	TOP-KC-KA-10-10
DATE	4-2-2015	

SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION

MAY 2013

NOTES:

1. THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONNECTION WITH FOLLOWING DRAWING.

2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETER.



CH3OH TANK

FECL3 TANK

NaOH TANK

NaClO TANK

150

910

910

910

830

400

PIPE PPR D32

40

40

CH3OH PIPE U.PVC D21

FECL3 PIPE U.PVC D21

NaOH PIPE U.PVC D21

NaClO PIPE U.PVC D21

(A)

(1)

(2)

Diagram illustrating the cross-section of a storage tank farm. The tanks are labeled: NAOCL TANK, NAOH TANK, FECL₃ TANK, and METANOL TANK. The diagram shows the arrangement of the tanks, their heights (1000 and 700), and the overall dimensions (3250 total width, 1700 total height). A ground level line is indicated at the bottom.

REV	DATE	DESCRIPTION	AFFECTS
-----	------	-------------	---------

PROJECT: DJ AM

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) FACTORY PROJECT

LOCATION:

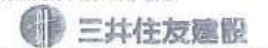
0'6, N.E. 10: CHU 0'6, 10'

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

APPROVED

DATE _____

MAN CONTRACTOR: NHÀ THẦU CHÍNH



SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED

DATE _____

SUB CONTRACTOR: THU PHU



DIRECTOR

DESIGNED BY

DRAWING TITLE: TÊN BẢN VẼ

PURE WATER AND CHEMICAL PIPE SECTION

SCALE	1/50
-------	------

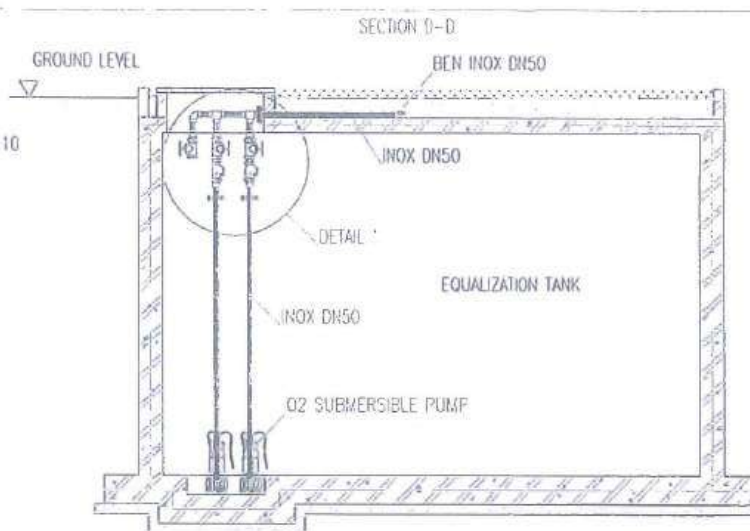
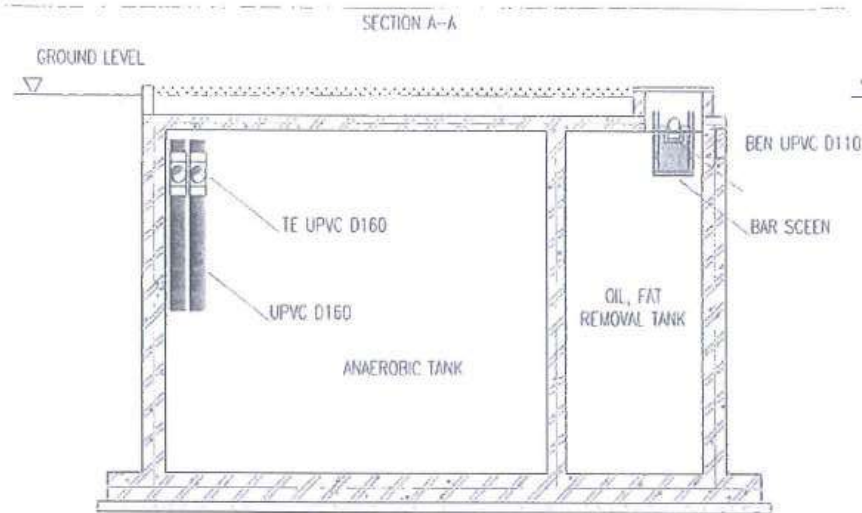
ĐIỀU LỆC NỘI QUY HỒ CHỮ HẠNH VIỆT

STAGE	AS-BUILT
-------	----------

TAP-AC-MH-10-09

DATE	APR 2015
------	----------

100-110-011-10-00
100-110-011-10-00



AS-BUILT DRAWING

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

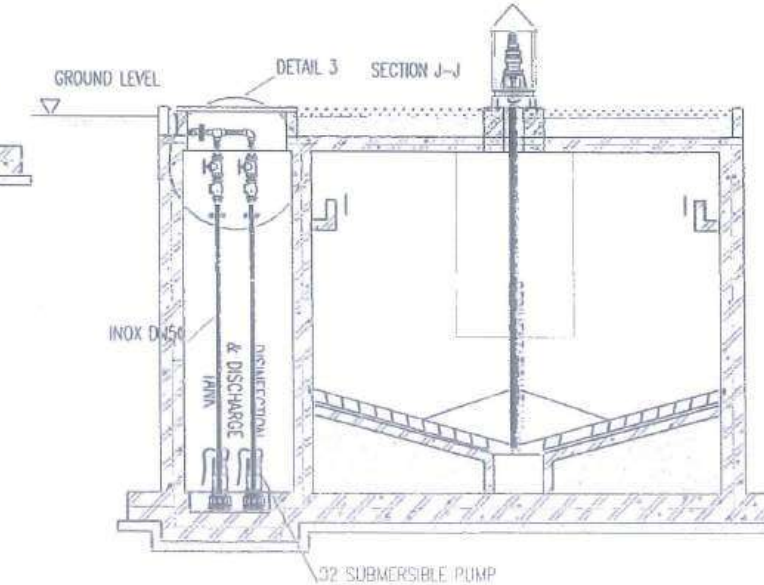
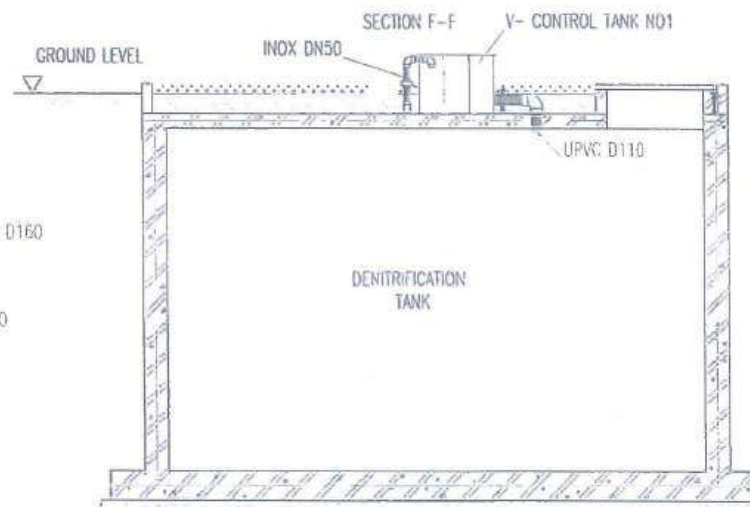
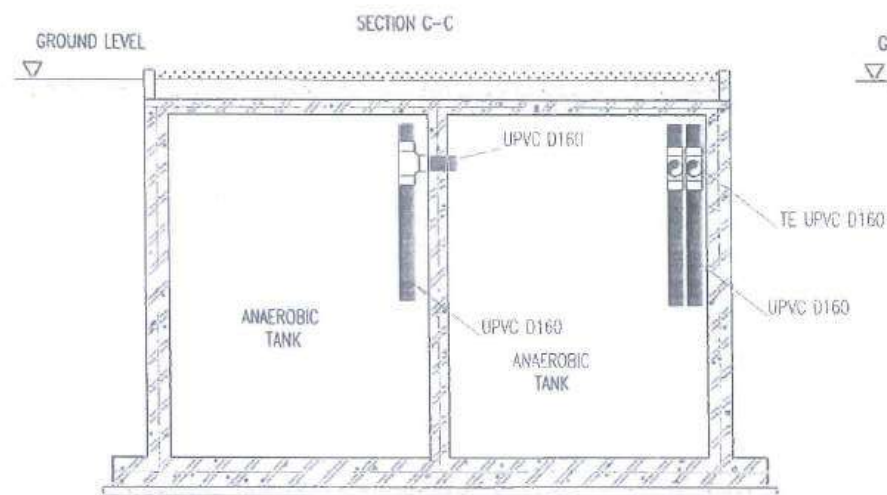
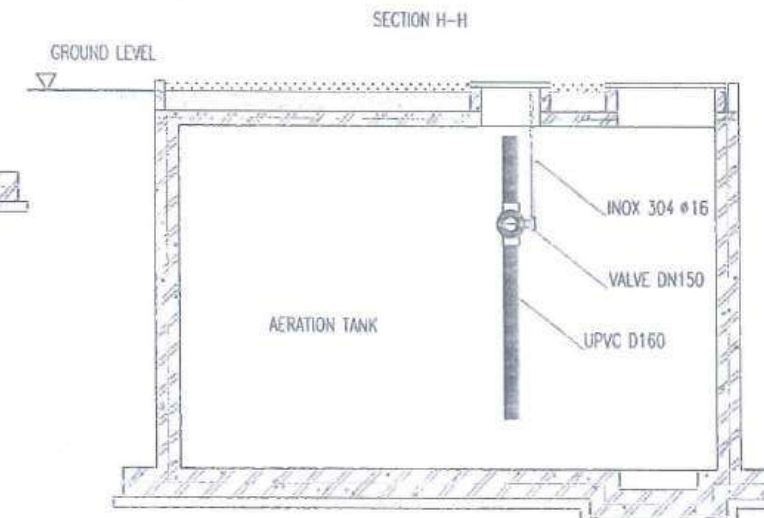
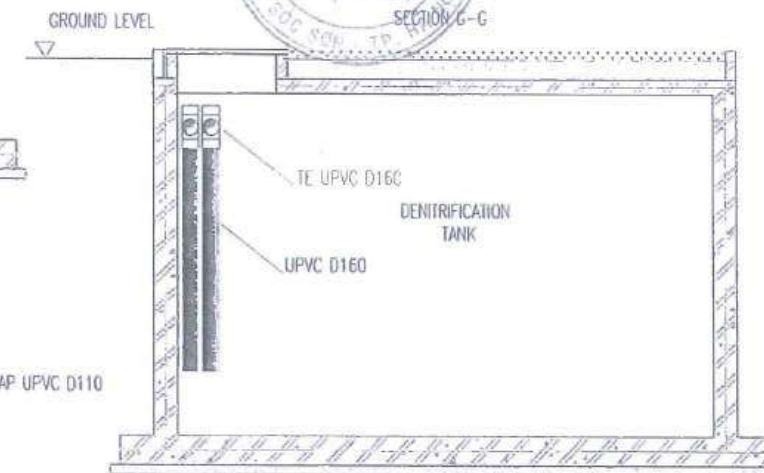
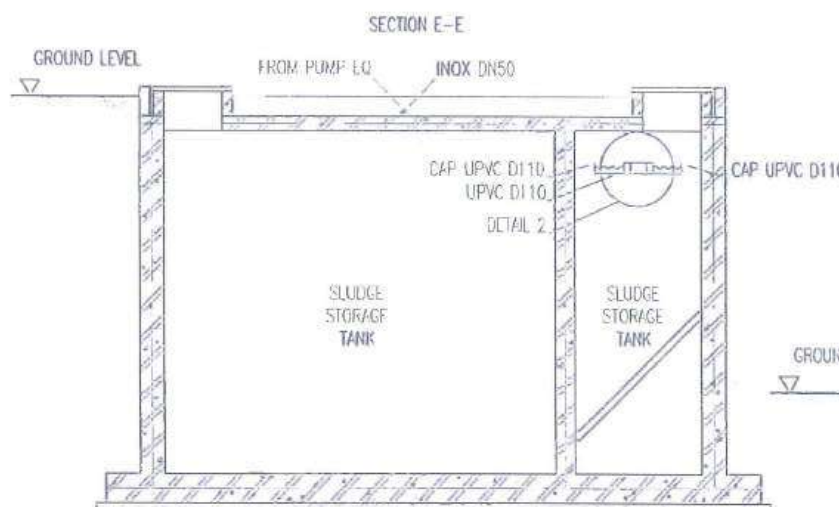
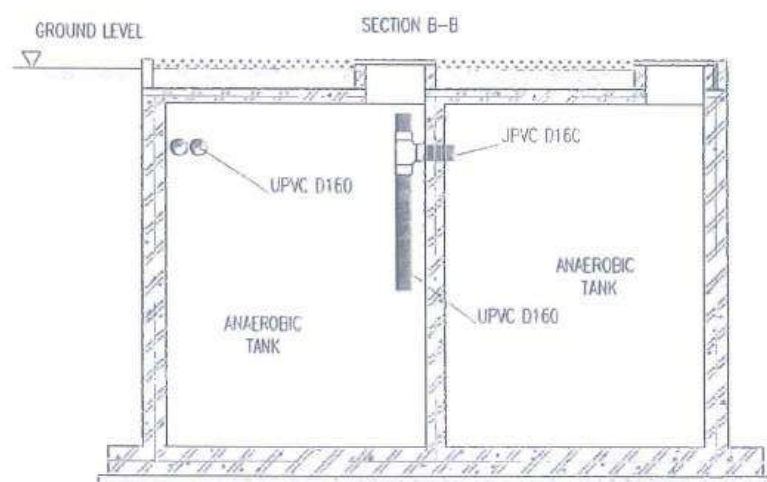
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION

012043000484

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY 11/2013 OPTICAL (VIETNAM)

MAY 2013

- NOTES:
- THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH THE GENERAL SPECIFICATIONS.
 - ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETERS.



PROJECT: DƯ AN

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) FACTORY PROJECT

LOCATION:

DIRECTOR: CHỦ ĐẦU TƯ

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

APPROVED:

DATE:

MAIN CONTRACTOR: NHÀ THẦU CHẾ

三井住友建設

SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.

CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED:

DATE:

SUB CONTRACTOR: NHÀ THẦU

01204300035

KINDEN VIETNAM CO., LTD.

CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KINDEN VIỆT NAM

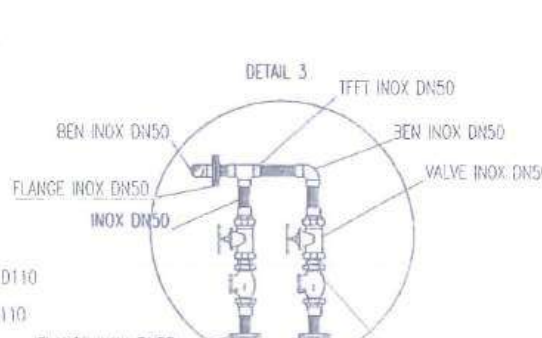
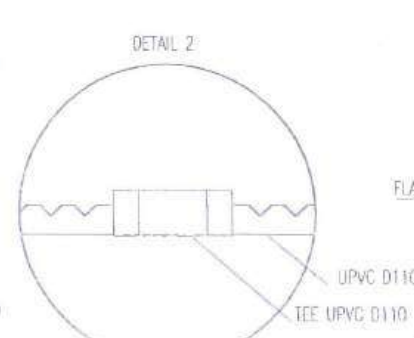
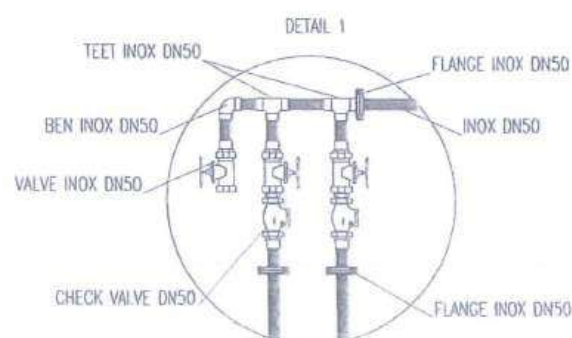
DIRECTOR: PHẠM VĂN THƯỜNG

DESIGNED:

DRAWING TITLE: TÊN BẢN VẼ

SECTION 2-2

SCALE	1/75	DRAWING NO. KÝ HIỆU BẢN VẼ
STAGE	AS-BUILT	TOAP-KC-MY-10-03
DATE	APR-2013	



AS-BUILT DRAWING

TAMRON OPTICAL
(VIETNAM) CO., LTD.

SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION



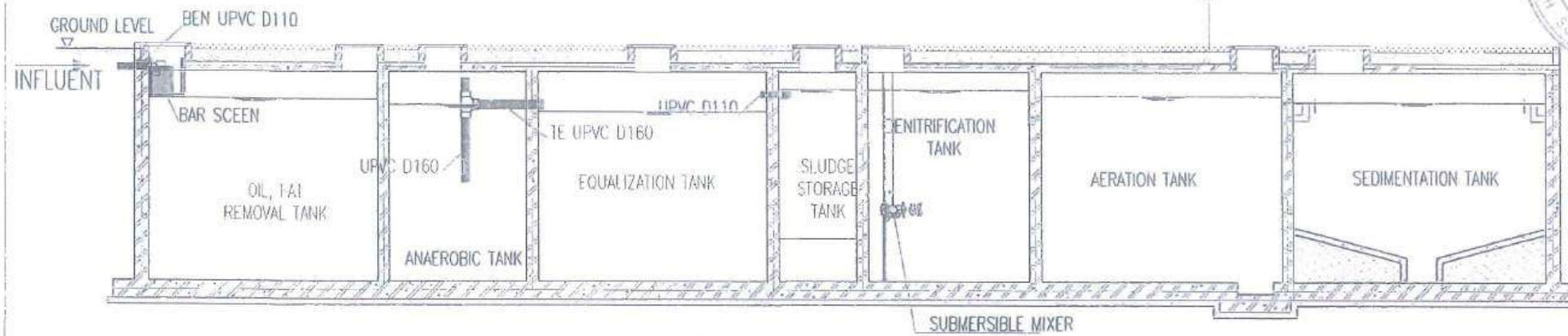
[Signature]
MAY 2013

NOTES:

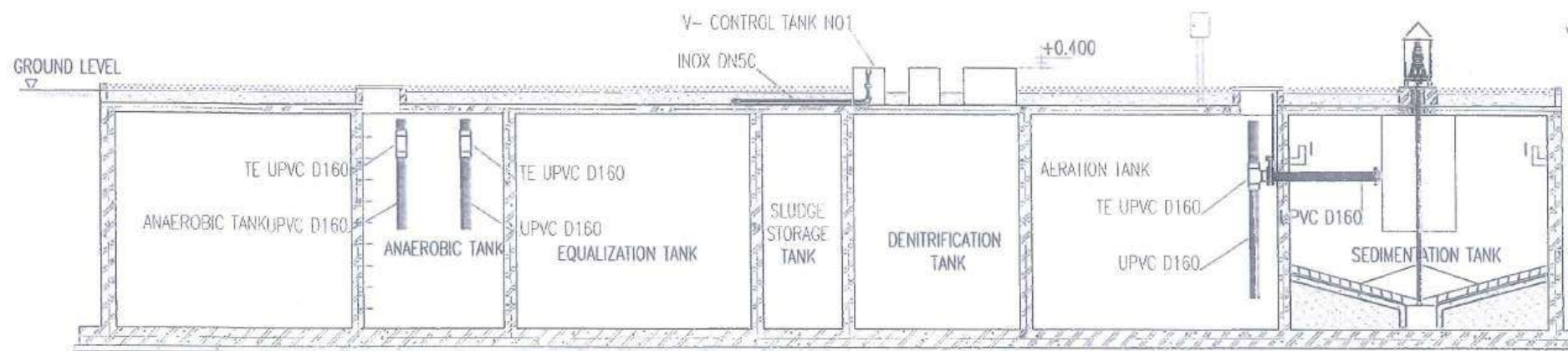
1. THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH THE SPECIFICATIONS AND THE AS-BUILT DRAWING.
2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN METERS.



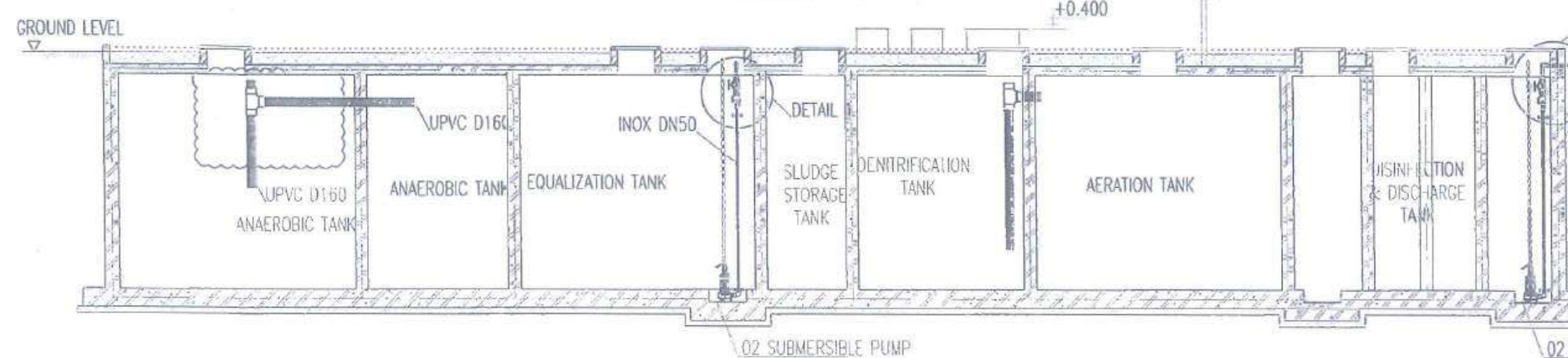
SECTION 1-1



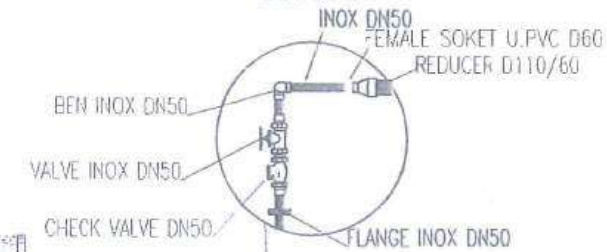
SECTION 2-2



SECTION 3-3



DETAIL 1



OUT OF SCOPE

DETAIL 1

02 SUBMERSIBLE PUMP

SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.

三井住友建設

SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED:

DATE:

SUB CONTRACTOR:



DIRECTOR:

DRAWING FILE: TÊN BẢN VẼ

SECTION 1-1

SCALE: 1/100

STAGE: AS-BUILT

DATE: APR-2013

DRAWING NO. KÝ HIỆU BẢN VẼ

TAMRON-KC-MR-10-07

AS-BUILT DRAWING

TAMRON OPTICAL
(VIETNAM) CO., LTD

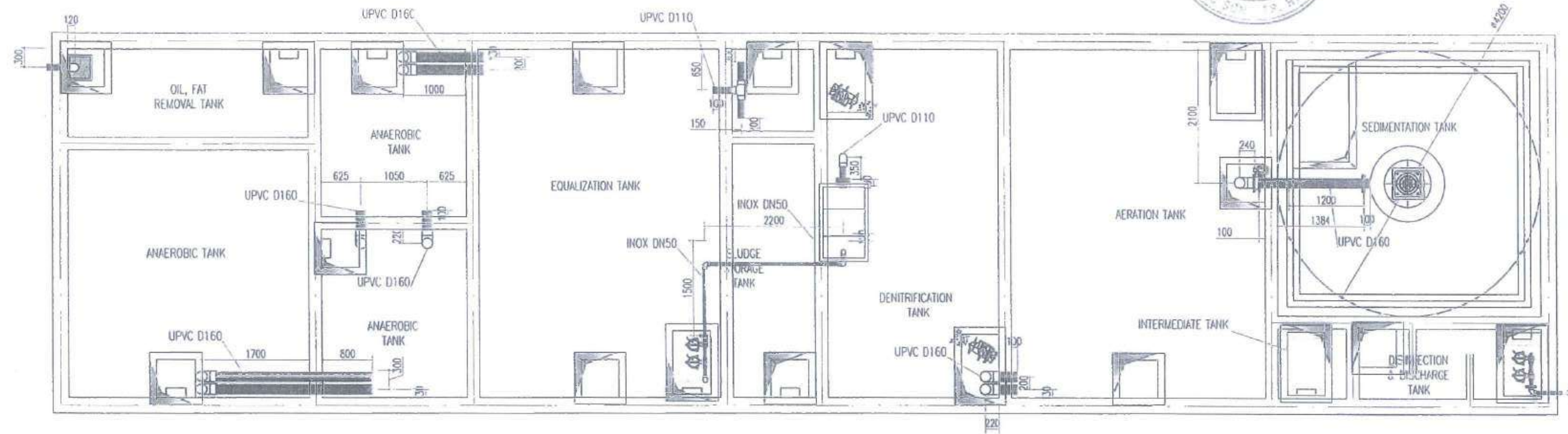
SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION



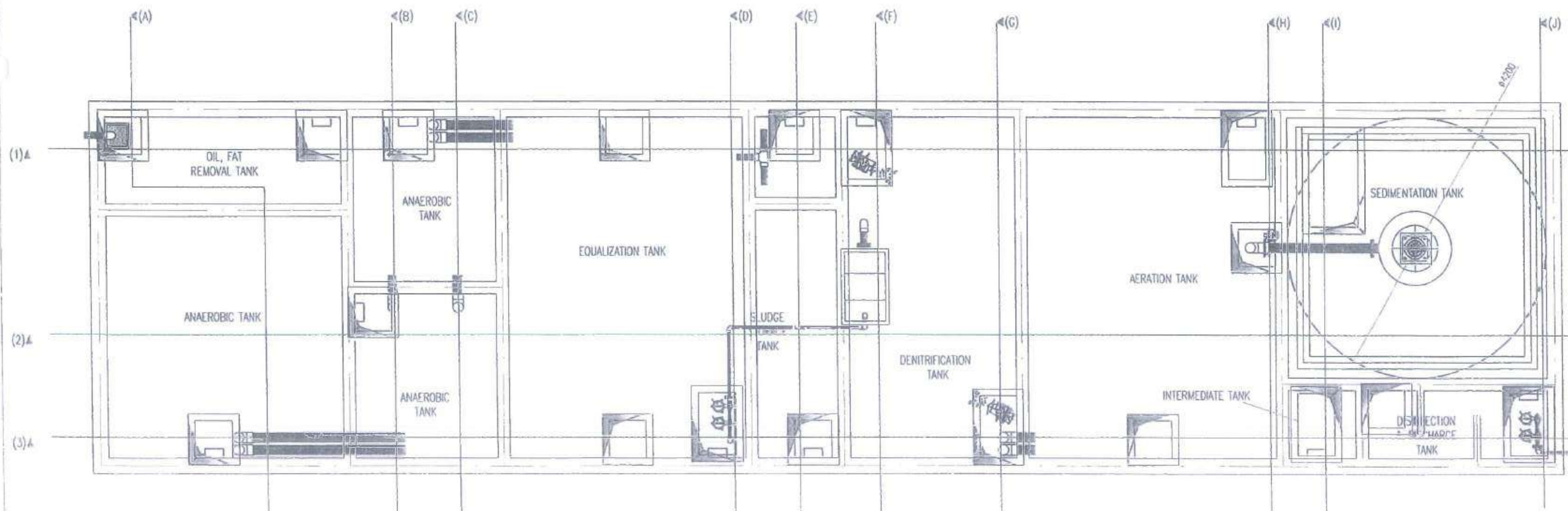
MAY 2013

NOTES:

1. THIS DRAWING SHALL BE USED IN CONSTRUCTION WITH FOLLOWING DRAWING:
2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETER.



DIRECTION OF SECTION



REV. DATE. DESCRIPTION. APPROVAL.

PROJECT: DỰ ÁN

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) FACTORY PROJECT

LOCATION:

DRAWN: CHỦ ĐẦU TƯ

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

APPROVED:

DATE:

MAIN CONTRACTOR: NHÀ THẦU CHÍNH

三井住友建設
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED:

DATE:

SUB CONTRACTOR: NHÀ THẦU PHỤ



DIRECTOR:

DRAWING TITLE: TÊN BẢN VẼ

GENERAL WASTE WATER PIPE

SCALE: 1/75

STAGE: AS-BUILT

DATE: APR-2015

DRAWING NO. KÝ HIỆU BẢN VẼ

TOP-KC-WA-10-06

SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION

1. THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH FOLLOWING DRAWING.
2. ALL DIMENSIONS SHALL BE IN MILLIMETER.



700	178-2215	TRP-KC-40-10-05
-----	----------	-----------------

P&ID DIAGRAM (CAPACITY 184M3/D)

AS-BUILT DRAWING

TAMRON OPTICAL
(VIETNAM) CO., LTD.

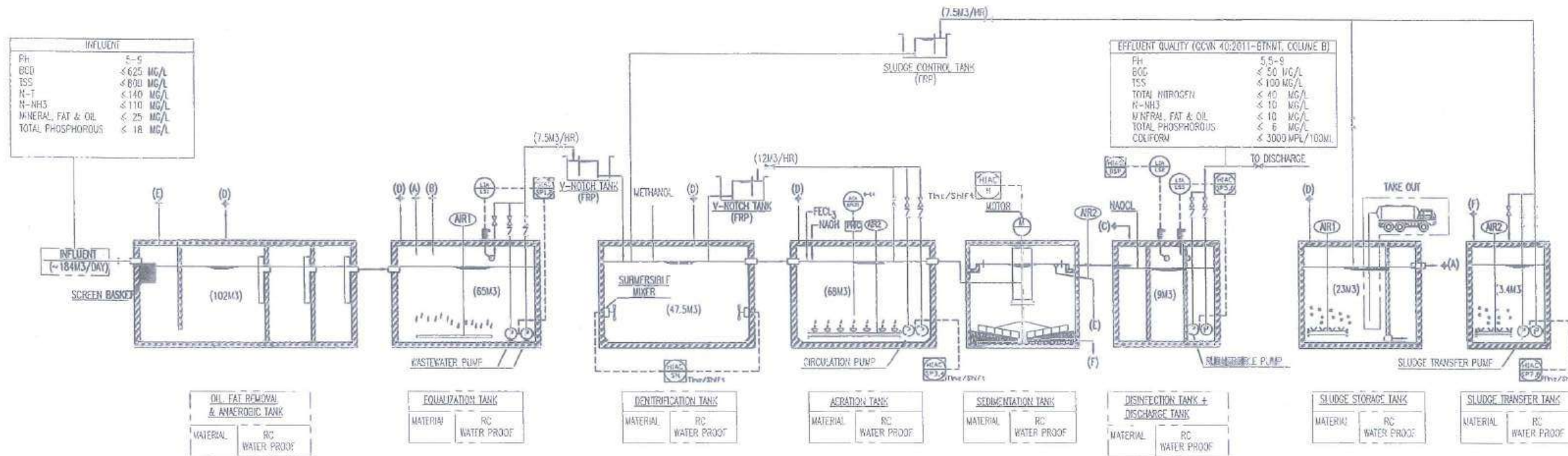
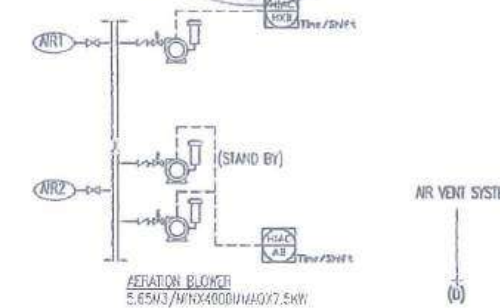
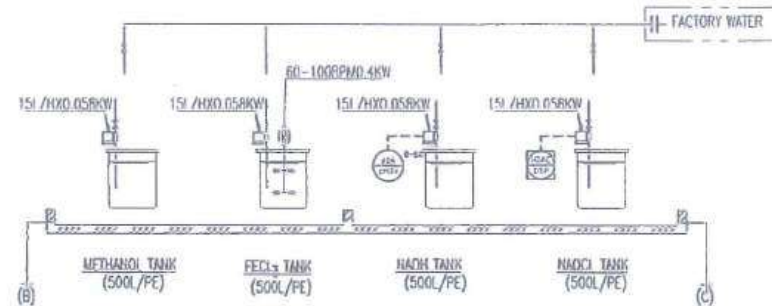
SUMITOMO MITSUI
CONSTRUCTION



MAY 2013

NOTES:

- THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH FOLLOWING DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS SHOWN IN THIS DRAWING.



REMARKS	
☐	= OUT OF OUR SCOPE

PROJECT: D1-AN

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) FACTORY PROJECT

LOCATION:

OWNER: CHỦ ĐẦU TƯ

TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.

APPROVED:

DATE:

MAIN CONTRACTOR: NHÀ THẦU CHÍNH



SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

APPROVED:

DATE:

SUB CONTRACTOR: NHÀ THẦU PHỤ



DIRECTOR:

DESIGNED:

DESIGNER: TÊN BẢN VẼ

P&ID DIAGRAM

SCALE: N.T.S.(A3)

DRAWING NO: KÝ HIỆU BẢN VẼ

STAGE: AS-BUILT

TOVP-KVC-MA-10-04

DATE: APR-2013



BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH/PROJECT : LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CHỦ ĐẦU TƯ/CLIENT : CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)
NHÀ THẦU/CONTRACTOR : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN BÁCH VIỆT
ĐỊA ĐIỂM/LOCATION : Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam

BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

--	--	--

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH/PROJECT : LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ/CLIENT : CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)

NHÀ THẦU/CONTRACTOR : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN BÁCH VIỆT

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION : Lô 69B và 70A, Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam

CHỦ ĐẦU TƯ/CLIENT

NHÀ THẦU/CONTRACTION

Hà Nội : 2026

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ/DESIGN STAGE	
THIẾT KẾ SƠ BỘ SCHEMATIC DESIGN	THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ ĐỒ BASIC DESIGN	THIẾT KẾ TH CÔNG CONSTRUCTION DESIGN
GHI CHÚ/NOTES: 1. NƠI THỰC SỬ DỤNG BẢNG VẼ MẪU ĐƯỢC LẤY TỪ HỒ SƠ CHỈ DẪN THI CÔNG	
Revision Schedule	
Rev. No.	Date
Description	
M.S.D. 105.885582-C.T.T.H.H.	
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)	
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	
DỰ ÁN/PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:	
CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER:	
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR:	
THIẾT KẾ/DESIGNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT BÁCH VIỆT	
Địa chỉ: Tầng 3 TTTH Mĩ Linh Plaza, Quang Minh, Mĩ Linh, Hà Nội	
Tel: 0982.123.456	
Email: info@bachviet.vn	
Website: https://bachviet.vn	
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR	NGUYỄN VĂN HÙNG
CHỦ NHIỆM TK. CHIEF DESIGNER	NGUYỄN VĂN HÙNG
CHỦ TRƯỞNG TK. DESIGN MANAGER	TRẦN VĂN HÙNG
THIẾT KẾ STR. DESIGNER	TRẦN VĂN HÙNG
KIỂM TRA CHECKED BY	TRẦN VĂN HÙNG
TÊN HÀNG MỤC/ITEMS NAME:	
BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:	
TỶ LỆ SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE:	
18/06/2025	
SỐ HIỆU CHỈNH REVISION No.	
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	

Revision Schedule		
Rev. No.	Description	Date

CƠ QUAN THẨM ĐỊNHDỰ ÁN/PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢIĐỊA ĐIỂM LOCATION:CHỦ ĐẦU TƯ OWNER:

CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)

GIAM ĐỐC:THIẾT KẾ/DESIGNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT
BÁCH VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM M&L Plaza, Quang Ninh, M&L, Hà Nội

Email: hachvietwa@gmail.com

Website: <https://bachviet.com.vn/>

NGUYỄN MẠNH HÙNG

CHỦ NHIỆM TK CHIEF DESIGNED	NGUYỄN VĂN MỸ MỸ
--------------------------------	------------------

CHIEF DESIGNER	HOUSTON, TEXAS
CHỦ THIẾT KẾ	

DESIGN MANAGER	TRAN QUANG KHUONG
----------------	-------------------

THIẾT KẾ
STR. DESIGNER: TRẦN DĂNG HÙNG

Kiểm tra	Trần Quang Khương
----------	-------------------

CHECKED BY _____

TÊN HÀNG NHU CỨNG HÃM:

TEA HANG NUCI TEARS NAME _____

BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢITÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME:DANH MỤC BẢN VẼDANH MỤC BAN VE:

TYPE _____
SCALE: _____

NGÀY PHÁT HÀNH:	18/06/2025
-----------------	------------

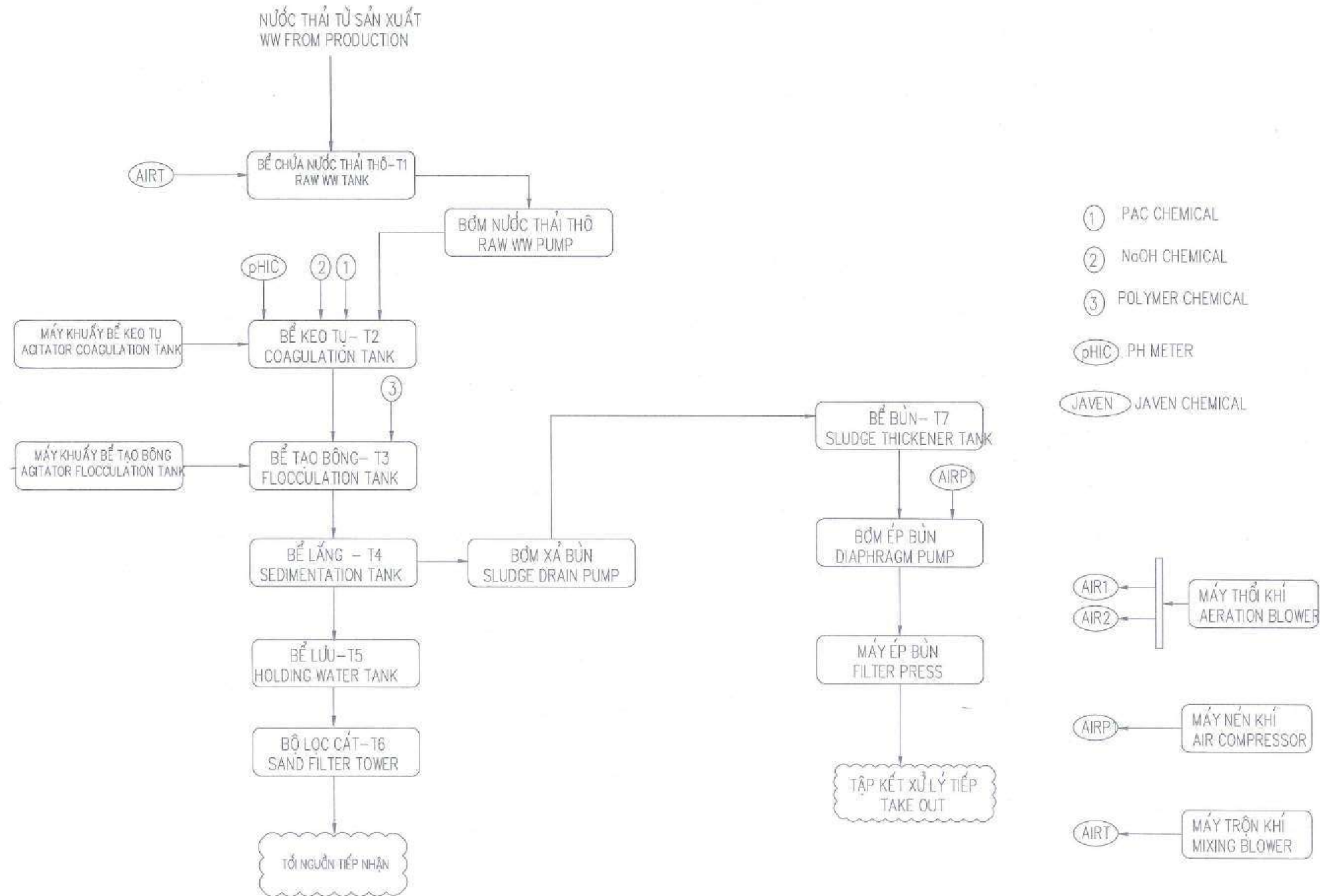
ISSUED DATE:	18/06/2023
--------------	------------

REVISION No.

SỐ HIỆU BẢN VẼ	
DẠNG THỨC	

DRAWING No.	
Scale	

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
FLOWCHART OF PRODUCTION WW TREATMENT PLANT



GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ/DESIGN STAGE		
THIẾT KẾ SƠ BỘ SCHEMATIC DESIGN	THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN	
THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIS DESIGN	THIẾT KẾ THÍ CÔNG CONSTRUCTION DESIGN	
GHI CHÚ/NOTES		
Tất cả thiết bị và vật liệu trong bản vẽ phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định hiện hành.		
KÝ CỐ ĐỊNH/CHỦ ĐÓNG		
Revision Schedule		
Rev.	Description	Date
1	OPTICAL	
2	TAMRON	
3	(VIỆT NAM)	
THÀNH PHỐ HÀ NỘI		

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

DỰ ÁN/PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER:

CÔNG TY TNHH TAMRON
OPTICAL (VIỆT NAM)

QUẢN LÝ
DIRECTOR

THIẾT KẾ/DESIGNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT
BÁCH VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1 TTTH Ngã Liên Plaza, Quảng Ninh, Hà Nội

Tel: 0981.111.111

Email: baohienhien@gmail.com

Website: https://baohienhienconstruction.com

QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR	NGUYỄN VĂN HÙNG
CHỦ NHIỆM TK CHIEF DESIGNER	NGUYỄN VĂN HÙNG
CHỦ TRƯỞNG DESIGN MANAGER	TRẦN VĂN HÙNG
THIẾT KẾ STR. DESIGNER	TRẦN VĂN HÙNG
KIỂM TRA CHECKED BY	TRẦN VĂN HÙNG

TÊN HÀNG MỤC/ITEM'S NAME:

BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME:

BV QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ
SCALE:

NGÀY PHÁT HÀNH
ISSUED DATE

18/06/2025

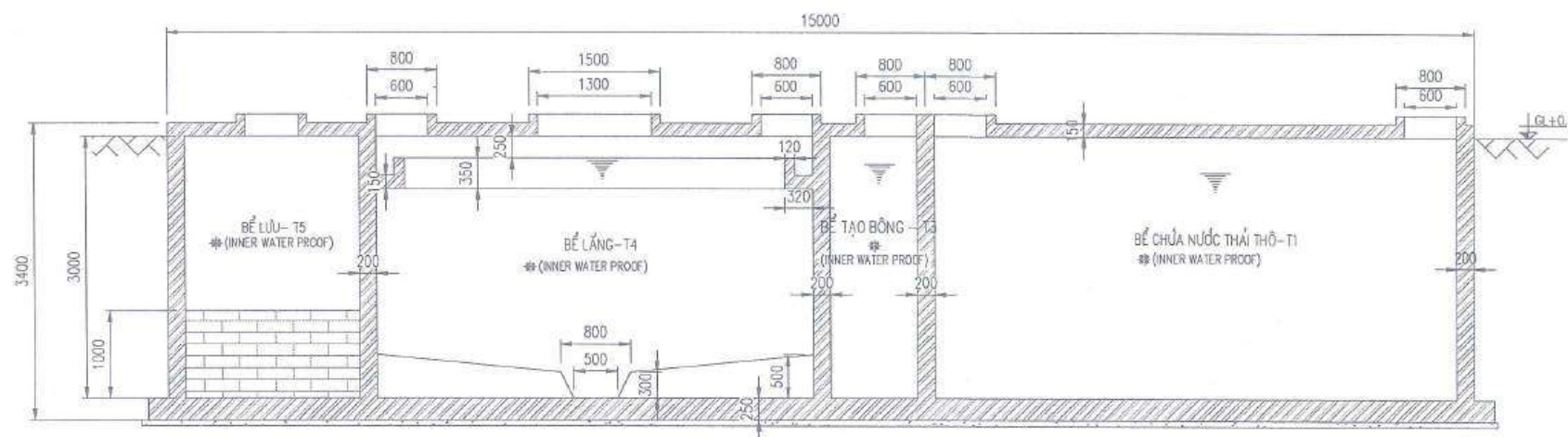
SỐ HIỆU CHỈNH
REVISION No.

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING No.

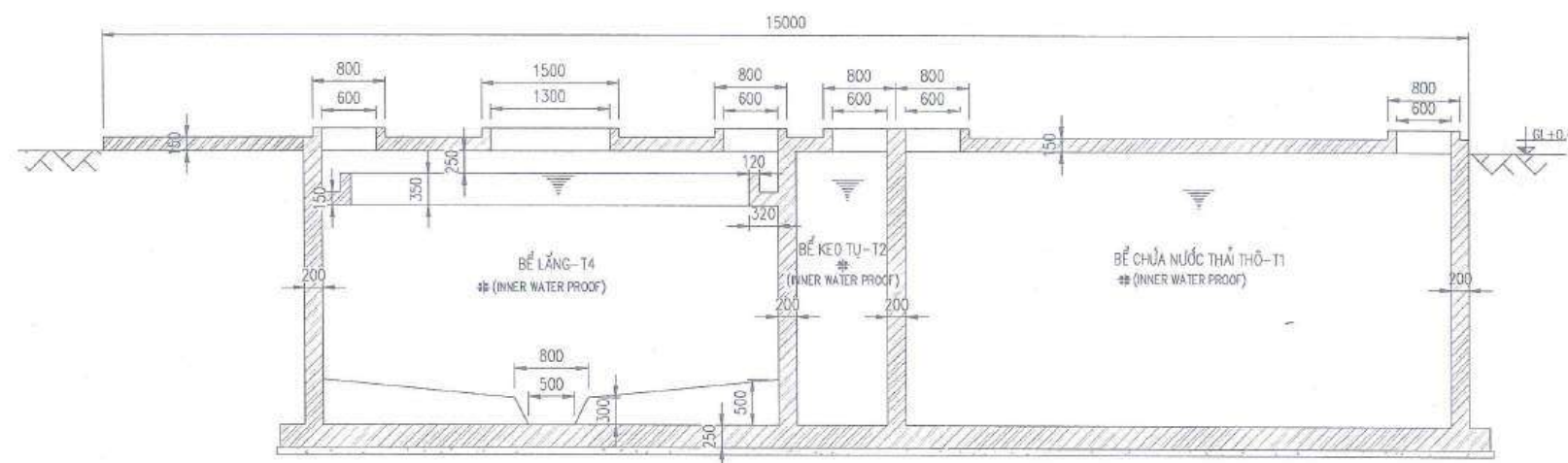
S102



GIAN ĐOẠN THIẾT KẾ / DESIGN STAGE		
THIẾT KẾ BỐ CẠ SCHEMATIC DESIGN		THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ BASE DESIGN		THIẾT KẾ TH CÔNG CONSTRUCTION DESIGN
CHỦ ĐẦU TƯ / 1. KHỐI TRƯỚC BỜ DUNG TRONG BẢN VẼ MẶT BÌNH LƯỚI MÀM, TRÚP KHAI CÓ CHỈ DẪU DU THỂ NHỎ		
Revision Schedule		
Rev. No.	Description	Date
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		
DỰ ÁN PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM LOCATION:		
CHỦ ĐẦU TƯ OWNER:		
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)		
GIÁM ĐỐC DIRECTOR		
THIẾT KẾ / DESIGNER:		
 CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT BÁCH VIỆT		
Add: Tầng 3 TTTM Mê Linh Plaza, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Tel : Email: bachvietvn@gmail.com Website: http://bachvietconstruction.vn/en-us		
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR	NGUYỄN VĂN HÙNG	
CHỦ NHIỆM TK. CHIEF DESIGNER	NGUYỄN VĂN HÙNG	
CHỦ TRƯỞ T.K. DESIGN MANAGER	TRẦN QUANG KHÁNH	
THIẾT KẾ STR. DESIGNER	TRẦN VĂN HÙNG	
Kiểm tra CHECKED BY	TRẦN QUANG KHÁNH	
TÊN HÀNG MỤC / ITEMS NAME: BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME: BV MẶT BẰNG XÂY DỰNG		
TYPE SCALE		
NGÀY PHÁT HÀNH/ ISSUED DATE: 18/06/2025		
SỐ HIỆU CHÍNH/ REVISION No.		
SỐ HIỆU BẢN VẼ \$103		



MẶT CẮT A-A:
SECTION A-A:



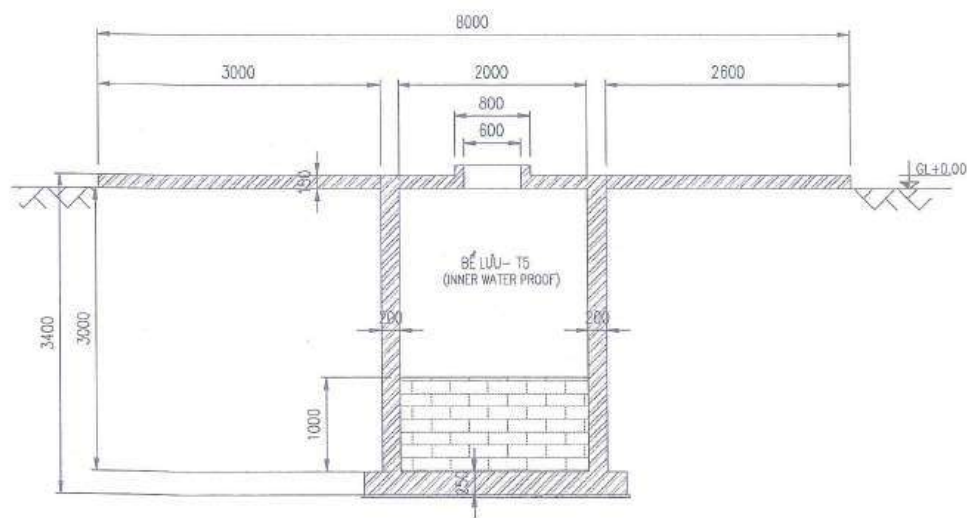
MẶT CẮT B-B:
SECTION B-B:

GHI CHÚ / REMARK:
LEVEL WATER = 2800H
GROUND LEVEL = FLOOR LEVEL - 200H

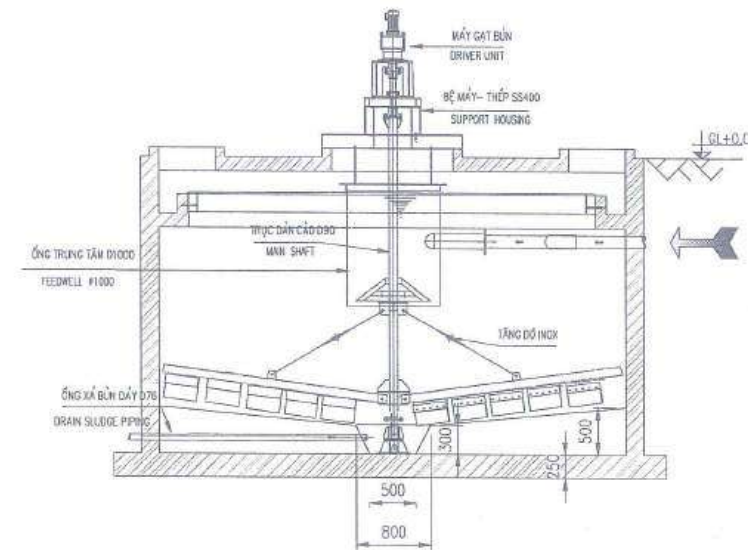
2. BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION TABLE:

No. STT	MÔU TẢ / DESCRIPTION	KÍCH THƯỚC / SIZE	DUNG TÍCH / CAPACITY	GHI CHÚ / REMARK	No. STT	MÔU TẢ / DESCRIPTION	KÍCH THƯỚC / SIZE	DUNG TÍCH / CAPACITY	GHI CHÚ / REMARK
1	BỂ CHỨA NƯỚC THẢI THỒ (PAINT WW TANK)	6000L x 5000W x 3000H	90m ³	CONCRETE MADE	3	BỂ TẠO BÔNG (FLOCCULATION TANK)	2400L x 1000W x 3000H	7.2m ³	CONCRETE MADE
2	BỂ KEO TỤ (COAGULATION TANK)	2400L x 1000W x 3000H	7.2m ³	CONCRETE MADE	4	BỂ LẮNG (SEDIMENTATION TANK)	5000L x 5000W x 3000H	75m ³	CONCRETE MADE
					5	BỂ LƯU (HOLDING WATER TANK)	2000L x 2000W x 1500H	6m ³	CONCRETE MADE

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ / DESIGN STAGE								
THIẾT KẾ SƠ ĐỒ SCHEMATIC DESIGN	THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN							
THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN	THIẾT KẾ TH CÔNG CONSTRUCTION DESIGN							
GHI CHÚ / NOTES: 1. KÍCH THƯỚC ĐƯỢC TRƯNG BÀY VẼ MẶT ĐỊNH LƯỢNG, TRỪ ĐI CÁC CHIỀU CỤ THỂ KHÁC								
Revision Schedule <table border="1"> <tr> <th>Rev. No.</th> <th>Description</th> <th>Date</th> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>			Rev. No.	Description	Date			
Rev. No.	Description	Date						
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH								
DỰ ÁN PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI 								
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION: 								
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER: CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)								
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: THIẾT KẾ / DESIGNER: CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT BÁCH VIỆT								
Add: Tầng 2 TTIN Mĩ Linh Plaza, Quang Minh, Mĩ Linh, HƯNG YÊN Tel: Email: bachvietvn@gmail.com Website: http://bachvietconstruction.com								
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR CHỦ NHIỆM TK CHIEF DESIGNER CHỦ TRÌ TK DESIGN MANAGER THIẾT KẾ STR. DESIGNER KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN HÙNG NGUYỄN VĂN HÙNG TRẦN VĂN KHUÔNG TRẦN VĂN HÙNG TRẦN VĂN KHUÔNG	TÊN HÀNG MỤC / ITEMS NAME: BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME: BẢN VẼ MẶT CẮT XÂY DỰNG TỶ LỆ SCALE: NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE: SỐ HIỆU CHỈNH REVISION No. SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.						
		18/06/2025 S104						



MẶT CẮT C-C:
SECTION C-C:



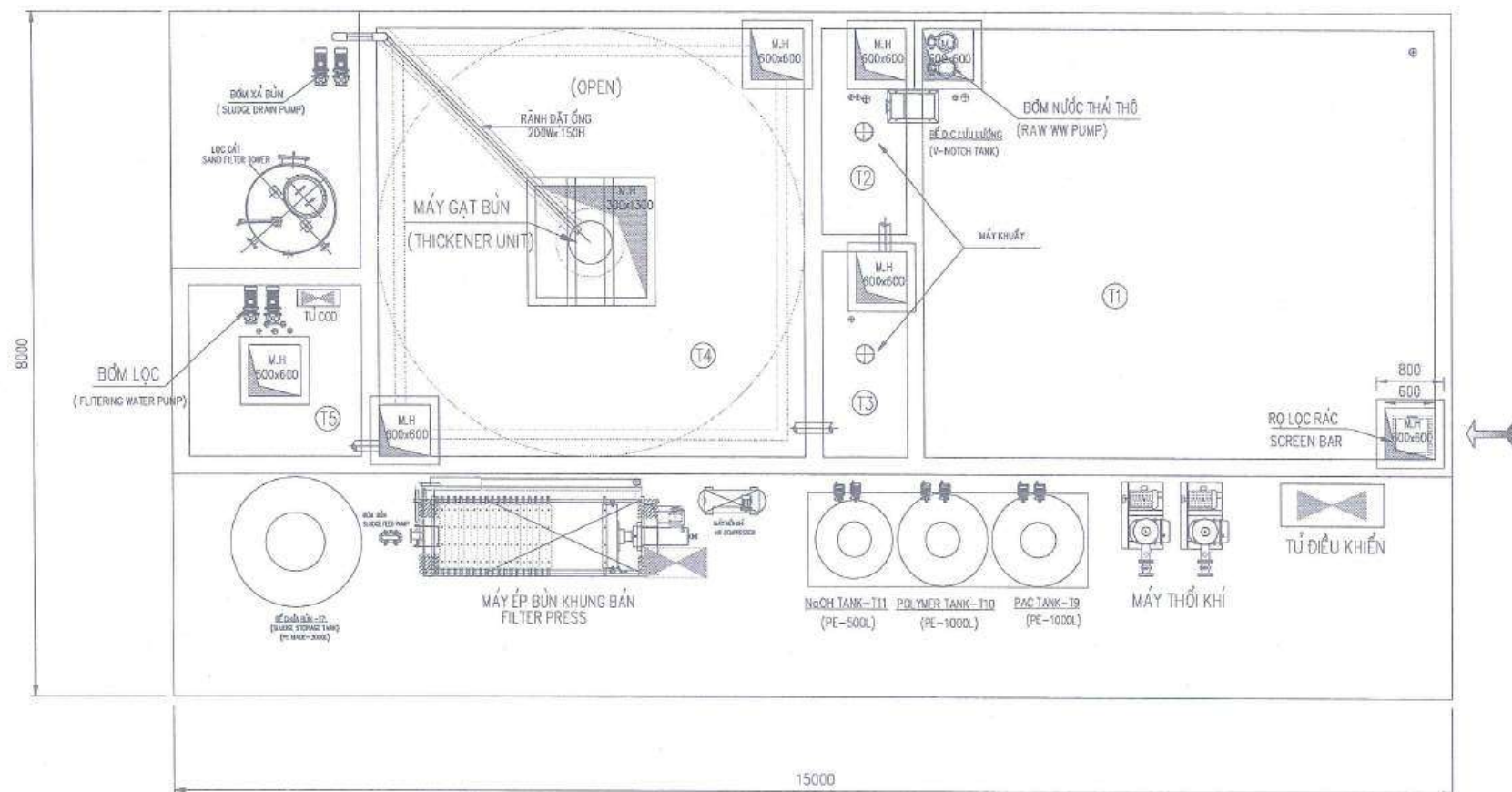
CHI TIẾT BỂ LẮNG HÓA LÝ:
DETAIL OF SEDIMENTATION TANK

GHI CHÚ/REMARK:
LEVEL WATER = 2800H
GROUND LEVEL = FLOOR LEVEL - 200H

2. BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT/SPECIFICATION TABLE:

No. STT	MÔU TẢ/ DESCRIPTION	KÍCH THƯỚC/ SIZE	DUNG TÍCH /CAPACITY	GHI CHÚ/REMARK	No. STT	MÔU TẢ/ DESCRIPTION	KÍCH THƯỚC/ SIZE	DUNG TÍCH /CAPACITY	GHI CHÚ/REMARK
1	BỂ CHỨA NƯỚC THẢI THÔ (PAINT WW TANK)	6000L x5000W x3000H	90m ³	CONCRETE MADE	3	BỂ TẠO BÔNG (FLOCCULATION TANK)	2400L x1000W x3000H	7.2m ³	CONCRETE MADE
2	BỂ KEO TỤ (COAGULATION TANK)	2400L x1000W x3000H	7.2m ³	CONCRETE MADE	4	BỂ LẮNG (SEDIMENTATION TANK)	5000L x5000W x3000H	75m ³	CONCRETE MADE
					5	BỂ LƯU (HOLDING WATER TANK)	2000L x2000W x1500H	6m ³	CONCRETE MADE

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ/ DESIGN STAGE	
THIẾT KẾ SƠ ĐỒ SCHEMATIC DESIGN	THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ BẢN BASIC DESIGN	THIẾT KẾ THỰC DÂY CONSTRUCTION DESIGN
GHI CHÚ/NOTES: 1. KÍCH THƯỚC SƠ ĐỒ TRONG BẢN VẼ MẠC ĐỊNH LÀ NHƯ TRƯỞNG KHI CÓ CHỖ CHỖ ĐÓNG THẺ KÝ	
Revision Schedule	
Rev. No.	Description
Date	
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)	
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	
DỰ ÁN PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
ĐỊA ĐIỂM LOCATION:	
CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER:	
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)	
GIAO ĐÓNG DIRECTOR:	
THIẾT KẾ/ DESIGNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN XD & PT BẠCH VIỆT	
Địa chỉ: Tầng 1 TTTH Núi Linh Plaza, Quang Minh, Hà Nội	
Tel: 0969.111.111	
Email: bachvietninh@gmail.com	
Website: http://bachvietninh.vn	
GIAO ĐÓNG KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR	
CHỦ NHIỆM KỸ CHIEF DESIGNER	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	
THIẾT KẾ STR. DESIGNER	
KIỂM TRA CHECKED BY	
TÊN HÀNG MỤC/ ITEMS NAME:	
BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME:	
BẢN VẼ MẶT CẮT XÂY DỰNG	
TỶ LỆ SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ ISSUED DATE:	
18/06/2025	
SỐ HIỆU CHỈNH REVISION No.	
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	
S105	



EQUIPMENT LAYOUT/ MẶT BẰNG THIẾT BỊ:

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ / DESIGN STAGE		
THIẾT KẾ SƠ DỒ SCHEMATIC DESIGN	THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN	THIẾT KẾ THỰC THI CONSTRUCTION DESIGN
CHỈ DẪN CHÚ Ý: 1. KỊCH THƯỚC SỬ DỤNG TRONG BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC LẤY MẪU TRÊN KẾ CỐ CHẾ CHUẨN VIỆT NAM.		
Revision Schedule		
Rev. No.	Description	Date
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		
DỰ ÁN PROJECT: HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM LOCATION:		
CHỦ ĐẦU TƯ OWNER:		
CÔNG TY TNHH TAMRON OPTICAL (VIỆT NAM)		
GIÁM ĐỐC DIRECTOR:		
THIẾT KẾ DESIGNER:		
Add: Tầng 3 TTTH Hà Linh Plaza, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội Tel: Email: benkristhns@gmail.com Website: http://baclvietconstruction.com		
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR	NGUYỄN VĂN HỒNG	
CHỦ NHIỆM TK CHIEF DESIGNER	NGUYỄN VĂN HỒNG	
CHỦ TRÍ TK DESIGN MANAGER	TRẦN QUANG KHƯƠNG	
THIẾT KẾ STR. DESIGNER	TRẦN VĂN HỒNG	
Kiểm tra CHECKED BY	TRẦN QUANG KHƯƠNG	
TÊN HÀNG MỤC / ITEMS NAME:		
BV HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME:		
BẢN VẼ MẶT BẰNG THIẾT BỊ		
TỶ LỆ SCALE:		
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE: 18/08/2025		
SỐ HIỆU CHỈNH REVISION No.		
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No. S106		